



Thông tin LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

ĐẠT CHUẨN MỨC 1



THÁNG 04 - NĂM 2025



**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ĐỒNG THÁP**



**HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG NHẤT**



**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
ĐẠT CHUẨN MỨC 1**

BAN BIÊN TẬP

TS. VÕ THỊ TUYẾT HOA - Trưởng ban
ThS. NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Phó Trưởng ban
TS. BÙI VĂN DE - Phó Trưởng ban Thường trực
TS. LÊ MINH HIẾU - Thành viên
TS. NGUYỄN QUỐC TRUNG - Thành viên
ThS. NGUYỄN QUỐC BÌNH - Thành viên
ThS. NGUYỄN THỊ ÁNH XUÂN - Thành viên
ThS. NGUYỄN HOÀI VINH - Thành viên
ThS. CHÂU THIỆN MỸ - Thành viên

ĐỊA CHỈ:

Số 411, Đường Phạm Hữu Lầu, Khóm 3, Phường 1, TP.Sa Đéc, Đồng Tháp
Điện thoại: 0277.3861409

Giấy phép xuất bản số: 318/GP-SVHTTDL do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp
cấp ngày 26 tháng 03 năm 2025

In 40 cuốn khổ 20 x 28 cm, tại Cty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp
Số 212, Lê Lợi, phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Điện thoại 02773.861.442

Trong số này

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

- PHÁT HUY TINH THẦN “XẺ DỌC TRƯỜNG SƠN ĐI CỨU NƯỚC” NUÔI LỚN KHÁT VỌNG XÂY DỰNG QUỐC GIA PHỒN VINH CHO THẾ HỆ TRẺ HÔM NAY - TS. Bùi Văn De..... 3
- PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN THAM GIA XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN - KẾT QUẢ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA - ThS. Võ Văn Quân 6
- GIÁ TRỊ CỦA HÒA BÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM THẾ HỆ TRẺ TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC - ThS. Nguyễn Thị Duyên 12
- VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - ThS. Lưu Thuý Hiền..... 16
- XÂY DỰNG PHONG CÁCH CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CÁN BỘ CẤP CƠ SỞ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - ThS. Phan Thị Minh Hiền..... 20
- TÌM HIỂU VỀ TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA KHỔNG TỬ - ThS. Phạm Thị Mỹ Nhung..... 25
- QUAN ĐIỂM NHẤT QUÁN VÀ SỰ NỔ LỰC KHÔNG NGỪNG CỦA ĐẢNG VỀ VIỆC XÁC LẬP, BẢO VỆ, HIỆN THỰC HÓA QUYỀN CON NGƯỜI - TS. Nguyễn Quốc Trung..... 30
- TƯƠNG LAI CỦA NGHỀ DẠY HỌC TRONG BỐI CẢNH GIÁO DỤC 4.0 -
ThS. Nguyễn Thị Ánh Xuân 37
- ẢNH HƯỞNG CỦA CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH VÀ CHỈ HƯỚNG CÁCH MẠNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - ThS. Nguyễn Bích Ngọc 42
- NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TẠI CẤP XÃ HIỆN NAY - CN. Lê Thị Nhật Sang 48
- TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC: HÀNH TRÌNH TIẾP NỐI KHÁT VỌNG VIỆT NAM - CN. Nguyễn Thị Trúc Linh 53
- GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH CHO ĐẢNG VIÊN TRONG “KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC” - ThS. Lê Thị Thanh Kiều..... 59

MÔ HÌNH – KINH NGHIỆM

- GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH - ThS. Lê Nguyễn Tuyết Lộc 63

➤ “HẠNH PHÚC” – GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM - ThS. Lê Thị Thanh Kiều	70
➤ QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC KHÔNG PHÂN BIỆT VÀ ỨNG DỤNG TRONG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐỒNG THÁP - ThS. Nguyễn Thị Ánh Xuân.....	74
➤ TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI HIỆN ĐẠI - ThS. Nguyễn Thị Ánh Xuân.....	81
➤ MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG CAO TUỔI Ở VIỆT NAM - CN. Trần Thuý Hà Phương.....	86
➤ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÔNG QUA MÔ HÌNH “12345” TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG AN HÒA, THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP - CN. Nguyễn Quốc Đạt.....	90
➤ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO CỦA CHI ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP - CHI ĐOÀN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP	95
➤ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP - ThS. Nguyễn Hoài Vinh.....	99
➤ GIỮ VỮNG VÀ NÂNG CHẤT CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ HƯỚNG TỚI ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO – BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ XÃ TÂN KIỂU, HUYỆN THÁP MƯỜI, ĐỒNG THÁP - ThS. Nguyễn Quốc Bình	104
TIN TỨC – SỰ KIỆN.....	110

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 50 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM 30.4.1975 - 30.4.2025 PHÁT HUY TINH THẦN “XẺ DỌC TRƯỜNG SƠN ĐI CỨU NƯỚC”¹ NUÔI LỚN KHÁT VỌNG XÂY DỰNG QUỐC GIA PHỒN VINH CHO THẾ HỆ TRẺ HÔM NAY

✪ TS. BÙI VĂN DE

Trường Chính trị Đồng Tháp

Tinh thần "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" không chỉ là một biểu tượng của lòng yêu nước, lòng dũng cảm và ý chí kiên cường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình khát vọng xây dựng quốc gia phồn vinh trong thế hệ trẻ hôm nay.

1. Đường Trường Sơn - con đường huyết mạch chi viện cho chiến trường miền Nam, thể hiện ý chí và khát vọng tự do, độc lập của dân tộc.

Để có được Đại thắng mùa xuân 1975, các chiến sĩ đoàn 559 phải đối mặt với kẻ thù tàn bạo, vượt qua bao khó khăn gian khổ của rừng thẳm Trường Sơn. Cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559 biến không thành có, ngày một lớn mạnh không ngừng, đã viết nên bản trường ca hào hùng "xẻ dọc Trường

Sơn đi cứu nước". Từ 500 cán bộ, chiến sĩ ban đầu, Đoàn 559 đã phát triển trở thành Bộ Tư lệnh 559. Đến những năm 1973-1975, Bộ Tư lệnh 559 đã có 9 sư đoàn binh chủng, 21 trung đoàn trực thuộc với 10 vạn cán bộ, chiến sĩ và hơn 1 vạn thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến. Trải qua 16 năm phục vụ và chiến đấu, bộ đội Công binh Trường Sơn trong mưa bom bão đạn, kiên cường bám trụ, giành giật từng thước đường với lời thề "Máu có thể đổ, nhưng đường

không thể tắc" đã phá núi, vượt đèo, lấp vực, xuyên rừng, vượt thác mở đường, bám đường, bảo vệ và sửa chữa đường, đảm bảo thông suốt một hệ thống giao thông kỹ lục gồm 5 tuyến đường trục dọc, 21 tuyến đường trục ngang với gần 17.000 km đường xe cơ giới. Nhờ vậy, tuyến giao thông vận tải Trường Sơn đã bảo đảm cho hơn 1,1 triệu lượt cán bộ, chiến sĩ đi vào chiến trường miền Nam và các hướng mặt trận lớn, đưa hơn 650.000 lượt cán bộ, chiến sĩ từ các chiến trường về hậu phương miền Bắc, trong đó có gần 310.000 thương binh, bệnh binh và số lượng lớn vũ khí, quân nhu, quân dụng đáp ứng yêu cầu chiến đấu của chiến trường miền Nam.

Với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến," lớp lớp thanh

¹ Tô Hữu - Theo dấu chân Bác.

niên đã đi theo tiếng gọi của NON SÔNG:

“XÈ DỌC TRƯỜNG SƠN ĐI CỨU NƯỚC,”

“Lớp cha trước, lớp con sau

Đã thành đồng chí chung
câu quân hành.”

Công việc hậu phương
đón xuống đôi vai của người
ở lại...

Biết bao bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, đồng bào các dân tộc đã hiến dâng cả tuổi thanh xuân của mình để giữ vững mạch máu giao thông trên con đường huyền thoại này. Tất cả những yếu tố đó đã góp phần làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

2. "Xẻ dọc trường sơn" – nguồn cảm hứng bất tận cho thế hệ trẻ hôm nay trong xây dựng đất nước.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội lớn để phát triển nhưng cũng gặp không ít thách thức. Tinh thần "Xẻ dọc Trường Sơn" mang lại cho thế hệ trẻ nguồn cảm hứng mạnh mẽ, khơi dậy tinh thần đổi mới, sáng tạo và nỗ lực không ngừng vượt qua khó khăn.

Tinh thần này đã tạo dựng nền tảng vững chắc cho những

giá trị cốt lõi như ý chí kiên định, lòng yêu nước và tính đoàn kết. Đây là những phẩm chất cần thiết cho bất kỳ quốc gia nào muốn phát triển bền vững và thịnh vượng. Thế hệ trẻ Việt Nam, với tinh thần ấy, đang không ngừng phấn đấu học tập, nghiên cứu và hoàn thiện bản thân, góp phần đưa đất nước tiến lên.

Kiên định và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng:

Sự kiên định và vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong những yếu tố then chốt giúp thế hệ trẻ hiện nay vượt qua những thử thách và cống hiến hết mình cho sự phát triển của đất nước. Trong bối cảnh đất nước đang đổi mới và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, thanh niên Việt Nam cần một kim chỉ nam rõ ràng, và Đảng đã, đang và luôn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, dẫn dắt từng bước phát triển của quốc gia. Thế hệ trẻ, với tri thức hiện đại và tinh thần năng động, cần nhận thức sâu sắc về giá trị và tầm quan trọng của lòng tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng. Đây không chỉ là một nhiệm vụ đối với công dân trẻ mà còn là điều cần thiết để bảo đảm sự ổn định chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn

dân. Bằng cách học tập, noi gương thế hệ cha anh trong **"xẻ dọc trường sơn"** triển khai những chính sách mang tính thực tiễn, thế hệ trẻ có thể đóng góp tích cực vào việc xây dựng một tương lai tươi sáng, văn minh và phát triển bền vững cho Tổ quốc.

Khơi dậy tinh thần đổi mới và sáng tạo cho thế hệ trẻ:

Tinh thần "Xẻ dọc Trường Sơn" trong quá khứ đã hun đúc nên phẩm chất kiên cường, sáng tạo của dân tộc Việt Nam, và ngày nay, đó là nguồn cảm hứng mãnh liệt thôi thúc thế hệ trẻ không ngừng đổi mới, dám nghĩ, dám làm vì những khát vọng vươn mình của dân tộc. Chẳng hạn, trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, những startup trẻ đầy tài năng như MoMo hay VNPT đã không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trên bản đồ công nghệ Đông Nam Á, khẳng định quốc gia như một "con rồng công nghệ" thực thụ. Đồng thời, nhiều bạn trẻ tại vùng sâu, vùng xa lại lựa chọn con đường khởi nghiệp từ chính những sản vật quê hương, sản phẩm OCOP, tạo dựng thương hiệu mang tầm cỡ trong nước và quốc tế. Hơn thế nữa, phong trào thanh niên tình nguyện trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19, từ các hoạt động

cứu trợ đến dự án "ATM gạo", đều là minh chứng hùng hồn cho sự dấn thân, không ngại hy sinh vì cộng đồng của thế hệ trẻ ngày nay. Chính vì vậy, đổi mới không đơn thuần chỉ là phát triển công nghệ cao, mà còn là tư duy đột phá, dám vượt qua những định kiến lạc hậu để mở đường tới thành công. Thông điệp ấy chính là lời thúc giục thế hệ trẻ tiếp tục nuôi dưỡng và lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo, như cách mà tiền nhân đã từng "xẻ núi" để tạo dựng tương lai, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam - *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Tập IX, Nxb CTQG, H. 2012.
2. NS. Trương Quang Lục, *Âm vang trên đường xẻ dọc Trường Sơn, đi cứu nước*, Báo Sài Gòn giải phóng điện tử: <https://www.sggp.org.vn/am-vang-tren-duong-xe-doc-truong-son-di-cuu-nuoc-post5632.html>.
3. Lã Quý Hưng, *Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*, Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử: <https://www xaydungdang.org.vn/van-hoa-xa-hoi/xe-doc-truong-son-di-cuu-nuoc-7389>
4. Nhớ thời “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, Tạp chí Tuyên giáo điện tử, <https://www.tuyengiao.vn/nho-thoi-xe-doc-truong-son-di-cuu-nuoc-154259>

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN THAM GIA XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN - KẾT QUẢ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

✪ ThS. VÕ VĂN QUÂN

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Đảng Cộng sản Việt Nam như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định là đạo đức, văn minh, là lương tâm và trí tuệ của dân tộc. Điều đó có nghĩa Đảng, chính quyền phải trong sạch, vững mạnh trong toàn Đảng bộ và từng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên. Muốn vậy, phải tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, về đạo đức và phong cách để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Xây dựng Đảng không chỉ là công việc của Đảng mà còn là công việc của nhân dân, trách nhiệm của nhân dân. Nhân dân là đối tượng lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đồng thời là chỗ dựa của Đảng, là nguồn sức mạnh của Đảng, phục vụ nhân dân là lý do tồn tại của Đảng. Đảng là con đẻ của nhân dân, sống trong lòng dân, vì vậy nhân dân có trọng trách to lớn là xây dựng Đảng, chính quyền của mình trong sạch, vững mạnh. Dựa vào nhân dân để xây dựng

Đảng đã trở thành một nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay và được khẳng định trong Cương lĩnh năm 2011, Hiến pháp 2013. Nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết, điều đó được thực hiện bằng nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp để phát huy vai trò của nhân dân, thể hiện ở các mặt sau:

Một là, nhân dân góp ý kiến để xây dựng và bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên, công chức và các tổ chức đảng, tổ chức chính quyền trong việc thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật, qua đó phát hiện những sai trái, vi phạm, những vấn đề cần được bổ sung, điều chỉnh và xử lý kịp thời.

Ba là, nhân dân góp phần

phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực của một số cán bộ, đảng viên, công chức; giám sát việc thực hiện Điều lệ Đảng, đạo đức của người đảng viên, quy định về những điều đảng viên không được làm, giám sát việc thực hiện đạo đức công vụ của công chức.

Để tạo điều kiện phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng Đảng, chính quyền (trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Đảng, và xây dựng chính quyền phải gắn chặt với nhau), Đảng đã chủ trương xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng, chính quyền đến ngoài xã hội, tạo môi trường dân chủ để nhân dân mạnh dạn góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên, công chức, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đảng đã ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở, Nhà nước ban hành Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở là pháp lý để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm,

dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú, qua đó nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên, thông qua “tai mắt” của nhân dân phát hiện những trường hợp làm giàu bất minh, bất chính, giàu lên một cách bất thường cũng như mối quan hệ “không bình thường” của đảng viên, cán bộ lãnh đạo với doanh nghiệp. Các hình thức góp ý cho Đảng, chính quyền và giám sát cán bộ, đảng viên ngày càng phong phú. Đảng, chính quyền đã tổ chức nhiều cuộc lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội, các luật, pháp lệnh, có liên quan đến đời sống của người dân, qua đó huy động trí tuệ của toàn dân để xây dựng Đảng, chính quyền ngày càng hoàn thiện.

Nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị và cơ sở đã tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân; tổ chức lấy ý kiến nhận xét của nhân dân nơi cư trú (thôn, xóm, tổ dân phố) đối với cán bộ, đảng viên trước khi kiểm điểm cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên theo định kỳ. Đã có nhiều hình thức góp ý xây dựng

Đảng như: hòm thư góp ý xây dựng Đảng, chính quyền đặt công khai tại trụ sở các tổ chức đảng, chính quyền các cấp; hoặc thông qua trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức đảng, chính quyền; hoặc thông qua chuyên mục góp ý xây dựng Đảng trên báo chí, đài, trạm truyền thanh; thông qua điện thoại đường dây nóng, zalo, hộp thư điện tử của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; thông qua tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân; thông qua các buổi tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII của Đảng khẳng định: “Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình”. Theo hướng như trên, trong những năm qua, Đảng đã lãnh đạo Nhà nước xây dựng và ban hành nhiều Luật thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân, quyền và trách nhiệm xây dựng Nhà nước của công dân, cũng như trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức đối với nhân dân trong việc

thực thi các quyền đó, trong việc bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đó là các Luật như: Luật khiếu nại, Luật tố cáo, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật tiếp công dân, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí..., chính nhân dân là người đã phát hiện, tố giác nhiều vụ tham nhũng, tiêu cực, cung cấp nhiều thông tin quan trọng cho các cơ quan chức năng và báo chí để phanh phui, điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng, góp phần làm trong sạch bộ máy Đảng, chính quyền các cấp.

Tuy nhiên, những kết quả tích cực, đạt được trên đây trong việc phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền, nhất là trong tình hình mới hiện nay. Ở một số nơi, nhất là ở cơ sở, người dân còn né tránh, e ngại trong việc góp ý, phê bình cán bộ, đảng viên, không dám tố giác tham nhũng, tiêu cực. Mặt khác, ở một số nơi cấp ủy đảng, chính quyền nhận thức vấn đề này chưa sâu sắc và đầy đủ, thậm chí có nơi còn vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, ngại tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, chỉ thích nghe

khen, nghe tiếng nói xuôi chiều, không thực hiện công khai, minh bạch, thiếu trách nhiệm trong giải quyết các nguyện vọng, yêu cầu bức xúc của người dân, không tổ chức các cuộc hội nghị để nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên và cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị chính quyền; không thực hiện giải trình trước nhân dân, có nơi tổ chức một cách hình thức, kém hiệu quả.

Vì vậy, trước yêu cầu của tình hình mới, nhiệm vụ mới, cần có những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ, cụ thể để tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, phát huy tốt hơn nữa vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, được nhìn từ 2 góc độ: (1) từ góc độ người dân, phải nâng cao nhận thức, sự giác ngộ chính trị của nhân dân, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, chính quyền, tính tích cực, sáng tạo của nhân dân đối với công tác xây dựng Đảng, chính quyền (2) từ góc độ Đảng, chính quyền, phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với nhân dân, đem lại lợi ích cho nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, tạo điều kiện về tổ chức, cơ chế, chính sách, pháp luật để phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

Từ góc độ nêu trên, xin đặt ra một số vấn đề như sau:

Một là, Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, chính quyền với nhân dân; về công tác dân vận trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và toàn bộ hệ thống chính trị

Cần nắm vững và thực hiện nghiêm túc những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người chỉ rõ: Bao nhiêu lợi ích đều vì dân; quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân; đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của nhân dân; chính quyền từ Trung ương đến xã do dân cử ra. Cán bộ, đảng viên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; là công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân; “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”.

Người khẳng định trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên: “Cán bộ, đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt “quan cách mạng” ra lệnh ra oai... Phải khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kêu ngạo;

phải thực sự cầu thị, không được chủ quan. Phải luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải “chí công vô tư” và có tinh thần “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Đó là đạo đức của người cộng sản”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác dân vận để gắn ý Đảng với lòng dân, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân để xây dựng Đảng, chính quyền. Người viết: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. Có thể khẳng định sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chữ “DÂN”, thân dân, vì dân, trọng dân, “trong bầu trời không quý gì bằng nhân dân”. Có thực sự quán triệt và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về dân thì mới tăng cường lòng tin của dân đối với Đảng, chính quyền, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân để xây dựng Đảng, chính quyền.

Hai là, thực hành dân chủ, đề cao và phát huy quyền làm chủ của nhân dân

Để nhân dân tự giác phát huy sức lực và trí tuệ đóng góp cho xây dựng Đảng, xây dựng phẩm chất đạo đức của cán

bộ, đảng viên, cần phải thực hành dân chủ rộng rãi, để làm sao dân thực sự là chủ, dân làm chủ. Phải từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ từ trong Đảng, chính quyền đến ngoài xã hội được thực hiện trong thực tế ở các cấp, các ngành, các địa bàn, các lĩnh vực. Cần xây dựng các thiết chế, thể chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; từng bước thực hiện quyền tổ chức, quản lý đời sống cộng đồng.

Cần đổi mới, cải tiến quy chế bầu cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp) để khắc phục tính hình thức trong bầu cử, tạo điều kiện cho người dân thực sự có quyền lựa chọn những người xứng đáng thay mặt mình gánh vác công việc chung của đất nước và địa phương. Đây là quyền quan trọng nhất của người dân. Cần cải tiến việc tiếp xúc cử tri sao cho thực chất để lãnh đạo Đảng, chính quyền có thể nghe được tiếng nói thật của người dân. Đồng thời, thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Đây là một hình thức dân chủ nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người lãnh

đạo chính quyền trước dân và trách nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân trước cử tri, qua đó có thể bãi miễn những người do mình bầu ra nếu không còn xứng đáng. Đây chính là hình thức thực hiện tư tưởng của Mác và Lênin về thực hiện quyền bầu cử và bãi miễn trong nhà nước kiểu mới của giai cấp vô sản.

Cần đổi mới cơ chế và quy trình ra quyết định lãnh đạo, quản lý theo hướng phát triển dân chủ, phát huy vai trò của nhân dân trong việc tham gia xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhớ lại vào đầu những năm 1980, từ thực tiễn “khoán chui” của một số hợp tác xã nông nghiệp ở Đồ Sơn (Hải Phòng), Vĩnh Tường của Vĩnh Phúc, Đảng đã biết lắng nghe dân, trân trọng những sáng kiến của dân, làm phong phú trí tuệ của Đảng. Chính những ý kiến, nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng, chính quyền. Nhân dân phải là người tham gia đầu tiên khi hình thành các quyết định. Ngày nay, trong thực tiễn đổi mới ở Việt Nam nói chung, các địa phương nói riêng có rất nhiều ví dụ điển hình nói lên bài học “lấy dân làm gốc”, bài học thân dân, trọng dân, biết lắng nghe dân,...Nếu biết tranh thủ ý kiến của nhân

dân, ý kiến chuyên gia trước khi quyết định sẽ tạo được sự đồng thuận cao và tránh được sai lầm.

Nhiều cấp ủy địa phương đã có những bước đổi mới trong việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết. Nghị quyết khi ban hành phải tham gia bàn thảo, nhất là đối với những vấn đề khó, liên quan đến xây dựng nông thôn mới, xây dựng giao thông, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, những vấn đề liên quan đến người dân...mỗi nội dung đều được đưa ra bàn bạc dân chủ, tranh luận sôi nổi để phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành nhằm đưa cuộc sống vào nghị quyết. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết lại thêm một lần sáng tạo, dựa vào dân, bàn với dân tìm cách làm hay nhất. Có nghị quyết đúng, trúng vấn đề vẫn chưa đủ, mà cần có quyết tâm cao, dựa vào dân, bàn với dân tìm cách thực hiện thì khó mấy cũng làm được. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *“Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”*.

Cần tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và Quy chế công tác dân vận trong hệ thống chính trị; phát

huy vai trò làm chủ của nhân dân trong các công việc hằng ngày ở ngay trên địa bàn trực tiếp nhất. Thực hiện cơ chế để nhân dân đóng góp ý kiến, giám sát công việc của Đảng, chính quyền, nhất là trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, các kế hoạch, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển quan trọng; giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền, của cán bộ, đảng viên, công chức; định kỳ lấy ý kiến góp ý, phê bình của nhân dân. Phát huy vai trò của Thanh tra nhân dân (*thanh tra thường xuyên và thanh tra vụ việc*), của hội nghị cán bộ, công chức hằng năm ở các cơ quan, đơn vị.

Cần có chế độ cung cấp thông tin cho nhân dân và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trước nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải nêu gương trước nhân dân, thực hiện tốt Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; cần có quy định về dân chủ trong Đảng, chính quyền cụ thể và chế độ trách nhiệm đối với nhân dân.

Ba là, tăng cường vai trò

giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là những tổ chức rộng rãi của quần chúng nhân dân, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở, phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm, tình hình cụ thể của từng giai tầng xã hội trong từng giai đoạn cách mạng.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội làm tham mưu và nòng cốt trong việc nắm bắt dư luận xã hội, phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm của công dân trong thực hiện giám sát xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cần tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; ban hành và thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý

xây dựng đảng, chính quyền với các hình thức góp ý định kỳ, góp ý thường xuyên và góp ý đột xuất; thực hiện giám sát đối với cả cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng, tổ chức chính quyền; phản biện xã hội, góp ý kiến từ khâu xây dựng chủ trương, chính sách đến tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện (*theo Quyết định 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị và Quyết định 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị*). Đa dạng hóa các loại hình, phương thức giám sát phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể của từng loại hình hoạt động. Giám sát với nhiều cấp độ và thông qua nhiều kênh; giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; giám sát thông qua dư luận xã hội và các cơ quan truyền thông, báo chí. Để xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, cần khẳng định quan điểm “*Đảng chịu sự giám sát của nhân dân*”, nhất là trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền và đưa quan điểm này vào Hiến pháp và Luật Mặt trận Tổ quốc.

Cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng phát huy dân chủ; tăng tính tự chủ, chủ động trong hoạt động để gần dân, sát dân hơn, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức.

Bốn là, tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng, chính quyền

Cần thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Thể chế hóa các quan điểm, đường lối mới của Đảng về dân vận thành các văn bản pháp luật để các cấp chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân thực hiện. Sửa đổi, bổ sung các chính sách cụ thể phù hợp với từng giai tầng xã hội, từng thế hệ, giới, dân tộc, tôn giáo. Thực hiện phong cách dân vận của Hồ Chí Minh như gần dân, giúp dân, thương yêu, quý trọng dân, học tập dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin, nói đi đôi với làm, sâu sát cơ sở.

Các cơ quan công quyền có quan hệ trực tiếp với nhân dân cần công khai các quy định cụ thể về trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức để nhân dân biết và giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đổi mới công nghệ số, chuyển đổi số, đổi mới lề lối làm việc, nâng cao tinh thần phục vụ trước nhân dân.

Công tác dân vận chủ yếu thông qua phương pháp vận động, thuyết phục, khắc phục lối làm việc quan liêu, mệnh

lệnh hành chính. Các cấp ủy đảng, chính quyền phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với nhân dân; lắng nghe, tiếp thu ý kiến; giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Coi trọng công tác tuyên truyền nhằm hướng vào những vấn đề nhân dân đang quan tâm, băn khoăn, bức xúc nhằm cung cấp thông tin xác thực, giải tỏa tâm lý, tư tưởng, khơi thông những hoài nghi, thắc mắc, động viên, cổ vũ những nhân tố mới, tăng cường đoàn kết, tạo đồng thuận xã hội.

Năm là, đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các chính sách, pháp luật đáp ứng nhu cầu và lợi ích chính đáng của nhân dân

Cần tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Xử lý nghiêm những phần tử thoái hóa, biến chất, ức hiếp nhân dân, lợi dụng chức quyền mưu cầu lợi ích của nhân dân, vi phạm quyền lợi chính đáng của nhân dân, không còn được nhân

dân tín nhiệm. Cán bộ, đảng viên, công chức phải hiểu dân; gương mẫu, tận tụy với công việc, nói đi đôi với làm để nhân dân tin tưởng noi theo.

Mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải hợp lòng dân, xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, phải thực sự vì dân. Quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân như việc làm, giải tỏa, đền bù, thu hồi đất, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, làm đường giao thông, giá cả, môi trường, hoạt động tín dụng đen,... Cần có những biện pháp cụ thể để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là điều kiện sống, lao động, học tập, nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe,... Chỉ có như vậy mới củng cố, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa nhân dân với Đảng, gắn ý Đảng với lòng dân; mới phát huy được sức mạnh của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam; *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII.*
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập.
3. Các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước có liên quan.

GIÁ TRỊ CỦA HÒA BÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM THẾ HỆ TRẺ TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

✦ ThS. NGUYỄN THỊ DUYÊN
Trường Chính trị Đồng Tháp

Đặt vấn đề

Hòa bình luôn là khát vọng thiết tha của toàn thể nhân loại, các quốc gia và dân tộc. Hòa bình không chỉ mang giá trị nhân văn sâu sắc mà còn là điều kiện căn bản, nền tảng thiết yếu, là đích đến cuối cùng cho sự phát triển bền vững và thịnh vượng trên toàn thế giới, cũng như từng quốc gia, khu vực. Trong suốt lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã trải qua chặng đường dài đấu tranh kiên cường và gian khổ để kiến thiết và bảo vệ nền hòa bình, độc lập, tự do của nước nhà. Giá trị của hòa bình không phải là điều dễ dàng có được, những thế hệ đi trước đã phải trả một cái giá rất đắt: mất mát, đau thương, và đôi khi cả cuộc sống của mình. Vì thế, chúng ta, thế hệ trẻ, những người đang sống trong hòa bình, phải luôn trân quý, biết ơn những giá trị tốt đẹp của ngày hôm nay. Đồng thời, ý thức rõ trách nhiệm bản thân trong việc giữ gìn, phát huy và bảo vệ hòa bình, xây dựng đất nước.

Nội dung

Sau thời gian chuẩn bị, năm 1858 thực dân Pháp nổ súng tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Trong gần 30 năm, thực dân Pháp lần lượt đánh chiếm Nam Kỳ, rồi Bắc Kỳ và năm 1883 tiến công kinh đô Huế, buộc triều Nguyễn từng bước đầu hàng, lần lượt ký các hiệp ước và điều ước với Pháp, thừa nhận nền thống trị của thực dân Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Giữa lúc nhân dân ta đang sống trong cảnh nô lệ, bần cùng và dân tộc đang bế tắc về con đường giải phóng thì cuộc Cách mạng tháng Mười Nga nổ ra và giành thắng lợi, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đối với Việt Nam, Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở đường cho học thuyết Mác - Lê-nin thâm nhập vào Việt Nam trong bối cảnh đường lối giải phóng dân tộc của Việt Nam cuối thế kỷ XIX rơi vào

khủng hoảng. Nghiên cứu “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I. Lênin, dưới ánh sáng Cách mạng Tháng Mười, đã đưa Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản và tìm ra con đường để cứu nước, giải phóng dân tộc. Đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, Việt Nam đã làm nên Cách mạng Tháng Tám, mở ra kỷ nguyên mới cho đất nước - kỷ nguyên độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trước âm mưu xâm lược Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quốc kháng chiến với quyết tâm “không có gì quý hơn độc lập tự do, chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Với đường lối kháng chiến đúng đắn “toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh”, Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam đánh bại

các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp, đỉnh cao là thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, lưng lẩy năm châu chấn động địa cầu “chín năm làm một Điện Biên, nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”, đưa cách mạng Việt Nam sang một giai đoạn mới.

Niềm vui chiến thắng chưa trọn vẹn thì nhân dân Việt Nam tiếp tục bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thử thách, ác liệt kéo dài trong 21 năm chống lại sự xâm lược của đế quốc Mỹ. Với sức mạnh quân sự vượt trội, vũ khí tối tân, chiến thuật hiện đại nhưng đế quốc Mỹ cũng phải chấp nhận thua trước tinh thần chiến đấu quả cảm, kiên cường và quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam

Trên tuyến vận tải biển, tàu chiến Mỹ - nguy và pháo địch từ nam khu phi quân sự đã bắn trên 850.000 quả đạn pháo, dùng máy bay, tàu chiến rải 21.973 mìn từ trường phong tỏa các hải cảng, vùng ven biển miền Bắc với diện tích trên 650km². Gây tổn thất lớn cho Việt Nam về người, vũ khí, phương tiện chiến tranh.

Tuyến vận tải chiến lược

Trường Sơn: quân Mỹ - nguy tiến hành mở các cuộc hành quân phối hợp nhiều quân, binh chủng tiến công vào tuyến vận tải quân sự Trường Sơn. Chúng ném xuống tuyến đường Hồ Chí Minh trên 7.526.000 quả bom phá, bom sát thương, hàng triệu quả mìn các loại, rải chất độc hóa học làm trụi lá cây... Trong 10 năm (1966 – 1975) trung bình mỗi năm cứ 1.000m phải hứng chịu 736 quả bom và loạt bom, 36 cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, hàng ngàn vụ biệt kích. Hơn 2 vạn cán bộ, chiến sỹ hi sinh, trên 3 vạn bị thương, cùng hàng vạn đồng chí chịu ảnh hưởng chất độc hóa học².

Từ tháng 4/1972 đến 01/1973, không quân Mỹ ném xuống miền Bắc hàng triệu tấn bom. Bình quân 1 km² phải chịu đựng 6 tấn bom, mỗi người dân miền Bắc phải chịu đựng 45,5 kg bom. Giết và gây thương tật cho hơn 200.000 người (gần 80.000 người chết) để lại hậu quả 70.000 trẻ em mồ côi. Tất cả các cơ sở kinh tế và quốc phòng đều bị đánh phá: 100% các nhà máy điện; hơn 1.000 giếng đê xung yếu; 6 đường xe lửa với hầu hết cầu cống

bị sập, hỏng; trên 40.000 trâu, bò bị giết; 1.500 bệnh xá, 1.300 trường học, hàng trăm chùa, nhà thờ và di tích lịch sử, hàng chục vạn hecta ruộng vườn bị bom đạn cày xới, để lại hậu quả nặng nề cho nhân dân ta³.

Những con số đã có sức mạnh, có giá trị để nói lên tất cả. Đó là cái giá của hòa bình. Nhân dân Việt Nam không hề mong muốn chiến tranh, bởi chiến tranh đâu phải trò đùa nhưng chiến tranh đã không thể tránh khỏi, đứng trước sự mất còn của Tổ quốc, của dân tộc, nhân dân Việt Nam đã phát huy tinh thần kiên cường bất khuất “Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” và nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã viết nên bản anh hùng ca trong thế kỷ XX, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tổ quốc của tôi mấy ngàn năm chưa bao giờ ngơi nghỉ, ngọn đuốc hòa bình bao người đã ngã, hòa bình, độc lập hôm nay được viết nên bởi rất rất nhiều những người chiến sỹ, những thế hệ cha, ông “lấy thân mình che chở”

² Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2020), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 – 1975) thắng lợi và bài học*, tr.512,513, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

³ Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2020), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 – 1975) thắng lợi và bài học*, tr.516, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

cho Tổ quốc, cho nhân dân, cho thế hệ mai sau có những mùa xuân hạnh phúc, họ chiến đấu quên mình cho đất nước ngày nay tươi đẹp, cho nhân dân ngày càng ấm no. Chiến tranh đã lùi xa, rất xa, những vết thương trên dáng hình đất nước đã hàn gắn xong và xanh tươi trở lại, nhưng vết thương trong lòng những gia đình có con em hy sinh trên các chiến trường mà chưa tìm được hài cốt, vết thương của những cựu chiến binh có con cháu bị chất độc màu da cam, vết thương trên da thịt của những người lính là thương binh thì có thể nặng hơn vì thời gian và tuổi tác. Những sự mất mát, hi sinh là vô cùng to lớn.

Tiếp bước thế hệ đi trước, thế hệ trẻ hôm nay cần nhận thức sâu sắc, bày tỏ lòng biết ơn về những đóng góp của ông cha cho quê hương, đất nước, đặc biệt cần ý thức rõ về trách nhiệm của mình trong xây dựng và phát triển đất nước, thông qua một số việc làm

- *Thứ nhất*, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch trong xuyên tạc, phủ nhận những thành tựu cách mạng Việt Nam

Nhằm chống phá cách mạng nước ta, các thế lực thù địch, phản động đã không từ một thủ đoạn nào, đặc biệt bối cảnh tình hình quốc tế và

trong nước có nhiều biến đổi, sự chống phá của các thế lực thù địch càng tinh vi hơn, hoạt động của chúng có lúc âm thầm, lẩn khuất, có lúc công khai, trắng trợn; thường tập trung vào thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị trong nước, sự kiện đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước. Các thế lực thù địch tạo dựng nhận thức sai lệch, mơ hồ, hoài nghi, hoang mang, dao động, làm lung lay niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Phủ nhận những thành tựu mà nhân dân Việt Nam đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Muốn đấu tranh, phản bác lại các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ trước hết cần tránh xa cám dỗ, thói hư, tật xấu, xây dựng chuẩn mực đạo đức nói chung và đạo đức thực thi công vụ nói riêng trong sáng; kiên trì học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong công việc luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, trước hết

Thế hệ trẻ cần tích cực tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng, hình thành nhân sinh quan cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực phân biệt đúng – sai, khả năng miễn

nhiễm trước các thông tin xấu, độc. Để không trở thành những người thờ ơ, quay lưng với lịch sử, xúc phạm đến sự hy sinh của hàng triệu đồng bào, chiến sĩ.

- *Thứ hai*, ra sức học tập xây dựng quê hương, đất nước

Học là việc làm thường xuyên, học tập suốt đời. Học ngày nay không chỉ để trang bị tri thức, hướng đến những môi trường học tập cao, công việc theo mong muốn mà học ngày nay còn hướng đến xây dựng quê hương, đất nước. Có rất nhiều tấm gương những người trẻ vượt qua khó khăn, nghịch cảnh vươn lên trong học tập và đem chính tri thức của mình phụng sự Tổ quốc, dân tộc và nhân loại.

- *Thứ ba*, quảng bá hình ảnh con người Việt Nam mến khách, yêu chuộng hòa bình đến bạn bè quốc tế

Việt Nam, quốc gia bước ra từ chiến tranh, quốc gia vươn mình hồi sinh từ những đổ nát mà chiến tranh để lại, đang bước vào kỷ nguyên phát triển bức phá tăng tốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam ghi dấu ấn tốt đẹp trong lòng bạn bè quốc tế.

Nhằm góp phần tiếp tục lan tỏa những giá trị tốt đẹp của quê hương, đất nước xứng đáng với những hi sinh

mà các thế trước đã ngã xuống, thế hệ trẻ hôm nay cần ra sức trau dồi vốn văn hóa, trước tiên là văn hóa địa phương sau đó là văn hóa dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh thu hút các nguồn lực bên ngoài, nhất là tri thức, công nghệ và đầu cho phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, chú trọng lan tỏa các giá trị, tư tưởng cao đẹp của dân tộc Việt Nam, hình ảnh, giá trị tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Không ngừng bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ góp phần thuận tiện trong giao lưu, quảng bá hình ảnh Việt Nam với du khách nước ngoài. Thông thạo khoa học công

nghệ nhằm tích hợp việc quảng bá hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Kết luận

Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, biết bao gia đình đã gánh trên vai nỗi đau mất mát người thân, biết bao nhiều người đã hy sinh hạnh phúc của cá nhân và tuổi thanh xuân để đất nước có hòa bình hôm nay. Là những người được ngắm nhìn, tận hưởng bầu trời trong xanh trong tháng ngày tự do, mỗi người đặc biệt là thế hệ trẻ nên biết trân quý, mang ơn và ra sức giữ gìn, phát huy tinh thần trách nhiệm của mình

trong giữ gìn, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu đẹp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2020), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 – 1975) thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
2. PSG, TS. Hà Mỹ Hương, *Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và dấu ấn chính sách dân tộc của V.I. Lê-Nin: Nhìn lại và suy ngẫm*, 01/12/2022 <https://www.tapchicongsan.org.vn/>

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✪ ThS. LƯU THUỶ HIỀN

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt: Công tác phát triển đội ngũ đảng viên là công tác vô cùng quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng là gồm các đảng viên mà tổ chức nên. Mọi công việc của Đảng do đảng viên làm. Mọi nghị quyết của Đảng đều do đảng viên chấp hành. Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thấu đến quần chúng. Mọi khẩu hiệu, mọi kế hoạch của Đảng đều do đảng viên cố gắng thực hiện”. Vì lẽ đó, Người luôn nhắc nhở: “Đảng không phải chỉ cần số cho nhiều, tuy nhiều là tốt, nhưng phải có cái chất của người đảng viên”. Người đặc biệt nhấn mạnh khi tiến hành phát triển đảng “phải nắm vững phương châm phát triển Đảng là trọng chất hơn lượng.

lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra chủ trương: “Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, quan tâm phát triển đảng viên là công nhân, tri thức, doanh nhân để tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp”.

II. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về phát triển đội ngũ đảng viên.

Tư tưởng quán xuyên trong quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển Đảng là “coi trọng chất lượng”. Người dạy rằng, Đảng mạnh không phải chỉ do số lượng đảng viên quyết định; số lượng đảng viên chỉ trở thành sức mạnh một khi nó đạt những yêu cầu về chất lượng. Theo Người, nếu không quán triệt và thực hiện đúng đắn vấn đề có tính nguyên tắc đó, thì dù có kết nạp được nhiều đảng viên, dù số lượng đảng viên tăng, vẫn không làm

I. MỞ ĐẦU

Sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng là sự nghiệp vĩ đại lâu dài phải do nhiều thế hệ chiến sĩ cộng sản tham gia gánh vác. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu chỉ có thể có trên cơ sở số lượng, chất lượng đội ngũ đảng viên tương ứng. Do đó, Đảng phải thường xuyên làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích: “Nếu Đảng ta không biết chọn lọc, kết nạp, đề bạt đồng chí mới thì đâu có như ngày nay”⁴. Người vạch rõ

tính tất yếu, yêu cầu, phương châm, phương pháp của công tác kết nạp đảng viên mới: “Để làm tròn nhiệm vụ rất nặng nề nhưng rất vẻ vang... Đảng phải phát triển tổ chức của mình một cách thận trọng, vững chắc và rộng rãi trong quần chúng”⁵.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xem công tác kết nạp đảng viên mới là một trong những nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là biện pháp tích cực để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên nhằm nâng cao năng lực

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, NXBCTQG, H.2002, tập 10, tr.467.

⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, NXBCTQG, H.2002, tập 10, tr.20, 21.

cho tổ chức đảng mạnh lên mà trái lại có khi còn làm cho tổ chức đảng trở nên lỏng lẻo, biến Đảng thành câu lạc bộ, không làm tròn vai trò người lãnh đạo. Do vậy, Người luôn nhắc nhở: “Đảng không phải chỉ cần số cho nhiều, tuy nhiều là tốt, nhưng phải có cái chất của người đảng viên”⁶. Người đặc biệt nhấn mạnh khi tiến hành kết nạp đảng viên mới “phải nắm vững phương châm phát triển Đảng là trọng chất hơn lượng”⁷.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng là gồm các đảng viên mà tổ chức nên. Mọi công việc của Đảng do đảng viên làm. Mọi nghị quyết của Đảng đều do đảng viên chấp hành. Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thấu đến quần chúng. Mọi khẩu hiệu, mọi kế hoạch của Đảng đều do đảng viên cố gắng thực hiện”⁸. Đó phải là những người: “thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm cao trong công việc, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng”⁹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng mạnh là do mỗi chi bộ tốt, mỗi chi bộ tốt là do mỗi đảng viên tốt”. Ngược lại, vì chạy theo số lượng, chỉ tiêu mà không chú trọng đến chất lượng sẽ góp phần tạo nên những đảng viên “hữu danh, vô thực”, làm cho tổ chức đảng “đông nhưng không mạnh”. Mặt khác, để công tác kết nạp đảng viên mới thực sự hiệu quả, đúng mục tiêu, quan điểm, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh: “Không nên hẹp hòi. Nhưng việc phát triển Đảng phải làm cẩn thận, không được cầu thả”¹⁰.

Trên nền tảng tư tưởng ấy, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn quan tâm và đã đề ra nhiều chủ trương, nghị quyết, quy định, hướng dẫn về công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng. Theo đó, Đảng đã luôn chú trọng đến công tác đảng viên với phương châm phát triển đi đôi với sàng lọc và củng cố, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, không chạy theo số lượng đơn thuần.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung

ương Đảng luôn coi phát triển đảng viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong các tổ chức Đảng. Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về “Tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong trường học” đã đề ra nhiệm vụ cho các cấp ủy đảng, các cấp, các ngành “Tích cực tạo nguồn, làm tốt công tác phát triển đảng viên trong cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên, nhất là ở những cơ sở hiện còn ít hoặc chưa có đảng viên”. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25-7-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” đặt ra mục tiêu “Phấn đấu đạt tỉ lệ ít nhất 70% đảng viên mới được kết nạp từ đoàn viên”. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4-11-2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng đã đề ra nhiệm vụ “Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học”. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ

⁶ Hồ Chí Minh toàn tập, NXBCTQG, H.2002, tập 13, tr.222

⁷ Hồ Chí Minh toàn tập, NXBCTQG, H.2002, tập 11, tr.155.

⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 235

⁹ Hồ Chí Minh: Về xây dựng Đảng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1980, tr. 208

¹⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, HN. 2000, tr. 197.

IX của Đảng đã chỉ rõ *“Phát triển đảng viên theo đúng quy định, chú ý những người ưu tú trong công nhân, đội ngũ trí thức, đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh...”*¹¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại, một dấu mốc rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Chủ đề của Đại hội XIII của Đảng *“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”*. Nhận thức mới là bổ sung nhiệm vụ *“xây dựng hệ thống chính trị”* cùng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; và không chỉ đề cập đến xây dựng Đảng, mà còn cả chỉnh đốn Đảng.

Trong vấn đề tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định *“Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng”*¹². Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng đã đưa ra phương hướng: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất*

*lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng”*¹³.

2.2. Phát triển đội ngũ đảng viên mới tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI xác định: *Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm cao trong công việc, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Tăng cường công tác quản lý, phát triển, sàng lọc đảng viên, bảo đảm chất lượng, đồng thời, đề ra chỉ tiêu đến năm 2025, tỷ lệ đảng viên đạt trên 4% dân số. Trên cơ sở đó, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Kế hoạch số 34-KH/TU, ngày 12/8/2021 về kết nạp đảng viên giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm yêu cầu và sát với*

tình hình thực tiễn của tỉnh.

Từ kế hoạch chung của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng xây dựng kế hoạch cụ thể để tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp đảng viên ở cấp mình. Trong đó, thực hiện chặt chẽ từ khâu rà soát nguồn quần chúng là đoàn viên, hội viên, thanh niên ưu tú, giáo viên, học sinh, sinh viên và cả cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, người lao động tại doanh nghiệp... để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ, phấn đấu rèn luyện được kết nạp vào Đảng.

Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện tốt công tác kết nạp đảng viên. Điển hình như Đảng uỷ cơ sở Trường Đại học Đồng Tháp, bình quân hàng năm, Đảng uỷ giới thiệu khoảng 200 lượt quần chúng ưu tú tham gia học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng. Đối với đối tượng là sinh viên, Đảng uỷ đề ra tiêu chuẩn kết nạp cụ thể để các em phấn đấu (về mặt rèn luyện phải đạt từ loại tốt trở lên, điểm học lực trung bình đạt từ 2.8 trở lên - tính theo thang điểm 4 của bậc đại học và phải có Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận tham gia các hoạt động phong trào trong hoặc ngoài nhà trường).

Năm 2023, toàn tỉnh, đã bồi dưỡng, giới thiệu 3.846

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, H, 2001, tr.143

¹² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd, t. I, tr. 180

¹³ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 229

đoàn viên, hội viên ưu tú cho Đảng và đã xem xét, kết nạp được 2.564 đồng chí vào Đảng, chiếm 66,67% so với tổng số đoàn viên, hội viên ưu tú được giới thiệu. Toàn Đảng bộ Tỉnh đã kết nạp được 2.564 đảng viên, đạt tỷ lệ 3,98% tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ Tỉnh, nâng tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 64.403 đảng viên, đạt tỷ lệ 4,02% so với dân số¹⁴.

Năm 2024, chỉ tiêu đặt ra tỷ lệ kết nạp đảng viên mới đạt từ 3 - 4% tổng số đảng viên của Đảng bộ Tỉnh (kết nạp từ 1.900 đảng viên trở lên), trong đó, tỷ lệ đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong tổng số đảng viên được kết nạp đạt trên 70%. Kết quả, trong năm 2024, đã kết nạp được 2.890 đảng viên, đạt tỷ lệ 4,33% tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ Tỉnh, nâng tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 66.721 đảng viên, đạt tỷ lệ 4,17% so với dân số¹⁵. Trong số đảng viên mới kết nạp, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 2.173 đảng viên (đạt 75,19%)¹⁶.

Tỉnh ủy đặt yêu cầu cao hơn đối với xây dựng Đảng bộ, điển hình như tập trung xây dựng Chi bộ 4 tốt, Đảng bộ cơ sở 4 tốt, thực hiện tốt các Nghị

quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy; Công văn số 1394-CV/TU ngày 15/10/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh có đủ về đạo đức, phẩm chất, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ Đảng bộ tỉnh đã ban hành. Bên cạnh đó chú trọng về chất lượng đảng viên, tính tiêu biểu của đảng viên trong cả cuộc sống và trong cả công việc để xây dựng Đảng bộ Tỉnh trong sạch, vững mạnh và tiếp tục đạt kết quả ấn tượng trong những năm tới.

III. Kết luận

Yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới đặt ra cho công tác kết nạp đảng viên mới những yêu cầu mới. Kết nạp đảng viên mới phải luôn luôn đi đôi với củng cố đảng. Củng cố Đảng tốt là điều kiện để tiến hành phát triển Đảng có chất lượng. Kết nạp đảng viên mới có chất lượng là cơ sở để củng cố Đảng tốt hơn. Phải coi trọng giáo dục rèn luyện đội ngũ đảng viên để mỗi đảng viên vừa là “người lãnh đạo” vừa là “người đầy tớ thật trung

thành của nhân dân”, là tấm gương để quần chúng ngưỡng mộ, muốn vào Đảng, được là đồng chí của những người tiên tiến.

Đất nước ta bước vào thời kỳ hội nhập, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thắng lợi của sự nghiệp này gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định tạo nên những thành tựu đổi mới to lớn hơn. Yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới đặt ra cho công tác phát triển đảng phải vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác phát triển Đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh toàn tập, NXBCTQG, H.2002, tập 7, 10, 11, 13.
2. Lênin: Tuyển tập, nhà xuất bản Sự thật, quyển I, phần II.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, H, 2001.
4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II.

¹⁴ Báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy số 1008-BC/BTCTU kết quả công tác kết nạp đảng viên năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2024

¹⁵ Dân số trung bình sơ bộ năm 2024 là 1.601.120 người (Theo số liệu của Cục Thống kê Tỉnh).

¹⁶ Báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy về kết quả công tác kết nạp đảng viên năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2025

XÂY DỰNG PHONG CÁCH CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CÁN BỘ CẤP CƠ SỞ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

✪ ThS. PHAN THỊ MINH HIỀN
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt: Cán bộ cấp cơ sở là người gần gũi, thường xuyên tiếp xúc với nhân dân. Thời gian qua, cán bộ cấp cơ sở đã thực hiện tốt phong cách dân vận của mình, gần bó với nhân dân, làm việc khoa học, có chương trình, kế hoạch hoạt động; đồng thời luôn đổi mới, sáng tạo nội dung, phương thức vận động quần chúng phù hợp với điều kiện thực tiễn và tình hình địa phương. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, với nhiều thời cơ và thách thức, công tác dân vận đứng trước nhiều vấn đề phức tạp và khó khăn mới. Chính vì vậy, người cán bộ dân vận càng phải rèn luyện để có phong cách công tác phù hợp, dễ đi vào lòng người, tạo được ảnh hưởng tích cực đối với nhân dân.

1. Đặt vấn đề

Việc xây dựng phong cách công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ cấp cơ sở trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết. Học tập và làm theo phong

cách dân vận Hồ Chí Minh sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận, định hướng xây dựng, rèn luyện phong cách dân vận của mỗi cán bộ nhằm thực hiện các mô hình “Dân vận khéo”. Ngoài ra, đây còn là cơ sở để mỗi cán bộ dân vận rèn luyện phong cách, phẩm chất đạo đức cách mạng và năng lực chuyên môn, giúp người cán bộ biết tôn trọng, lắng nghe nhân dân, có niềm tin với nhân dân, xử lý tốt mối quan hệ với quần chúng nhân dân; xây dựng phong cách làm việc khoa học, nắm tình hình cụ thể, làm việc có mục đích, kế hoạch rõ ràng, đảm bảo hiệu quả công tác dân vận giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung

Phong cách dân vận của cán bộ cấp cơ sở là cách thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, vận động mọi người dân của cán bộ cơ sở trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của nhân dân

trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Phong cách dân vận Hồ Chí Minh mang đậm dấu ấn riêng, gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người. Trước hết, phong cách dân vận của Người được thể hiện ở tinh thần trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân. Phong cách này xuất phát từ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Trọng dân là thương dân, vì nhân dân mà phục vụ và biết coi trọng sức mạnh vĩ đại của nhân dân. Theo Người, trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Dân chúng đồng lòng việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên. Do đó, cán bộ cấp cơ sở phải thể hiện tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, hướng dẫn nhân dân, tổ chức

thành lực lượng, thành phong trào cách mạng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích nhân dân. Đồng thời thực hiện tốt chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Gần dân là cán bộ cấp cơ sở phải luôn gần dân, sát dân, không quan liêu, chỉ ngồi nghe điện thoại, nhận báo cáo rồi nhận định, phán xét chung chung. Muốn vận động quần chúng đạt hiệu quả cao phải gần gũi, tiếp xúc, lắng nghe dân nói; hiểu rõ những vướng mắc, nỗi băn khoăn, lo lắng cũng như mong muốn, nguyện vọng của họ, từ đó tham mưu, đề xuất cho cấp ủy, chính quyền xây dựng, ban hành, thực hiện chính sách hợp lòng dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Hiểu dân là cán bộ ở cơ

sở phải nắm bắt kịp thời các thông tin từ quần chúng, phải lắng nghe dân nói, phải hiểu được nguyện vọng chính đáng của dân và biết loại trừ những thông tin thiếu chân thực, không khách quan. Nghe dân nói, nhưng đó phải là những thông tin khách quan, tránh tâm lý đám đông; đồng thời phải biểu thị thái độ vừa cầu thị vừa định hướng được quần chúng nhân dân.

Học dân là sẵn sàng học hỏi nhân dân, người cán bộ cơ sở không nên kiêu ngạo mà phải nên khiêm tốn. Mỗi người phải hiểu rằng sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình là chưa đầy đủ. Vì vậy, người cán bộ cấp cơ sở phải dùng kinh nghiệm của dân để bổ sung thêm cho kinh nghiệm của mình. Mỗi khẩu hiệu, công tác hay chính sách phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng. Không học hỏi dân chúng thì không lãnh đạo được dân chúng, là đem hai chữ “mệnh lệnh” làm thành bức tường để tách rời Đảng và Chính phủ với nhân dân.

Tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân: Vì nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Mọi hoạt động nếu không có nhân dân thì không

thể thành công được. Cán bộ cần có lòng tin đối với nhân dân, chăm lo tăng cường mối liên hệ với nhân dân, coi đó là nguồn sức mạnh tạo nên mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Theo Hồ Chí Minh: “Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”¹⁷. Đảng cầm quyền phải biết dựa vào nhân dân thì việc gì, dù khó đến đâu cũng có thể làm được. Đảng đoàn kết được toàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thì sức mạnh của nhân dân trở thành vô địch. Người khẳng định: “Chúng ta phải tin tưởng rằng sức mạnh của nhân dân đoàn kết đấu tranh là một sức mạnh tất thắng, một sức mạnh vô địch”¹⁸. Sức mạnh của nhân dân chính là sức mạnh của dân tộc, bao gồm cả truyền thống, tinh thần, ý chí, của cải, vật lực. Đó là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước.

Tinh khoa học, thiết thực, cụ thể là nội dung cơ bản tạo nên phong cách dân vận Hồ Chí Minh. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, ở đâu, bất cứ cương vị nào, trong thực hành công tác dân vận, Người luôn “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”¹⁹. Trong đó, óc nghĩ, là

¹⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 19

¹⁸ Sđd, t.10, tr.305

¹⁹ Sđd, Tập 5, tr.699

sự suy nghĩ, tìm tòi, hiểu biết về lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao khả năng tuyên truyền, thuyết phục nhân dân; nắm bắt được tâm tư, tình cảm của quần chúng để có giải pháp đúng đắn; kịp thời phát huy tính tích cực, ngăn chặn mặt tiêu cực phát sinh. Cán bộ dân vận phải tham mưu, đề xuất cho Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng, ban hành được đường lối, chính sách hợp lòng dân; có trình độ tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng. Mắt trông, là thấy rõ yêu cầu nhiệm vụ theo chức trách và thực tiễn cách mạng để thực hành cho đúng, cho trúng. Thực hiện tốt điều này sẽ tránh được bệnh quan liêu, chỉ ngồi nghe báo cáo rồi nhận định, phán xét. Tai nghe, là lắng nghe ý kiến phản biện để kịp thời xử lý những thông tin từ quần chúng. Nghe dân nói, hiểu được nguyện vọng chính đáng của dân và biết loại trừ những thông tin nhiễu, thiếu chân thực, không khách quan, không đúng sự thật là phương pháp mang tính khoa học trong phong cách Hồ Chí Minh. Chân đi, dù bận trăm công nghìn việc nhưng Hồ Chí Minh vẫn luôn dành thời gian đến với cơ sở, với dân như về gia đình mình. Những chuyến đi này, có khi Người không báo

trước, chẳng cần xe đưa, đón để tránh làm phiền cơ sở và người dân. Xuống với dân, về với cơ sở, Người đi sâu vào tìm hiểu thực tiễn, thấu hiểu, cảm thông với những khó khăn của nhân dân ở cơ sở và luôn dùng những lời nhẹ nhàng, cụ thể, sâu sắc để vận động nhân dân, khuyến khích cán bộ cơ sở vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Miệng nói, là chức năng cơ bản của dân vận, nhằm tuyên truyền, cổ động nhân dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Để dân hiểu, dân tin, dân ủng hộ và làm theo, Hồ Chí Minh luôn nói đúng, trúng vấn đề, với phong cách giản dị và thái độ đúng mực. Với người già, các bậc lão thành thì lời lẽ cung kính lễ độ; với đồng chí, đồng bào thì thật thà, khiêm tốn; với phụ nữ thì đúng mực nghiêm trang; với nhi đồng là thương yêu quý mến, nhắc nhở, động viên, v.v. Tay làm, là nói được, phải làm được, thậm chí cần thiết thì làm mẫu để dân tin, v.v.

Phong cách dân vận Hồ Chí Minh là *sự thống nhất biện chứng giữa nói và làm*. Nói và làm thống nhất, đi liền với nhau. Người cán bộ dân vận “phải thật thà nhúng tay vào việc”²⁰, phải làm việc một cách thật sự, bám sát cuộc sống hằng ngày của nhân dân, coi trọng hiệu quả công việc, lấy hiệu quả của công việc

làm thước đo, mục đích của công tác dân vận. Nếu chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh thì làm sao hiểu được dân, làm sao vận động dân

Tự mình nêu gương là điểm đặc sắc trong phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự nêu gương có sức lan toả, thuyết phục, hướng dẫn rất lớn và lâu dài. Để nhân dân tin tưởng, noi theo, Người nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống; mọi lúc, mọi nơi phải nêu gương để quần chúng noi theo, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, nói phải đi đôi với làm. Muốn hướng dẫn người khác làm thì mình phải làm mực thước, tiên phong gương mẫu cho người làm theo.

Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ cấp cơ sở đã thực hiện tốt phong cách dân vận của mình; gần gũi, gần bó, quan tâm đến quyền lợi của nhân dân, có trách nhiệm với nhân dân, trọng dân, lắng nghe góp ý của nhân dân; thực hiện tốt việc nêu gương, nói đi đôi với làm tạo được niềm tin ở quần chúng nhân dân. Đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao, các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển văn hóa, xây dựng

²⁰ Sđd, t. 6, tr. 233

con người Việt Nam trong thời đại mới.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, công tác dân vận của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở vẫn còn nhiều hạn chế: việc tuyên truyền các quan điểm của Đảng giúp người dân hiểu rõ, hiểu đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những chính sách liên quan trực tiếp đến lợi ích thiết thực của người dân chưa được giải thích đầy đủ; nội dung và phương thức tuyên truyền chưa sinh động; chưa đảm bảo tính thời sự; một bộ phận cán bộ chưa chú ý lắng nghe ý kiến của nhân dân, công tác nắm bắt, đánh giá, dự báo tình hình nhân dân, đặc biệt là ở những địa bàn phức tạp, nhạy cảm chưa kịp thời, sâu sát; một số nơi, nhân dân bị đối tượng xấu, tổ chức phản động, thù địch tuyên truyền, xuyên tạc, kích động, lôi kéo vào những hoạt động sai trái, vi phạm pháp luật; tinh thần, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ còn nhiều yếu kém, đạo đức công vụ còn hạn chế, chưa thật sự quan tâm giải quyết nguyện vọng, bức xúc của người dân; một số nơi công tác tiếp dân, đối thoại hiệu quả chưa cao, không rõ trách nhiệm người đứng đầu, để tình trạng khiếu kiện phức tạp, đông người kéo dài, chưa xử lý dứt điểm.

Trong thời gian tới, để xây

dựng phong cách công tác dân vận của cán bộ cơ sở cần thực hiện một số giải pháp như:

Thứ nhất, đối với cấp ủy, chính quyền cần quan tâm xây dựng và cụ thể hóa tiêu chuẩn, phong cách công tác dân vận của cán bộ cấp cơ sở. Phải nhận thức rõ đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là những người trực tiếp làm công tác dân vận. Do đó, cần tuân thủ những tiêu chuẩn chung trong chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đồng thời cần xác định rõ tiêu chuẩn chính của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là tham mưu cho cấp ủy đảng về công tác vận động quần chúng, nên trước hết phải lựa chọn người có nhận thức đúng về vai trò của công tác dân vận, tự nguyện, tâm huyết với công việc được giao, sống thật sự với cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày của nhân dân.

Bên cạnh đó, phải đưa cán bộ làm công tác dân vận vào rèn luyện từ phong trào quần chúng để được nhân dân tín nhiệm, tin yêu. Bởi người cán bộ dân vận có từ nhân dân mà ra, có trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin, dân yêu... mới có “chiếc chìa khóa” đi vào lòng dân. Đội ngũ cán bộ dân vận phải được đào tạo, bồi dưỡng toàn diện cả về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận

chính trị... để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân vận trong tình hình mới theo đúng quan điểm của Đảng; cần tạo mọi điều kiện để cán bộ dân vận tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng công tác vận động nhân dân

Thứ hai, phát huy tính tự tu dưỡng, rèn luyện, xây dựng phong cách công tác dân vận của cán bộ cấp cơ sở theo phong cách Hồ Chí Minh. Người cán bộ dân vận phải có phong cách quần chúng, phải “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”. Có trọng dân thì người cán bộ mới đến với dân như người thầy, người chủ cần mình. “Gần dân” là đòi hỏi khách quan của người cán bộ dân vận, phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, phải chịu khó đi cơ sở để nắm vững dân tình, dân tâm, dân ý. Những người có phong cách gần dân sẽ tránh được căn bệnh quan liêu, hách dịch, mệnh lệnh. Muốn “học dân” thì người cán bộ phải thực sự biết lắng nghe, khiêm tốn, cầu thị. Cán bộ dân vận muốn thực sự đến với nhân dân phải có trách nhiệm với nhân dân, mọi việc đều vì hạnh phúc của nhân dân.

Thứ ba, cán bộ dân vận phải có trí tuệ, kiến thức bởi khi đã xác định công tác dân vận vừa là khoa học, vừa là chính trị, nghệ thuật nhất là trong thời đại khoa học, công

nghệ như hiện nay thì chuẩn mực về trí tuệ đặt lên hàng đầu. Cán bộ dân vận cần thấy được vai trò của trí tuệ và kiến thức để tìm tòi, nghiên cứu, suy nghĩ, phát hiện và giải quyết những vấn đề đặt ra phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, tình hình thực tiễn địa phương và quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Thứ tư, cán bộ dân vận cấp cơ sở phải có uy tín, giỏi tuyên truyền, thuyết phục. Uy tín là phẩm chất hàng đầu của người làm công tác dân vận. Để được nhân dân hiểu, tin tưởng và làm theo thì nhất định người cán bộ làm công tác dân vận phải có uy tín. Uy tín của người làm công tác dân vận, nhất là cán bộ cấp cơ sở hằng ngày tiếp xúc, giải quyết công việc trực tiếp với nhân dân lại càng quan trọng. Đồng thời, giỏi tuyên truyền, thuyết phục cũng là phẩm chất không thể thiếu của cán bộ làm dân vận. Cần thuyết phục bằng cả lời nói và việc làm, phải thống nhất trong nhận thức và hành động. Phải nâng cao khả năng dùng ngôn ngữ phù hợp với địa phương, vùng miền, dân tộc; phải hiểu được ít nhiều ngôn ngữ địa phương mới có thể vận động, thuyết phục nhân dân có hiệu quả.

Thứ năm, cán bộ dân vận phải biết nêu gương. Người yêu cầu cán bộ phải gương

mẫu, cùng với nhân dân thực hiện công việc, đồng thời phê phán “bệnh nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh”, nói không đi đôi với làm, ít đi cơ sở, thiếu sâu sát nhân dân của một số cán bộ, trong đó có cán bộ làm công tác dân vận. Cán bộ cấp cơ sở phải luôn gương mẫu trong nhận thức và hành động, trước hết là gương mẫu trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; sâu sát cơ sở, bao quát, nắm bắt tình hình thực tế để có sự phân tích, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Có như vậy mới hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác dân vận trong bối cảnh hiện nay.

3. Kết luận

Phong cách công tác dân vận Hồ Chí Minh mang đậm dấu ấn riêng, gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người. Học tập và làm theo phong cách dân vận Hồ Chí Minh sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận, huy động được sức dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn hiện nay, người cán bộ cấp cơ sở phải không ngừng rèn luyện, xây dựng phong cách công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4,5,6,10, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, H. 2011.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI, Nxb CTQG, H. 2011.
3. Đặng Văn Khương, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp dân vận trong giai đoạn hiện nay, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngnghiencu/-/2018/912402/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-phuong-phap-dan-van-trong-giai-doan-hien-nay.aspx>, cập nhật ngày 14/4/2024
4. Nguyễn Lam, suy nghĩ về xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận ở cơ sở trước yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Tạp chí Dân vận số 12/2015
5. Nguyễn Bá Quang, học tập và làm theo phong cách “Dân vận khéo” Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, H.2020
6. Minh Quân, Phong cách dân vận Hồ Chí Minh, <http://tapchiquptd.vn/vi/hoc-tap-va-lam-theo-tu-tuong-dao-duc-phong-cach-ho-chi-minh/phong-cach-dan-van-ho-chi-minh/10749.html>, cập nhật ngày 25/10/2017

TÌM HIỂU VỀ TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA KHỔNG TỬ

✪ ThS. PHẠM THỊ MỸ NHUNG
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt: Nho giáo là một học thuyết ra đời cách đây hơn 2.500 năm đã được sự kiểm chứng bởi thời gian thì giá trị của nó về mặt lý luận và thực tiễn về giáo dục là một trong số những vấn đề nổi bật rất được quan tâm nghiên cứu đặc biệt là triết lý giáo dục của Khổng Tử

Từ khoá: Khổng Tử, tư tưởng giáo dục, Nho giáo

Mở đầu

Triết học Trung Quốc suy cho cùng là sự phản ánh xã hội Trung Quốc, Triết học Trung Quốc có mầm mống từ lâu nhưng nở rộ và phát triển vào khoảng thế kỷ thứ VI – III tr CN. Tư tưởng triết học Trung Quốc cổ đại có từ thời tiền sử nhưng chỉ được phát triển mạnh mẽ từ đời nhà Chu (1134 – 247 TCN). Các nhà triết học, các trường phái triết học mong muốn góp tiếng nói, đem một giải pháp, kiến giải một con đường để lập lại trật tự xã hội đang bị “loạn” biến thành “trị” như thời Tây Chu. Và Nho giáo với chủ trương dùng nhân, lễ, chính danh để đưa xã hội từ thời loạn về trị như thời Xuân - Thu; còn Pháp gia thì lại chủ trương dùng pháp luật để cai trị, thống nhất Trung Quốc...

đó cũng là điều giải thích tại sao các trường phái Triết học Trung Quốc có khuynh hướng nhập thể rõ nét và gắn với các vấn đề chính trị, xã hội và đạo đức, nhân sinh.

Khổng Tử sống vào thời Xuân - Thu (722 - 481 tr.CN). Đây là thời kỳ xã hội Trung Quốc có những biến động lớn: chế độ “tông pháp” nhà Chu đang suy tàn, chế độ phong kiến sơ kỳ đang dần hình thành. Sự giao thời giữa hai chế độ đã gây nên sự đảo lộn căn bản về kinh tế, chính trị và trật tự lễ nghĩa, đạo đức luân lý trong xã hội. Điều kiện lịch sử xã hội đầy biến động này đã đặt ra cho nhà cầm quyền và các nhà tư tưởng phải tìm những phương pháp để “trị nước, an dân”. Với Khổng Tử, ông chủ trương đề cao việc giáo dục, giáo hóa, kiến tạo và bồi dưỡng đạo đức cho con

người, mong muốn đưa con người về với “chính đạo” để khôi phục lại kỷ cương, trật tự xã hội, xây dựng một xã hội thật sự ổn định và phát triển. Là người hiểu cổ nên Khổng Tử rất coi trọng việc gìn giữ và lưu truyền văn hóa truyền thống, đặc biệt là văn hóa, đạo đức, nghi lễ do Chu Công tạo dựng. Ông đã sớm ý thức được ý nghĩa và vai trò của giáo dục. Điều này đã chi phối nội dung giáo dục và thực tiễn dạy học của Khổng Tử.

Khổng Tử - nhà tư tưởng triết học vĩ đại mở đường cho thời kỳ cổ đại ở Trung Quốc. Khổng Tử (551- 479 tr CN), tên là Khâu, tự Trọng Ni, sinh ra ở nước Lỗ (Xương Bình, Khúc Phụ, Sơn Đông), trong một gia đình quý tộc nhỏ bị sa sút. Quê hương nước Lỗ của Khổng Tử là nơi trụ cột, nơi bảo tồn nhiều di sản văn hóa cũ của nhà Chu. Đứng trên lập trường của bộ phận cấp tiến trong giai cấp quý tộc Chu, Ông đã chủ trương lập lại pháp chế, kỷ cương của nhà Chu. Ông lập ra học thuyết, mở trường dạy học, đi chu du các nơi trong nước, tranh luận với

các phái khác để tuyên truyền lý tưởng của mình, nhằm phục vụ mục đích trên.

Ông đưa ra một số tư tưởng cơ bản như: Học thuyết về chính trị - Hoàn bảo chính trị nhất quán trước sau của Khổng Tử là thừa kế sự nghiệp của Văn Vương, Chu Công lập lại kỷ cương của nhà Chu. Để thực hiện lý tưởng chính trị của mình, ông xây dựng học thuyết về Nhân – Lễ - Chính danh; Về tư tưởng triết học - Ông rất ít bàn đến những vấn đề trừu tượng thuộc bản thể, ít bàn đến chuyện quỷ thần mà chú trọng giải quyết những vấn đề về mối quan hệ giữa người với người, Khổng Tử đề cao con người xếp con người vào một trong ba ngôi Thiên – Địa – Nhân.

Về nhận thức luận ở Khổng Tử được thể hiện dưới dạng câu hỏi tri thức của con người do đâu mà có? Ông cho rằng trong xã hội có người sinh ra đã biết đó là thánh nhân, còn những người phải học mới biết. Khổng Tử tiến bộ ở chỗ đề cao học tập và cho rằng tầng lớp dưới học cũng biết, khi học phải nghe nhiều, hỏi nhiều, không xấu hổ khi hỏi người dưới; cái gì biết thì nói biết, cái gì không biết thì nói không biết, thầy dạy một phải suy nghĩ nhiều, nếu cố gắng như vậy thì 30 tuổi đủ tri thức tự lập, 40 tuổi biết được đúng sai, 50 tuổi biết

được mệnh trời, 60 tuổi làm việc gì cũng thuận, 70 tuổi đạt được sự hài hoà trời đất - Điều này hoàn toàn khác hẳn với phương tây - Nó biến thể sang dạng học tập. Ông nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục, sự nỗ lực chủ quan của cá nhân trong quá trình nhận thức thế giới khách quan.

Nội dung cơ bản về giáo dục của Khổng Tử

Về mặt chính trị mang tính bảo thủ cho nên tư tưởng giáo dục của Khổng tử cũng có mặt bảo thủ. Ví dụ trong nội dung giáo dục chỉ giáo dục đạo đức với các điển tịch Thi, Thư, Lễ, Nhạc... phản đối học tập tri thức sản xuất. Nhưng trong việc giáo dục thực tiễn, trong tư tưởng giáo dục và phương pháp giáo dục có những luận điểm nổi tiếng phù hợp với quá trình nhận thức của con người, có ý nghĩa tích cực. Đó là phân hợp lý của tư tưởng Khổng Tử.

Khổng Tử giáo dục học sinh cần có thái độ học tập thực sự cầu thị “Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri” (việc gì mình biết, nói là biết, việc gì mình không biết nói là không biết). Trong Phương pháp dạy học của Khổng Tử, Ông chủ trương ôn tập nhiều lần “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ” – học và luôn luôn luyện tập những điều đã học, cũng chẳng vui sướng lắm ư. Ông

lại nói: “Ôn cố nhi tri ân, khả dĩ vi sư hĩ” [1, tr.201]. (Ôn cái cũ biết điều mới, có thể làm thầy đấy).

Ông chủ trương học tập nên kiên trì, không lười nhác, cố gắng tiến lên không ngừng. Khổng Tử nhấn mạnh đến sự nỗ lực chủ quan; đồng thời ông phản đối thành kiến chủ quan, chủ trương “vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã” – Không tự ý, không khẳng khẳng khẳng định, không cố chấp, không chỉ biết có mình.

Theo Khổng Tử người học phải có nhu cầu nhận thức, ham hiểu biết, khám phá cái mới; phải độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong quá trình nhận thức. Học cần phải tự mình gắng sức, chủ động tìm hiểu. Người dạy không chỉ truyền đạt tri thức mà cái cơ bản là dạy năng lực sáng tạo, dạy phương pháp để người học tự tìm đến tri thức. Trong quá trình học, Khổng Tử bắt học trò phải đào sâu suy nghĩ, học không suy nghĩ thì vô ích; suy tư mà không học thì kết quả cũng chỉ bằng không. Trong quan hệ học và suy nghĩ, Ông chủ trương học với suy xét. Khổng Tử nói: “Học nhi bất tư tắc vong, tư nhi bất học tất dĩ” [1, tr198]. – học mà không suy nghĩ thì sẽ mê hoặc, chỉ suy nghĩ mà không học là điều nguy hiểm.

Về thái độ học tập và

phương pháp dạy học đều nhấn mạnh tôn trọng sự thật khách quan, phản đối thành kiến chủ quan. Khổng Tử căn cứ vào học sinh không cùng trình độ, không cùng đặc điểm, tiến hành giáo dục bằng phương pháp khác nhau; Ông còn đề xuất cách Giáo dục kiểu khêu gợi (gợi ý): “Bất phần nhất khởi, bất phi bất phát, cử nhất ngưng phản, tắc bất phục dã” – Người nào không phần phát lên, để hiểu thông thì người ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Người nào không gắng sức lên để tỏ ý kiến mình, thì ta chẳng khai phát cho được, người nào đã biết rõ một góc nhưng chẳng chịu căn cứ vào đó để biết ba góc kia, thì ta chẳng dạy người ấy nữa. Điều này thể hiện, Khổng Tử dùng phương pháp để cho người học độc lập suy nghĩ, chưa đạt trình độ thì suy nghĩ đi, suy nghĩ lại cho thông hiểu. Theo Khổng Tử người học phải có nhu cầu nhận thức, ham hiểu biết, khám phá cái mới; phải độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong quá trình nhận thức. Học cần phải tự mình gắng sức, chủ động tìm hiểu. Người dạy không chỉ truyền đạt tri thức mà cái cơ bản là dạy năng lực sáng tạo, dạy phương pháp để người học tự tìm đến tri thức

Đối tượng giáo dục Ông không phân biệt giàu sang hay hèn kém, không phân

biệt đẳng cấp, điều này tức là mở rộng giáo dục. Đối tượng giáo dục của Khổng Tử rất đa dạng, được mở rộng so với xã hội trước thời của ông. Trong lịch sử giáo dục Trung Quốc, Tư tưởng của Khổng Tử chiếm địa vị quan trọng. Ông đề xướng mở trường dạy học tư, đã phá không khí “học tại quan phủ” mở đầu cho trăm nhà đua tiếng ở thời đại Chiến Quốc và trong thực tiễn dạy học Ông đề xướng “Hữu giáo vô loại” [1, tr.85]. – bất cứ người nào cũng có thể dạy, mà không phân biệt loại (đẳng cấp, địa vị).

Tuy nhiên, đứng trên lập trường của giai cấp thống trị, Khổng Tử cho rằng, người quân tử được giáo dục để làm người cai trị còn kẻ tiểu nhân được giáo dục để biết tuân lệnh người cai trị và trong quan niệm của Khổng Tử có sự phân biệt đẳng cấp hết sức rõ ràng: bậc thượng trí, kẻ hạ ngu; quân tử, tiểu nhân; quá coi trọng giáo dục dành cho người quân tử, không quan tâm đến đối tượng giáo dục là phụ nữ... đó là những hạn chế lớn trong quan niệm và thực tiễn dạy học của Khổng Tử. Song, không phải vì thế mà phủ nhận công lao của ông đối với sự nghiệp giáo dục dân chúng. Nhờ sự đề xướng của ông mà giáo dục được mở mang, trình độ dân trí của quần chúng nhân dân được

nâng lên rõ rệt, văn hiến nhờ vậy mà càng rực rỡ.

Mục đích giáo dục trước hết của Khổng Tử là đào tạo con người có đạo để xây dựng một xã hội có đạo. Với mục đích xây dựng xã hội thái bình, thịnh trị bằng đường lối “đức trị” nên Khổng Tử rất chú trọng giáo dục đạo đức cho người học. Ông luôn hướng đến đào tạo những người có đức có tài ở mọi thành phần xuất thân, thông qua việc học tập, tu thân để hành đạo.

Ý nghĩa của tư tưởng giáo dục của Khổng Tử đối với Việt Nam hiện nay

Trong giáo dục hiện nay vẫn còn một số bất cập như: những áp lực về cạnh tranh, xếp hạng, thành tích... dẫn đến một số trường trong đào tạo có tính thực dụng hơn khi tập trung đào tạo kỹ năng và hướng đến việc đáp ứng tối ưu các yêu cầu của thị trường lao động mà xao lãng những vấn đề liên quan đến giá trị đạo đức hay lợi ích cộng đồng. Hiện nay, vấn đề đặt ra là giáo dục đào tạo không chỉ tạo ra những con người biết làm việc, mà là đào tạo những con người cá nhân có mục tiêu sống, biết cách tạo ra giá trị cá nhân đồng thời có khả năng đóng góp cho cộng đồng xã hội, nghĩa là *học để hiểu hơn về đạo* theo quan điểm của Khổng Tử.

Khổng Tử là người được tôn xưng là "Vạn thế sư biểu" - Người thầy của muôn đời. Việc kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống, đồng thời vận dụng những tư tưởng về giáo dục của Ông có ý nghĩa quan trọng. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở nước ta hiện nay - phát triển con người Việt Nam toàn diện với tư cách là *động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội* theo tinh thần Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII của Đảng. Đó là, *con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức*.

Thật vậy, Đảng và Nhà nước ta đã, đang có những chủ trương, chính sách nhằm phát triển con người, đổi mới giáo dục, đào tạo. Đảng ta khẳng định: "Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện tư duy sáng tạo của người học, nâng cao năng lực tự học của học sinh" [2, tr 29]. Những chủ trương, chính sách đó được xây dựng trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những cái mới và kế thừa, phát huy các giá trị tinh hoa trong lịch sử văn minh nhân loại, trong đó có tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

Trong thời gian qua nền

giáo dục chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua Internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Trong Cương lĩnh (bổ sung và phát triển năm 2011) đã đưa ra những quan điểm, định hướng lớn về phát triển giáo dục và đào tạo, chỉ rõ: "Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội"[3, tr.177]. Các quan điểm trên không chỉ thể hiện sự phát triển về tư duy, nhận thức, kế thừa chủ trương nhất quán của Đảng ta qua các giai đoạn lịch sử, coi trọng sự nghiệp giáo dục và đào tạo, vừa là vấn đề mang tính chiến lược xuyên suốt, bám sát xu thế phát triển của nhân loại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, luôn đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đồng thời, trong các văn kiện quan trọng khác của

Đảng, Nhà nước trong nhiệm kỳ đại hội XI, XII tiếp tục cụ thể hóa chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo. Hội nghị TW 6, khóa XI khẳng định: Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách, đòi hỏi phải: đổi mới tư duy, đổi mới mục tiêu đào tạo; hệ thống tổ chức, loại hình giáo dục và đào tạo; nội dung, phương pháp dạy và học; cơ chế quản lý; xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, nguồn lực, điều kiện đảm bảo..., trong toàn hệ thống, tiếp tục cần được cụ thể hóa trong từng giai đoạn. và xác định "*Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế*"[4, tr.233].

Thành tựu sau 38 năm đổi mới, 34 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, đặc biệt là 14 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, giáo dục và đào tạo nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Chất lượng từng bước được nâng lên, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được hoàn thiện; mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học. Vai trò, vị trí các cơ sở giáo dục, nhất là giáo

giáo dục đại học trong hệ thống dần được khẳng định, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đề cao; chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, hệ thống chương trình đã được đổi mới, chú trọng phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực cũng được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh...Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, đảm bảo định hướng XHCN trong giáo dục và đào tạo. Hợp tác quốc tế được tăng cường theo hướng chủ động, tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, cũng như yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế của đất nước.

Muốn thực hiện tốt chiến lược giáo dục đào tạo con người thì cần phải nhận thức đúng và giải quyết đúng mối quan hệ giữa các mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Việc xã hội hóa giáo dục, mở rộng giáo dục phải đi đôi với việc chú trọng và bồi dưỡng nhân tài, vì nhân tài là lực lượng quan trọng,

giữ vị trí then chốt và là chỗ dựa để thực hiện chiến lược phát triển đất nước. Đồng thời cũng cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa đức và tài, giữa “tiên học lễ, hậu học văn”. Nhờ đó giáo dục mới có thể thực hiện được sứ mệnh quan trọng của mình là đào tạo ra đội ngũ những người lao động, những người trí thức mới, có đạo đức công dân tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có bản lĩnh chính trị và lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội, bảo đảm đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tóm lại; Hệ thống tư tưởng của Ông về thế giới, về xã hội, về con người có ảnh hưởng sâu sắc đến tính cách con người, tâm lý dân tộc Trung Hoa và ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của văn hóa phương Đông. Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng của Nho giáo từ rất sớm, ngày nay trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta có thể tiếp thu và vận dụng sáng tạo những quan niệm trong triết lý giáo dục của Khổng Tử vào công tác giáo dục nhân cách con người mới ở Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Khổng Tử và Luận ngữ*, Nguyễn Hiến Lê, Nhà xuất bản Văn học, 2003.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ II BCHTW khóa VIII*, Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, 1997.
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB CTQG- Sự thật. H 2011,
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXb Chính trị Quốc gia sự thật, 2021.

QUAN ĐIỂM NHẤT QUÁN VÀ SỰ NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG CỦA ĐẢNG VỀ VIỆC XÁC LẬP, BẢO VỆ, HIỆN THỰC HÓA QUYỀN CON NGƯỜI

✪ TS. NGUYỄN QUỐC TRUNG
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Từ khóa: Đảng cộng sản Việt Nam, quyền con người, bảo vệ, hiện thực hóa

Trong “**Tuyên ngôn độc lập**” được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc vào ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khi trích “Tuyên ngôn độc lập” (1976) của Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng...”²¹ và trong Sắc lệnh số 50 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 9 tháng 10 năm 1945 có ghi ngay trên đầu văn bản: Độc lập-Tự do-Hạnh phúc; Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua năm 2013²² có 120 điều thì đã có 35 điều có liên quan đến quyền con người²³, đó là sự xác định nhất quán của Đảng, của Nhà nước, của cách mạng Việt Nam về quyền của con người.

1. Quan điểm của Đảng với việc xác lập và bảo vệ,

Tóm tắt, Đảng cộng sản Việt Nam trong toàn bộ quá trình hoạt động cách mạng là quá trình đấu tranh giành, bảo vệ và từng bước hiện thực hóa cho quyền con người, trước hết là quyền con người dân tộc Việt Nam, tiếp đến là quyền con người của nhân loại.

hiện thực hóa quyền con người ở Việt Nam

Quyền con người là quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế, đó là: quyền được sống, quyền được mưu cầu hạnh phúc, tự do, bình đẳng...là những quyền cơ bản của con người. Quyền con người là thành quả phát triển của lịch sử lâu dài sự nghiệp đấu tranh giải phóng, cải tạo xã hội và cải tạo thiên nhiên của cả nhân loại. Trong một thế giới đang toàn cầu hoá hiện nay, quyền con người ở mỗi quốc gia, không kể hoàn cảnh lịch sử, chế độ chính trị-

xã hội, kinh tế và văn hoá đều có những giá trị chung giống nhau, không thể chia cắt và phụ thuộc lẫn nhau, đó là tính phổ cập của quyền con người. Tuy nhiên, quyền con người còn mang tính đặc thù dân tộc, khu vực và bối cảnh khác nhau về chính trị, lịch sử, văn hoá và tôn giáo. Chính từ những đặc điểm này mà trên thế giới tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về quyền con người.

Ở Việt Nam, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân luôn được tôn trọng và bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật. Từng là nạn nhân của chủ nghĩa thực dân và phải trả bằng xương, máu trong lịch sử đấu tranh

²¹ Hồ Chí Minh (2011) - Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, tập 4, tr. 1

²² Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được Quốc hội thông qua và ngày 28 tháng 11 năm 2013

²³ Phần Chương II. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (từ điều 14 đến điều 49)

giải phóng dân tộc, nhân dân Việt Nam hiểu hơn bao giờ hết giá trị của độc lập, tự do. Đảng và Nhà nước Việt Nam trước sau như một, kiên trì quan điểm giải quyết vấn đề quyền con người trên nguyên tắc nhân quyền không được cao hơn chủ quyền, bảo đảm quyền con người phải căn cứ vào hoàn cảnh kinh tế - xã hội và truyền thống văn hoá, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền” để can thiệp vào công việc nội bộ của một quốc gia có chủ quyền.

Quan điểm về quyền con người của Đảng và Nhà nước ta dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống văn hoá dân tộc và xem xét, chọn lọc những tiêu chuẩn về quyền con người được thế giới thừa nhận rộng rãi. C.Mác cho rằng, con người vừa là sản phẩm của xã hội vừa là sản phẩm của tự nhiên, vì vậy khi xem xét vấn đề quyền con người cần phải đặt vào những hoàn cảnh lịch sử cụ thể và quyền không bao giờ có thể cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hoá. Theo Ph.Ăng-ghen, quyền con người không phải tự nhiên mà có, đó là thành quả của sự phát triển lịch sử, của các cuộc cách mạng

xã hội; bình đẳng là một sản phẩm lịch sử, không có quyền bình đẳng trừu tượng, muốn có bình đẳng thực sự thì việc xoá bỏ đặc quyền giai cấp là chưa đủ, mà phải xoá bỏ bản thân giai cấp. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và quyền con người là sự kết hợp giữa chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa với truyền thống yêu nước, thương nòi của dân tộc Việt Nam, giữa lý luận mác-xít và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Quan điểm trên được Người thể hiện bằng bản Tuyên ngôn độc lập. Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam mới năm 1945, không chỉ nhằm công bố với thế giới về sự ra đời của một quốc gia độc lập, có chủ quyền mà còn là một bản tuyên ngôn về quyền con người của Việt Nam và khẳng định nhân dân Việt Nam quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng để bảo vệ giá trị thiêng liêng đó. Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 còn là một đóng góp to lớn vào tư tưởng nhân quyền của nhân loại. Lần đầu tiên, các quyền tự do cá nhân được mở rộng thành quyền dân tộc, đó là độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quyền dân tộc tự quyết. Những đóng góp đó vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

Kế thừa và phát huy giá trị

của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và truyền thống văn hoá dân tộc, quan điểm nhất quán và xuyên suốt về quyền con người của Đảng và Nhà nước ta là giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đảng và Nhà nước ta khẳng định, con người và quyền con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng Việt Nam. Mục tiêu của chúng ta là xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đóng góp vào cuộc đấu tranh chung vì mục tiêu hoà bình và tiến bộ xã hội của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Đại hội XIII của Đảng xác định: “Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp năm 2013; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với xã hội”²⁴. Đảng xác định: *Nhân dân là trung tâm và là chủ thể của chiến lược phát triển đất nước*. Trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), xác định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người

²⁴ ĐCSVN – Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nxb CTQG, H. 2021, tr. 71.

với quyền và lợi ích dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”²⁵. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”²⁶.

Như vậy, Đảng đã phát triển thêm một bước tiếp cận mới không chỉ về lý luận mà còn dựa trên tổng kết từ thực tiễn của 35 năm đổi mới và cả chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc như Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới, không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”²⁷. Quan điểm nhân dân là trung tâm, là chủ thể trong chiến lược phát triển, đã làm rõ hơn về chủ thể thụ hưởng quyền con người đó chính là nhân dân. Từ cách tiếp cận này, Đảng ta yêu cầu: “Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm,

bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân”²⁸. Đây là cách tiếp cận mới về quyền con người, hướng tiếp cận này chính là phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong hoạch định chính sách phát triển; đây là phương pháp tiếp cận đã và đang được Liên hợp quốc cùng nhiều nước phát triển sử dụng rộng rãi trong hoạch định chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển. Theo đó, trong các chương trình, chính sách phát triển của Đảng ta đều phải hướng trọng tâm vào chủ thể hưởng quyền, đó là người dân - nhân dân; lấy quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể hưởng quyền là cơ sở xây dựng và hoạch định chính sách phát triển quốc gia; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu cao nhất trong hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Với quan điểm nhất quán và sự quan tâm hiện thực hóa quyền con người ở Việt Nam, trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong bảo đảm quyền con người:

+ Trên lĩnh vực dân sự, chính trị: Các quyền con người về dân sự, chính trị đã được bảo đảm một cách chủ động

trong quá trình thực thi chính sách, pháp luật. Hiến pháp năm 2013, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định 162/2017 của Chính phủ, lần đầu tiên quy định tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại,...; về vấn đề bảo đảm quyền sống, Bộ luật Hình sự năm 2015 tiếp tục bỏ án tử hình ở 8 tội danh; không áp dụng hình phạt tử hình với người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội...

+ Trên lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa: bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cũng được thực hiện một cách tích cực trong triển khai các chương trình, mục tiêu, chính sách quốc gia như bảo đảm quyền thoát nghèo; quyền về việc làm, thu nhập; quyền sở hữu; an sinh xã hội, quyền được chăm sóc y tế, sức khỏe; quyền được học tập, giáo dục; quyền được tham gia vào đời sống văn hóa... Hiện nay, hệ thống an sinh xã hội đã được phát triển thành mạng lưới an sinh xã hội, không ngừng mở rộng diện bao phủ các đối tượng an sinh xã hội và ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu của các đối tượng

²⁵ ĐCSVN – Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 76.

²⁶ ĐCSVN – Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nxb CTQG, H. 2021, tr. 27-28.

²⁷ Hồ Chí Minh – Toàn tập, Tập 10, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 453.

²⁸ ĐCSVN – Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nxb CTQG, H. 2021, tr. 173.

an sinh xã hội. Điều này phản ánh rõ nét qua những chuyển biến tích cực trên các phương diện như: Hệ thống bảo hiểm xã hội; hệ thống hỗ trợ giải quyết việc làm; hệ thống trợ giúp xã hội; hệ thống chính sách ưu đãi cho người có công và hệ thống bảo đảm tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (như giáo dục, y tế, nhà ở, thông tin, giao thông, nước sạch, v.v.) ngày càng được cải thiện về chất lượng cũng như quy mô dịch vụ, đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của đại bộ phận người dân, đặc biệt là nhóm dân cư tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, những địa bàn đặc biệt khó khăn. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vừa qua, Chính phủ đã kịp thời ban hành nhiều chính sách chưa có tiền lệ về bảo đảm quyền lợi của những người bị tác động của đại dịch thông qua các gói an sinh xã hội hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn trong đại dịch bằng những gói phúc lợi hàng chục ngàn tỷ đồng, bảo đảm các quyền con người cơ bản cho người dân, đồng thời gia tăng năng lực hoạt động cho hệ thống an sinh xã hội để ứng phó hiệu quả với những thách thức mang tính toàn cầu cũng

như thiết lập những bảo đảm cần thiết cho sự phát triển bền vững với tầm nhìn trung và dài hạn.

Hiện nay, so với 20 năm trước đổi mới, đời sống của đại bộ phận người dân Việt Nam đã được cải thiện rõ rệt với sự liên tục cải thiện các chỉ số quan trọng liên quan đến con người như chỉ số phát triển con người (HDI) (Việt Nam hiện xếp thứ 115/191 quốc gia), chỉ số bất bình đẳng giới (GII), tuổi thọ bình quân đầu người, thu nhập bình quân đầu người... Việt Nam cũng là một trong những quốc gia hoàn thành sớm Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của LHQ (MDGs). Theo xếp hạng của LHQ năm 2020 về thực hiện SDGs, Việt Nam xếp thứ 51/193 quốc gia thành viên của LHQ, đạt thành tích cao hơn so với nhiều nước trong khu vực.

+ Về vấn đề bảo đảm quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương: phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người có HIV/AIDS...luôn chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình thực thi quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách,

pháp luật của nhà nước. Trên thực tế quyền của các nhóm này đã đạt được nhiều kết quả tích cực xét theo các tiêu chí, như: chống phân biệt đối xử; tăng cường mức độ sẵn có của các dịch vụ; khả năng tiếp cận bình đẳng và chất lượng các dịch vụ, cơ hội; mức độ bao phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội; chi phí phù hợp... Tại kỳ bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV, (nhiệm kỳ 2021-2026), số lượng nữ là đại biểu Quốc hội là 151 người, chiếm 30,26% (đạt cao nhất từ trước đến nay); Tỷ lệ dân tộc thiểu số tham gia Quốc hội khóa XV là 89 người, chiếm 17,84%)²⁹. Từ năm học 2017-2018, đã có 22 tỉnh, thành phố tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số (715 trường); 8 ngôn ngữ của dân tộc thiểu số được đưa thành môn học; 6 bộ sách giáo khoa được xuất bản bằng tiếng dân tộc thiểu số...³⁰.

2. Việt Nam trong sự nỗ lực xây dựng, thiết lập và bảo vệ quyền con người cùng cộng đồng quốc tế

Ngay sau khi Việt Nam là thành viên của LHQ (năm 1977), vào những năm 80 của thế kỷ trước, Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia vào các công ước quốc tế về quyền con

²⁹ Hội đồng Bầu cử quốc gia, cơ cấu 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV. Tại trang <https://baucuquochoi.vn/infographics-co-cau-499-nguoi-trung-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv/1155.vnp>; truy cập ngày 24-7-2021.

³⁰ Bộ Ngoại giao, Báo cáo quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ III, Hà Nội 2018, tr.39, 40.

người của LHQ. Vào những năm 1981, 1982 và 1983 Việt Nam đã gia nhập 7 công ước quốc tế về quyền con người, bao gồm: Công ước quốc tế về Ngăn ngừa và Trừng trị tội ác diệt chủng; Công ước quốc tế về Ngăn ngừa và Trừng trị Tội ác A-pac-thai; Công ước quốc tế về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD); Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR); Công ước quốc tế về các kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR); Công ước về không áp dụng thời hiệu tố tụng đối với Tội phạm chiến tranh và Tội phạm chống lại nhân loại; Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW).

Tính đến nay (2022), Việt Nam đã phê chuẩn, gia nhập 7/9 công ước cơ bản của LHQ về quyền con người; phê chuẩn, gia nhập 25 công ước của ILO, trong đó có 7/8 công ước cơ bản. Các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, chúng ta đều cam kết thực hiện và coi đó là trách nhiệm chính trị, pháp lý của Nhà nước. Điều này là quan điểm nhất quán, xuyên suốt mọi đường lối, chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước đó là, “Coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền con người và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết”³¹.

Với quan điểm “Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết”³². Việt Nam trong những năm gần đây không chỉ nỗ lực thực hiện các cam kết quốc tế mà còn tích cực, chủ động và có nhiều đóng góp trong lĩnh vực thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong khu vực và thế giới. Điều này thể hiện rõ thông qua mức độ tín nhiệm với tỷ lệ phiếu đồng thuận rất cao những lần Việt Nam gia nhập Hội đồng nhân quyền LHQ và ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ.

Trong giai đoạn 2014-2016, Việt Nam đã đảm nhiệm thành công vai trò thành viên

Hội đồng Nhân quyền LHQ, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước. Việt Nam không chỉ tham gia đồng tác giả, đồng bảo trợ hàng chục nghị quyết của Hội đồng Nhân quyền, tập trung vào các lĩnh vực quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử, xóa bỏ các biện pháp cấm vận đơn phương ảnh hưởng đến thụ hưởng quyền con người, quyền của nông dân, vấn đề dân chủ hóa đời sống quốc tế và tăng cường đoàn kết quốc tế, mà còn có nhiều đóng góp, làm cầu nối thúc đẩy hợp tác và đối thoại giữa các nước, các nhóm nước nhằm thúc đẩy cách tiếp cận cân bằng, tiến bộ, hướng tới con người của Hội đồng Nhân quyền trên những vấn đề còn khác biệt ví dụ như về quyền sức khỏe sinh sản, chống bạo hành với phụ nữ, xóa bỏ phân biệt đối xử và bạo lực dựa trên cơ sở bản dạng giới và xu hướng tình dục...

Việt Nam cũng đã thúc đẩy đối thoại trong khuôn khổ Hội đồng Nhân quyền giữa các nước liên quan, các tổ chức khu vực và các cơ chế của LHQ về quyền con người nhằm giải quyết những quan

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia, H. 2016, tr.167.

³² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.164.

tâm cụ thể về các vấn đề liên quan đến nhân quyền, nhân đạo; gắn với việc phối hợp với các nước đang phát triển đấu tranh để bảo đảm Hội đồng Nhân quyền hoạt động đúng nguyên tắc, thủ tục, không chính trị hóa, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước³³.

Tại khu vực, uy tín của Việt Nam được thể hiện qua vai trò Chủ tịch Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 2020, đồng thời là Chủ tịch Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR). Trong cuộc họp đặc biệt lần hai của AICHR theo hình thức trực tuyến với sự tham dự của đại diện AICHR, các nước thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN, diễn ra cuối tháng 11-2020, các nước đánh giá rất cao vai trò của Việt Nam trên cương vị Chủ tịch AICHR 2020, đã dẫn dắt hoạt động của AICHR trong giai đoạn đặc biệt khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19, không chỉ giúp duy trì đà hợp tác của AICHR và ứng phó hiệu quả trước các tác động của đại dịch, mà còn thúc đẩy soạn thảo và thông qua một loạt các văn kiện quan trọng

định hướng hợp tác AICHR trong thời gian tới.

Việt Nam không chỉ quan tâm thúc đẩy các quyền cơ bản của người dân ASEAN, chú trọng đến nhóm yếu thế như thúc đẩy quyền của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, gắn kết tình hữu nghị, thống nhất, tạo đồng thuận và hợp tác trong AICHR, trong đó đặc biệt là nỗ lực bảo đảm quyền con người trong đại dịch không những được cộng đồng các quốc gia ASEAN đánh giá cao mà còn tham gia đóng góp tích cực vào định hình các chuẩn mực quốc tế về bảo đảm quyền con người, quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó Việt Nam đã cùng với Phi-líp-pin và Băng-la-đét trực tiếp soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng Nhân quyền về biến đổi khí hậu và quyền con người đã được chính thức thông qua vào tháng 7-2019³⁴ tại trụ sở LHQ ở Giơ-ne-vơ, Thụy Sĩ.

Với những nỗ lực chung trong thúc đẩy, bảo vệ quyền con người trong phạm vi quốc gia và khu vực, các nước thành viên ASEAN chính thức đề cử Việt Nam là ứng cử viên duy nhất đại diện cho ASEAN làm

thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ, nhiệm kỳ 2023-2025. Và vừa qua, với số phiếu cao, Việt Nam đã chính thức trúng cử làm thành viên Hội đồng Nhân quyền, nhiệm kỳ thứ 2 (2023-2025). Như vậy có thể khẳng định rằng những kết quả, thành tựu to lớn trên lĩnh vực thúc đẩy, bảo vệ, bảo đảm quyền con người mà Việt Nam đã đạt được trong suốt 35 năm qua, là minh chứng sinh động cho thấy quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam là đúng đắn, là vì quyền con người.

Kết luận: Trong khi cộng đồng quốc tế về cơ bản thừa nhận quyền con người với đầy đủ ý nghĩa của nó, thì một số quốc gia lại phủ nhận tính đặc thù và lợi dụng vấn đề quyền con người, lợi dụng các vấn đề về “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “dân tộc” xuyên tạc, vu cáo các nước khác vi phạm nhân quyền, ngang nhiên can thiệp vào công việc nội bộ, đe dọa độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ các quốc gia có chủ quyền. Trong thế giới văn minh ngày nay vẫn còn tình trạng người bóc lột người, phân biệt chủng

³³ Việt Nam đóng góp tích cực vào hoạt động của LHQ. tại trang [<https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-dong-gop-tich-cuc-vao-hoat-dong-cua-lien-hop-quoc-523464.html>]; truy cập ngày 19-10-21.

³⁴ Nghị quyết được Hội đồng Nhân quyền LHQ thông qua năm 2019. Tại trang [<https://dangcongsan.vn/tieu-diem/viet-nam-mong-muon-tiep-tuc-dong-gop-tich-cuc-voi-hoi-dong-nhan-quyen-lhq-621028.html>]; truy cập ngày 5-6-2021.

tộc, kỳ thị dân tộc, tôn giáo và còn tồn tại một vài chế độ độc tài đang thi hành chính sách bài ngoại cực đoan, kìm hãm sự phát triển tự do cá nhân, thủ tiêu các quyền cơ bản của con người. Do đó, cuộc đấu tranh vì quyền con người gắn với bảo vệ quyền dân tộc tự quyết vẫn là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt. Quyền con người vẫn là khát vọng cháy bỏng của cả nhân loại. Đối với vấn đề quyền con người, đây là quan điểm nhất quán của Đảng và Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thực tế luôn bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hồ Chí Minh – *Toàn tập*, Tập 1, 10, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 453.
2. ĐCSVN – Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, H. 2011
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB CTQG, H. 2016
4. ĐCSVN – *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb CTQG, H. 2021
5. Nghị quyết được Hội đồng Nhân quyền LHQ thông qua năm 2019. Tại trang [<https://dangcongsan.vn/tieu-diem/viet-nam-mong-muon-tiep-tuc-dong-gop-tich-cuc-voi-hoi-dong-nhan-quyen-lhq-621028.html>]; truy cập ngày 5-6-2021.
6. Việt Nam đóng góp tích cực vào hoạt động của LHQ. tại trang [<https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-dong-gop-tich-cuc-vao-hoat-dong-cua-lien-hop-quoc-523464.html>]; truy cập ngày 19-10-21.
7. Hội đồng Bầu cử quốc gia, cơ cấu 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV. Tại trang <https://baucuquochoi.vn/infographics-co-cau-499-nguoi-trung-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv/1155.vnp>]; truy cập ngày 24-7-2021.
8. Bộ Ngoại giao, Báo cáo quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ III, Hà Nội 2018.

TƯƠNG LAI CỦA NGHỀ DẠY HỌC TRONG BỐI CẢNH GIÁO DỤC 4.0

✦ ThS. NGUYỄN THỊ ÁNH XUÂN
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt

Bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Công nghiệp 4.0) đang thúc đẩy sự thay đổi toàn diện trong mọi lĩnh vực của xã hội, trong đó có giáo dục. Sự phát triển của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn (big data) đang tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho nghề dạy học. Bài viết này phân tích các vai trò, thách thức, cũng như yếu tố tác động từ Giáo dục 4.0 đến nghề dạy học và đưa ra những định hướng cần thiết để thích ứng với các xu hướng mới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nghề dạy học trong tương lai không chỉ đòi hỏi năng lực chuyên môn, mà còn yêu cầu kỹ năng công nghệ, sáng tạo và linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của một nền giáo dục hiện đại và toàn diện.

Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tạo nên những thay đổi sâu sắc trong mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục. Khi công nghệ hiện đại, từ trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (machine learning) đến dữ liệu lớn (big data) và internet vạn vật (IoT), ngày càng được tích hợp sâu vào giáo dục, nghề dạy học buộc phải thay đổi để phù hợp với những yêu cầu mới. Vậy nghề dạy học sẽ chuyển đổi như thế nào để đáp ứng được những kỳ vọng của Giáo dục 4.0?

Nội dung

Giáo dục 4.0 không chỉ là việc đưa công nghệ vào lớp học mà còn là một cuộc cách mạng trong phương pháp giảng dạy và vai trò của người

giáo viên. Trong mô hình giáo dục này, học sinh được đặt ở trung tâm và là những người chủ động tiếp cận kiến thức với sự hỗ trợ của công nghệ. Giáo viên, từ đó, trở thành người hướng dẫn, cung cấp công cụ và phương pháp giúp học sinh phát triển tư duy phản biện và khả năng tự học. Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này, chúng ta cần phân tích sâu hơn về vai trò mới của giáo viên trong Giáo dục 4.0:

Thứ nhất, vai trò mới của giáo viên trong Giáo dục 4.0

Trong bối cảnh Giáo dục 4.0, khi công nghệ không ngừng phát triển, vai trò của giáo viên đã có những thay đổi lớn so với phương pháp truyền thống. Giáo viên không còn đơn thuần là

người truyền đạt kiến thức một chiều mà trở thành người hướng dẫn, tạo điều kiện, và phát triển các kỹ năng toàn diện cho học sinh. Dưới đây là một số vai trò chính của giáo viên trong thời đại Giáo dục 4.0:

Một là, người hướng dẫn học tập cá nhân hóa

Với sự hỗ trợ của công nghệ, giáo viên giờ đây có thể tạo ra lộ trình học tập cá nhân hóa cho từng học sinh. Thông qua việc phân tích dữ liệu học tập, giáo viên có thể hiểu rõ khả năng, điểm mạnh và điểm yếu của học sinh để thiết kế các hoạt động và bài giảng phù hợp. Điều này giúp học sinh học tập hiệu quả hơn, đồng thời tạo động lực cho các em trong quá trình học tập.

Hai là, người phát triển kỹ năng mềm và tư duy phản biện

Trong thời đại mà thông tin trở nên dễ dàng tiếp cận qua internet, vai trò của giáo viên không chỉ là cung cấp kiến thức mà còn giúp học sinh phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, và tư duy phản biện. Các kỹ năng này khó có thể thay thế bởi công nghệ, nhưng lại rất cần thiết cho học sinh trong cuộc sống và công việc tương lai.

Ba là, người thúc đẩy sáng tạo và tự học

Trong Giáo dục 4.0, giáo viên đóng vai trò khuyến khích và hướng dẫn học sinh phát triển khả năng tự học và sáng tạo. Bằng cách sử dụng các phương pháp giảng dạy như học tập dựa trên dự án (project-based learning), giáo viên tạo ra môi trường học tập linh hoạt và thực tế, từ đó khuyến khích học sinh tự do khám phá và sáng tạo trong quá trình học.

Bốn là, người điều phối sử dụng công nghệ trong lớp học

Giáo viên ngày nay cần biết cách tích hợp các công nghệ giảng dạy, từ các nền tảng học trực tuyến đến các phần mềm hỗ trợ học tập, vào lớp học một cách hợp lý. Vai trò của giáo viên là giúp học sinh sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, sáng suốt

và hiệu quả, từ đó đảm bảo rằng công nghệ là công cụ hỗ trợ học tập chứ không phải yếu tố gây xao nhãng.

Năm là, người đánh giá và phản hồi học tập liên tục

Phương pháp đánh giá trong Giáo dục 4.0 đòi hỏi giáo viên phải thường xuyên cung cấp phản hồi cho học sinh, giúp các em nhận biết rõ tiến bộ của mình và cải thiện trong từng giai đoạn. Các công cụ phân tích dữ liệu cho phép giáo viên nắm bắt hiệu suất học tập của từng học sinh một cách chi tiết, từ đó đưa ra những điều chỉnh kịp thời và phù hợp.

Thứ hai, ảnh hưởng của công nghệ đến phương pháp giảng dạy

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đã và đang tạo nên những thay đổi lớn trong phương pháp giảng dạy truyền thống. Công nghệ không chỉ giúp giáo viên truyền tải kiến thức hiệu quả hơn mà còn mở ra các phương pháp học tập mới mẻ và linh hoạt cho học sinh. Dưới đây là một số ảnh hưởng chính của công nghệ đối với phương pháp giảng dạy:

Một là, phát triển phương pháp học tập trực tuyến và kết hợp

Nhờ có các nền tảng học tập trực tuyến như Google Classroom, Zoom và Microsoft Teams, giáo viên có

thể tổ chức các lớp học online và lớp học kết hợp (blended learning) dễ dàng hơn. Điều này tạo điều kiện để học sinh học tập linh hoạt về thời gian và địa điểm, giúp mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục, đặc biệt là trong thời kỳ đại dịch COVID-19.

Hai là, cá nhân hóa việc học tập nhờ vào dữ liệu lớn (Big Data)

Dữ liệu lớn cho phép giáo viên thu thập và phân tích dữ liệu học tập của từng học sinh một cách chi tiết, từ đó điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp với nhu cầu và khả năng của mỗi em. Việc cá nhân hóa học tập không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập mà còn tạo động lực và sự hứng thú cho học sinh.

Ba là, tăng cường tính tương tác và trải nghiệm học tập

Công nghệ hiện đại như thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) cho phép giáo viên tạo ra các môi trường học tập mô phỏng, mang đến cho học sinh trải nghiệm học tập sinh động và thực tế hơn. Ví dụ, học sinh có thể “tham quan” một bảo tàng lịch sử thông qua VR hoặc “xem” các hiện tượng vật lý xảy ra trong không gian ba chiều. Những trải nghiệm này giúp học sinh ghi nhớ kiến thức lâu hơn và học hỏi một cách hứng thú hơn.

Bốn là, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc đánh giá và phản hồi

Trí tuệ nhân tạo (AI) đã giúp giáo viên có thể tự động hóa một số công việc như chấm bài và cung cấp phản hồi nhanh chóng cho học sinh. AI còn hỗ trợ giáo viên trong việc đánh giá tiến độ học tập, phát hiện điểm yếu của học sinh và đưa ra những gợi ý cải thiện cụ thể. Điều này giúp giáo viên tiết kiệm thời gian, đồng thời đảm bảo rằng học sinh nhận được phản hồi kịp thời và chính xác.

Năm là, thúc đẩy phương pháp học tập dựa trên dự án và hợp tác

Công nghệ giúp dễ dàng tổ chức và theo dõi các hoạt động học tập dựa trên dự án (project-based learning), giúp học sinh làm việc nhóm và phát triển các kỹ năng như giải quyết vấn đề và giao tiếp. Với các công cụ cộng tác trực tuyến, học sinh có thể làm việc cùng nhau trên các tài liệu và dự án một cách linh hoạt, dù ở bất kỳ đâu, bất kỳ thời điểm nào.

Thứ ba, những thách thức cho nghề dạy học

Sự bùng nổ của công nghệ 4.0 đã mang lại nhiều cơ hội cho ngành giáo dục, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho nghề dạy học.

Dưới đây là các thách thức lớn mà giáo viên phải đối mặt trong quá trình thích ứng với những yêu cầu mới của thời đại công nghệ 4.0.

Một là, thiếu hụt kỹ năng công nghệ và khả năng thích ứng

Trong khi công nghệ phát triển nhanh chóng, không phải giáo viên nào cũng được trang bị đầy đủ kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ trong giảng dạy. Đặc biệt, nhiều giáo viên lớn tuổi chưa quen với các công cụ trực tuyến và hệ thống quản lý học tập, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng công nghệ một cách hiệu quả vào lớp học.

Hai là, áp lực cá nhân hóa quá trình học tập cho học sinh

Trong Giáo dục 4.0, cá nhân hóa học tập trở thành yêu cầu quan trọng nhằm giúp học sinh phát huy tối đa tiềm năng của mình. Tuy nhiên, để cá nhân hóa quá trình học tập, giáo viên cần dành nhiều thời gian để phân tích, theo dõi và điều chỉnh chương trình giảng dạy cho từng học sinh. Điều này không chỉ đòi hỏi công sức và thời gian mà còn tạo ra áp lực đáng kể cho giáo viên, đặc biệt khi phải quản lý số lượng học sinh lớn.

Ba là, vai trò của giáo viên bị thay đổi và thử thách trong việc định vị lại bản thân

Với sự phát triển của các nền tảng học trực tuyến và kho kiến thức khổng lồ trên internet, giáo viên không còn là nguồn kiến thức chính duy nhất. Điều này khiến giáo viên phải định vị lại vai trò của mình từ người cung cấp kiến thức sang người hướng dẫn, cố vấn và hỗ trợ học sinh. Tuy nhiên, việc thích nghi với vai trò mới này đòi hỏi giáo viên phải điều chỉnh tư duy và cách tiếp cận của mình.

Bốn là, thiếu hụt tài nguyên và cơ sở hạ tầng công nghệ

Không phải trường học nào cũng có đủ cơ sở hạ tầng và tài nguyên để tích hợp công nghệ 4.0 vào giảng dạy. Các thiết bị như máy tính, máy chiếu, mạng internet tốc độ cao, và các phần mềm hỗ trợ học tập hiện đại thường yêu cầu đầu tư lớn. Điều này tạo ra sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận công nghệ của học sinh và giáo viên ở các vùng khác nhau.

Năm là, thách thức trong việc bảo vệ quyền riêng tư và an toàn dữ liệu

Với việc ứng dụng dữ liệu lớn trong giáo dục, nhiều thông tin cá nhân của học sinh và giáo viên bị thu thập và lưu trữ. Điều này làm gia tăng rủi ro về bảo mật thông tin và quyền riêng tư, đặc biệt là khi dữ liệu có thể bị lạm dụng

hoặc đánh cắp. Đảm bảo an toàn dữ liệu không chỉ là trách nhiệm của nhà trường mà còn là một thách thức đối với giáo viên trong việc đảm bảo rằng dữ liệu của học sinh được sử dụng đúng mục đích.

Bối cảnh công nghệ 4.0 mang đến nhiều cơ hội để đổi mới phương pháp giảng dạy, song cũng đặt ra không ít thách thức cho nghề dạy học. Để phát triển và thích ứng trong thời đại này, giáo viên cần được hỗ trợ không chỉ về kỹ năng công nghệ mà còn về tư duy và phương pháp giảng dạy. Với các biện pháp đào tạo và hỗ trợ phù hợp, nghề dạy học có thể vượt qua những thách thức và phát triển mạnh mẽ, góp phần vào việc xây dựng một nền giáo dục tiên tiến và toàn diện hơn trong tương lai.

Thứ tư là, giải pháp phát triển nghề dạy học trong Giáo dục 4.0

Để giúp giáo viên thích nghi và phát triển trong bối cảnh Giáo dục 4.0, nhiều giải pháp cần được áp dụng nhằm nâng cao năng lực, hỗ trợ quá trình dạy học và tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ. Dưới đây là các giải pháp quan trọng giúp nghề dạy học phát triển bền vững trong thời đại công nghệ số:

Một là, đào tạo và nâng cao kỹ năng công nghệ cho giáo viên

Trong Giáo dục 4.0, việc sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ là yêu cầu thiết yếu. Chính phủ và các tổ chức giáo dục cần cung cấp các khóa đào tạo liên tục về kỹ năng công nghệ, giúp giáo viên làm quen và vận dụng hiệu quả các phần mềm, công cụ hỗ trợ giảng dạy trực tuyến và nền tảng học tập điện tử. Những kỹ năng này bao gồm sử dụng các công cụ quản lý lớp học trực tuyến, phương pháp cá nhân hóa học tập dựa trên dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong việc đánh giá học sinh. Tổ chức các buổi hội thảo, khóa học trực tuyến, và đào tạo thực hành về công nghệ trong giáo dục, giúp giáo viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ mới.

Hai là, tăng cường phát triển kỹ năng mềm và tư duy phản biện

Bên cạnh kiến thức chuyên môn, giáo viên cần phát triển các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và quản lý lớp học linh hoạt. Đây là những kỹ năng cần thiết giúp giáo viên ứng phó tốt với sự thay đổi và đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân hóa của học sinh. Đồng thời, các kỹ năng mềm này còn giúp giáo viên làm việc hiệu quả hơn trong môi trường học tập tích hợp công nghệ cao. Các khóa học chuyên sâu về kỹ năng mềm, các buổi hội

thảo phát triển tư duy sáng tạo và quản lý lớp học hiệu quả.

Ba là, cập nhật phương pháp giảng dạy hiện đại

Giáo dục 4.0 đòi hỏi giáo viên phải sử dụng các phương pháp giảng dạy mới như học tập dựa trên dự án (project-based learning), học tập dựa trên vấn đề (problem-based learning), và học tập kết hợp (blended learning). Những phương pháp này giúp học sinh phát triển kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng tự học – những kỹ năng không dễ thay thế bởi công nghệ. Tổ chức các lớp học, hội thảo về phương pháp giảng dạy hiện đại; chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi từ các mô hình dạy học tiên tiến trên thế giới.

Bốn là, đẩy mạnh hợp tác và xây dựng cộng đồng học tập cho giáo viên

Tạo điều kiện để giáo viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau thông qua các cộng đồng học tập và diễn đàn trực tuyến sẽ rất có ích. Đây là cách giúp giáo viên dễ dàng nắm bắt các kiến thức và kỹ năng giảng dạy mới, đồng thời tạo môi trường hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thích nghi với Giáo dục 4.0. Tạo ra các diễn đàn, cộng đồng học tập trực tuyến cho giáo viên, nơi họ có thể trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tài nguyên giảng dạy.

Năm là, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ và tài nguyên giáo dục

Một trong những yếu tố quan trọng giúp nghề dạy học phát triển trong bối cảnh công nghệ 4.0 là cơ sở hạ tầng công nghệ. Nhà nước và các tổ chức giáo dục cần đầu tư vào việc cung cấp các thiết bị công nghệ, phần mềm hỗ trợ giảng dạy, và hạ tầng mạng để giáo viên có thể tiếp cận và sử dụng công nghệ một cách hiệu quả. Đầu tư vào thiết bị công nghệ cho các trường học, đặc biệt là các vùng sâu vùng xa; cung cấp internet tốc độ cao, máy tính bảng và các thiết bị học tập thông minh cho giáo viên và học sinh.

Sáu là, phát triển các công cụ đánh giá hiện đại và linh hoạt

Các công cụ đánh giá hiện đại giúp giáo viên theo dõi sát sao tiến độ học tập và sự phát triển của học sinh. Việc sử dụng các nền tảng đánh giá trực tuyến và công cụ phân tích dữ liệu lớn giúp giáo viên nắm bắt kịp thời những khó khăn của từng học sinh, từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ kịp thời. Sử dụng các hệ thống quản lý học tập (LMS) như Google Classroom, Moodle để theo dõi và đánh giá tiến độ học tập của học sinh, và cung cấp phản hồi ngay lập tức.

Bảy là, xây dựng nhận thức về an toàn và bảo mật thông tin

Trong quá trình sử dụng công nghệ, giáo viên cũng cần được trang bị kiến thức về an toàn và bảo mật thông tin để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh và dữ liệu cá nhân. Điều này đặc biệt quan trọng khi các hệ thống lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn được tích hợp vào giáo dục. Tổ chức các khóa học về an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu cho giáo viên; xây dựng các quy định bảo mật trong việc thu thập và quản lý dữ liệu học sinh.

Kết luận

Nghề dạy học trong bối cảnh Giáo dục 4.0 đang trải qua một quá trình chuyển đổi sâu sắc. Từ vai trò của người truyền đạt kiến thức, giáo viên giờ đây trở thành người hướng dẫn và hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện. Để thích nghi với sự thay đổi, giáo viên cần nâng cao kỹ năng công nghệ, tăng cường khả năng tư duy sáng tạo và không ngừng học hỏi. Bằng cách áp dụng những giải pháp phù hợp, giáo viên sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn bị cho thế hệ trẻ một nền tảng vững chắc để sẵn sàng đối mặt với những thách thức của thế kỷ 21.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Bích Hồng (2023). Vai trò của giáo viên trong thời đại công nghiệp 4.0. Hội nghị Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Văn An (2021). Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và những thách thức đối với giáo viên. Tạp chí Khoa học Giáo dục.
3. Trần Thanh Hằng (2022). Giáo dục 4.0 và những thay đổi trong phương pháp giảng dạy. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Lê Thị Bích Hồng (2023). *Vai trò của giáo viên trong thời đại công nghiệp 4.0*. Hội nghị Giáo dục Việt Nam.

ẢNH HƯỞNG CỦA CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH VÀ CHỈ HƯỚNG CÁCH MẠNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

✪ ThS. NGUYỄN BÍCH NGỌC
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt:

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là một nhà nho yêu nước, thương dân, một đời sống thanh bạch, giản dị, chịu thương, chịu khó, đầy nghị lực, một tấm gương tiêu biểu cho tinh thần hiếu học. Chính những phẩm chất tốt đẹp đó đã định hình nhân cách Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ bé (Nguyễn Sinh Cung), yếm mằm cho dân tộc Việt Nam một anh hùng giải phóng dân tộc, một danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại, để lại cho đất nước di sản vô giá đó là tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc phát huy giá trị tinh thần cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc vừa là nhiệm vụ thiêng liêng, vừa là giải pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho các thế hệ mai sau.

I. Đặt vấn đề

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, dù đã đi xa (27/11/1929) gần một thế

kỷ nhưng mỗi khi nhắc đến Người, chúng ta luôn thấy tự hào, biết ơn một con người tài năng, đức độ, có tư tưởng tiên bộ, yêu nước, thương dân vô bờ, cần cù, hiếu học, chịu thương, chịu khó, giàu ý chí, nghị lực phi thường, là tấm gương ngời sáng để nhân dân cả nước nói chung và người dân Đồng Tháp nói riêng học tập và làm theo. Dân tộc Việt Nam sẽ luôn biết ơn Người vì chính Người đã có công sinh thành, dưỡng dục cho đất nước Việt Nam một vị cứu tinh, một anh hùng dân tộc, một danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại, đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính nhân cách và những đức tính tốt đẹp của Người đã tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nhân cách và chỉ hướng cách mạng của Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người đã cống hiến cả đời mình cho dân tộc Việt Nam,

cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới và cho hòa bình nhân loại. Vì vậy, khi nghiên cứu về nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phải nghiên cứu sâu về ảnh hưởng nhân cách từ người cha của Người bởi đây là nhân tố góp phần hình thành nên nhân cách và chỉ hướng cách mạng của Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh.

II. Nội dung

1. Đôi nét về cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc

Quê hương và gia đình:

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc sinh ra tại làng Sen thuộc xã Chung Cự, ngày nay đổi lại là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Khi lên 4 tuổi, cụ Sắc đã mồ côi cha mẹ, về sống với người anh cùng cha khác mẹ Nguyễn Sinh Trọ. Năm lên 16 tuổi, Cụ được nhà nho Hoàng Xuân Đường nhận về làm con nuôi, cho ăn

học và sau đó gả người con gái đầu lòng.

Những năm tháng khổ luyện thành tài: Thuở nhỏ, do nhà quá nghèo, Cụ không có điều kiện đi học, nhưng với tinh thần hiếu học khó ai bì, Cụ vừa chăn trâu, vừa học. Sau khi được cụ Hoàng Xuân Đường gả con gái, với quyết tâm học hành, đỗ đạt để làm gương cho con cháu sau này, Cụ và gia đình đã đi bộ ròng rã cả tháng trời đến Huế để dò mòi kinh sử dù cuộc sống gặp muôn vàn khó khăn, thử thách. Với quyết tâm sắt đá, sau mấy bận không thành công, cuối cùng đến kì thi Hội năm Tân Sửu (1901), mặc dù rất đau buồn do vợ mới mất, Cụ tiếp tục đi thi và đã đỗ Phó bảng.

Chôn quan trường – từ quan vào Nam hoạt động: Khi đỗ đạt cao, Cụ không ra làm quan mà chọn sống ở nhà chan hòa với bà con xóm làng và làm nghề dạy học. Đến năm 1906, Triều đình Huế buộc Cụ phải ra làm quan. Trong thời gian miễn cưỡng làm việc cho Triều đình, Cụ luôn là một ông quan thanh liêm, khảng khái, thường tỏ thái độ chống đối Triều đình và đứng về phía dân nghèo, vì vậy, làm quan được 4 năm thì Cụ bị cách chức (năm 1910).

Cụ quyết định di chuyển dần vào các tỉnh ở phía Nam như: An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre... và sang đến tận Campuchia để hoạt động yêu nước.

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách và chí hướng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ cụ thân sinh

Thứ nhất, tinh thần hiếu học, tính kiên trì, chịu thương, chịu khó

Tinh thần hiếu học, đức tính kiên trì, chịu thương, chịu khó đã được Cụ Sắc thể hiện ngay từ nhỏ với hình ảnh cậu bé vừa chăn trâu, vừa học. Do nhà quá nghèo, Cụ Sắc phải tranh thủ những lúc làm việc nhà, những lúc đi chăn trâu để tự học bởi Cụ không được đến trường như bao bạn bè cùng trang lứa. Vì quá ham học, có khi cụ Sắc đã buộc trâu vào gốc tre để thập thò ngoài cửa lớp lắng nghe thầy Vương giảng bài. Việc đỗ Phó bảng năm Tân Sửu (1901) là kết quả của tinh thần hiếu học bền bỉ của Cụ. Chính tấm gương kiên trì, hiếu học, chịu thương, chịu khó của Cụ Sắc đã truyền vào máu thịt của cậu bé Nguyễn Sinh Cung với tính ham hiếu biết, thích học hỏi. Ngay từ nhỏ, Nguyễn Sinh Cung ngoài

thời gian học, cậu thường tìm đọc những cuốn sách mà các bậc cha chú thường nhắc tới. Có lần, “*Cậu đi bộ ra Vinh để mua sách về lịch sử Việt Nam, không đủ tiền, cậu nán lại, học thuộc lòng để có thể về kể lại cho các bạn bè của mình*”³⁵. Khi học ở Trường Tiểu học Pháp – Việt tỉnh Thừa Thiên, ngoài giờ học ở trường, Nguyễn Tất Thành còn nhờ người mượn sách ở Lầu tầng thư (nơi lưu trữ sách và các loại văn thư của Triều Nguyễn) về đọc. Nhờ sự ham học hỏi và biết tranh thủ thời gian nên kỳ nghỉ hè nào, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành cũng đọc được nhiều loại sách quý chứa đựng nhiều kiến thức mới về khoa học tự nhiên, xã hội. Đặc biệt, anh rất háo hức tìm đọc những loại sách của các nhà khai sáng Pháp như Môngtetxkiơ, Rutxô, Vôn-te...

Từ sự hun đúc tinh thần hiếu học, kiên trì, chịu khó của người cha mà khi đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành luôn thể hiện tinh thần chịu thương, chịu khó phi thường của mình trong công việc và trong học tập. Ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành sẵn sàng

³⁵ “HoChiMinh: A life” của William.J.Duiker Hyperion House NY 2000, Bản dịch của Nguyễn Thành Nam

làm nhiều nghề để kiếm sống đồng thời tranh thủ học ngoại ngữ, học viết báo, nhiếp ảnh, kỹ thuật làm bếp, nghiên cứu rất nhiều về lý luận và thực tiễn cách mạng của các nước khác. Người còn không ngừng tự học hỏi, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ hiểu biết của mình, nhất là học ngôn ngữ mỗi nước mà Người đi qua. Chính đức tính kiên trì, hiếu học của mình mà Người đã chiếm lĩnh được rất nhiều ngoại ngữ dù chỉ bằng cách tự học như hình ảnh tự học trên lưng trâu của người cha kính yêu của mình năm xưa. Trong bản lý lịch đại biểu dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 7, Người có viết: “Biết các thứ tiếng: Pháp, Anh, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha”. Sau này, khi đi thăm nước ngoài cũng như những lần đón tiếp các phái đoàn ngoại giao tới thăm Việt Nam, Người còn có thể sử dụng thông thạo khá nhiều ngoại ngữ khác nữa như: tiếng Xiêm (Thái Lan), tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ả Rập,....

Tư chất thông minh, tư duy sắc bén mà Chủ tịch Hồ Chí Minh có được, ngoài yếu tố di truyền từ người cha uyên bác, đức độ cao vời (từng đỗ Phó bảng – tương đương học vị Phó Tiến sĩ rất khó đạt thời xưa), nhân cách cao cả ấy được hình thành chính từ sự ảnh hưởng sâu sắc ở cách dạy

đỗ, ở cách nêu gương của Cụ Phó bảng đối với Người. Tất cả đã làm nên một nhà hoạt động cách mạng trí, dũng hơn người, một lãnh tụ chính trị bản lĩnh, tài ba, một nhà ngoại giao xuất chúng, một danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại, đó là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ hai, tinh thần yêu nước, thương dân vô bờ bến

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc sinh ra và lớn lên tại một vùng đất nghèo khó nhưng giàu truyền thống cách mạng. Chính ở mảnh đất nghèo khó này đã hun đúc nên một nhà nho yêu nước, thương dân tột cùng. Tư tưởng yêu nước, thương dân của Cụ đã ảnh hưởng sâu sắc đến cậu bé Nguyễn Sinh Cung từ rất sớm. Khi cha gặp mặt họp bàn việc nước với những sĩ phu yêu nước, với vai trò cận kề hầu trà nước cho cha, cậu bé Cung đã vỡ lòng được những bài học đầu tiên về cảnh nước mất, nhà tan, về nỗi thống khổ của người dân, về sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa, về các cuộc đấu tranh.... Cụ Sắc chính là người thầy đầu tiên giáo dục tinh thần yêu nước, thương dân cho con. Ngoài việc giáo dục, tác động hình thành nhân cách tốt cho con thì Cụ cũng không ngừng định hướng cách mạng cho con. Việc định hướng của Cụ Sắc

thể hiện rõ ở quyết định cho con đến học một thầy giáo có lòng yêu nước, thương dân đó là thầy Vương Thúc Quý, một sĩ phu có tư tưởng cấp tiến thường có nhiều sĩ phu yêu nước lui tới nhà. Nhờ đó mà sau này, Nguyễn Tất Thành dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất, nhà tan. Ngoài ra, Cụ cũng thường xuyên tạo cơ hội thuận lợi cho con mình trải nghiệm thực tiễn, tiếp xúc với các văn thân sĩ phu ở khắp Trung Kỳ, qua đó từng bước định hình cho Nguyễn Tất Thành con đường đi riêng của mình sau này. Việc Cụ Sắc cho Nguyễn Tất Thành học trường Tiểu học Pháp - bản xứ chính là để Người có điều kiện tiếp xúc với văn hoá phương Tây, bởi Cụ quan niệm “*Muốn đánh Tây thì phải hiểu Tây, muốn hiểu Tây thì phải học tiếng Tây*”, đồng thời thường đưa con đến các vùng trong tỉnh để con được mắt thấy, tai nghe thực tiễn xã hội. Cụ thường đến những nơi có phong trào đấu tranh chống Pháp sôi nổi, kết giao với những người có lòng yêu nước, có chí cứu nước, đặc biệt là lớp sĩ phu yêu nước có tư tưởng “bài” phong kiến, chống Pháp, đi đến đâu Cụ cũng thường cho Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành đi cùng. Chính những điều này đã góp phần hun đúc nên tư

tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng của Nguyễn Tất Thành sau này.

Tư tưởng thương dân của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thể hiện rõ khi đỗ đạt, Cụ đã không hề quay lưng với lớp người đồng cảnh ngộ mà sống hòa mình, hết lòng cứu mang, giúp đỡ họ. Lúc miễn cưỡng ra làm quan, Cụ luôn đứng về phía dân nghèo và chống đối bọn cường hào, ác bá nên làm quan được 4 năm thì bị cách chức. Lúc sinh sống và hoạt động yêu nước ở Cao Lãnh, Cụ cũng sống hòa mình với người dân, thường xuyên bốc thuốc miễn phí cho người nghèo, dạy họ chữ nghĩa. Cụ Phó bảng cũng từng dạy con “Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng” (Đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình) để dạy con về thái độ ứng xử chuẩn mực, lễ phép đối với người dân, không được tỏ ra quan cách trước nhân dân. Tính thương dân vô bờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh chắc chắn phần lớn chịu sự ảnh hưởng từ đức tính cao đẹp của cụ thân sinh của mình.

Chính lòng yêu nước, thương dân khôn cùng của Cụ Phó bảng đã uơm mầm, chấp cánh cho nhà cách mạng vĩ đại Nguyễn Ái Quốc vượt qua bao gian nan, thử thách để tìm ra con đường cứu dân, cứu nước. Nếu như ý chí bất

khuất, không màng danh lợi, tư tưởng lo cho dân, cho nước đã đưa Cụ Sắc lưu lạc gần 19 năm trời ở miền Nam, thì tinh thần yêu nước vô bờ bến được thừa hưởng từ người cha đã đưa anh thanh niên Nguyễn Tất Thành bốn ba tìm đường cứu nước ở nước ngoài cũng gần 30 năm trời dằng dặc. Thế mới biết, sự hy sinh vì dân, vì nước của Cụ Sắc và Bác Hồ kính yêu lớn đến mức nào. Theo K.D.Usinsky, “*Chỉ có nhân cách mới có thể tác động đến sự phát triển và quy định của nhân cách, chỉ có tính cách mới có thể làm ra tính cách mà thôi*”.

Thứ ba, ý chí và nghị lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ngay từ nhỏ đã thể hiện rõ ý chí và nghị lực phi thường của mình. Là một cậu bé mồ côi cả cha lẫn mẹ khi mới lên 4 tuổi, Cụ được người anh cùng cha, khác mẹ nhận về nuôi, do nhà anh chị quá nghèo nên không có điều kiện cho Cụ học hành, nhưng với ý chí và nghị lực phi thường, Cụ đã vừa chăn trâu, vừa tự học hoặc học lén thầy Vương. Hoặc với tinh thần hiếu học, gia đình Cụ Sắc chấp nhận đi bộ ròng rã một tháng mới đến Huế để ôn kì thi Hội. Trong hoàn cảnh nghèo khó khi đó, Cụ đã nhận dạy kèm các con

quan lại trong Hoàng thành để trang trải cuộc sống. Điều đó cho thấy, cho dù bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào cũng không thể đánh bại ý chí và nghị lực vượt khó của Cụ để vươn lên đỉnh cao của tri thức. Sau này, khi được ông Hoàng Xuân Đường nhận về làm con nuôi và trở thành con rể, Cụ vẫn luôn kiên trì, bền bỉ vừa làm, vừa học.

Ý chí và nghị lực phi thường của Cụ Sắc là tấm gương sáng tác động sâu sắc đến Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành, làm nên một chàng thanh niên có ý chí sắt đá, không bao giờ sợ khó khăn, gian khổ, không bao giờ nhụt chí, nản lòng trước mọi thử thách trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước sau này với câu nói lịch sử của Nguyễn Tất Thành khi giơ hai bàn tay ra nói với bạn “Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”. Cũng chính nhờ ý chí và nghị lực phi thường được truyền từ người cha đã giúp Người vượt qua tất cả những khó khăn, gian khổ trong hành trình suốt gần 30 năm bốn ba khắp các châu lục để tìm con đường cứu nước, cứu dân.

Thứ tư, lối sống thanh bạch, giản dị

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là một cựu quan chức Triều đình có lối sống

thanh bạch và vô cùng giản dị. Cho dù thi cử đỗ đạt và được Triều đình bổ nhiệm chức vụ cao nhưng Cụ lại không muốn làm quan với bao bổng lộc giàu sang, mà lại trở về sống chan hòa với người dân, chấp nhận cuộc sống thanh đạm, giản dị. Lúc miễn cưỡng phải ra làm quan, Cụ vẫn là một ông quan thanh liêm, lối sống hết mực giản dị như một người dân bình thường. Khi bị cách chức do bệnh vực người dân, trừng trị bọn cường hào, Cụ vẫn vui vẻ trở về lối sống dân dã mà không hề toát lên cái vẻ quan cách của một người từng là quan chức cao của Triều đình. Đây là những nét tính cách in hằn trong tâm trí của cậu bé Nguyễn Sinh Cung để rồi sau này, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh tái hiện chân thực nhất hình ảnh của cụ thân sinh với phong cách của một vị lãnh tụ hết mực thanh bạch, giản dị, bình dân. Cả thế giới phải nghiêng mình cảm phục trước hình ảnh của vị Chủ tịch nước nổi tiếng thế giới với lối sống giản đơn, hàng ngày ăn những bữa cơm dân dã như bao người dân Việt Nam khác, quần áo chỉ vài bộ đồ kaki, đôi dép cao su cũ kỹ được làm từ lớp ô tô quân sự Pháp, chỉ muốn ở trong căn nhà sàn đơn sơ chứ nhất quyết không chịu vào ở trong dinh thự đồ sộ của Toàn quyền Đông Dương

tùng ở. Trước lúc đi xa, Người vẫn dặn dò trong bản Di chúc: *“Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”*. Thanh bạch, giản dị, tiết kiệm, luôn nghĩ đến lợi ích của nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên thế giới chỉ có một.

3. Phát huy giá trị tinh thần Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc tại quê hương Đồng Tháp

Ngày nay, người dân Đồng Tháp rất đỗi tự hào vì cụ thân sinh của Bác chọn vùng đất Cao Lãnh này làm nơi sinh sống, hoạt động yêu nước, yên nghỉ cuối đời mình và đã để lại tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, nhân cách sống cao đẹp cho mỗi người dân nơi đây. Ngôi mộ của Cụ và hình ảnh làng Hòa An xưa vẫn luôn ở trong tâm trí của mỗi người dân Đồng Tháp với đầy lòng triu mến, niềm tôn kính và sự biết ơn vô hạn người đã sinh thành, dưỡng dục, ươm mầm nhân cách cho cậu bé Nguyễn Sinh Cung ngày nào. Mỗi khi nhắc đến cuộc đời và nhân cách cao vời của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc chính là dịp để tiếp tục hun đúc niềm tự hào cho mọi tầng lớp nhân dân về vùng đất Cao Lãnh địa linh nhân kiệt, nơi rất vinh dự được Cụ chọn làm nơi sinh sống cuối đời. Vì vậy, tỉnh Đồng

Tháp cần tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp phát huy giá trị tinh thần mà Cụ Phó bảng để lại, để vừa thể hiện niềm tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân đối với thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, vừa lan tỏa đạo đức sáng ngời về lòng yêu nước, thương dân, lối sống trong sạch của một bậc hiền nhân đến từng cán bộ, đảng viên và người dân. Ngoài việc đón tiếp các đoàn khách đến viếng thăm mộ Cụ Phó bảng và tổ chức lễ Giỗ hàng năm, Tỉnh cần tổ chức khảo cứu, biên tập cho đầy đủ tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của Cụ, về đời sống hoạt động yêu nước và những mẩu chuyện về Cụ ở Cao Lãnh để phổ biến trong các nhà trường làm tài liệu giáo dục địa phương. Phát động sáng tác các tác phẩm nhạc, thơ, các vở diễn, ấn phẩm về cuộc đời của Cụ Phó bảng.

Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cũng chính là việc học tập và làm theo nhân cách cao cả của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Đây chính là điều đáng tự hào đối với người dân Đồng Tháp vì từ một thế kỷ nay, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đồng Tháp đã luôn lấy tấm gương của Cụ Sắc để học tập và làm theo trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc ở hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong

cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, trong cuộc đấu tranh xây dựng và phát triển quê hương, đất nước cho đến hôm nay. Sự nghiệp đổi mới và hội nhập đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tỉnh Đồng Tháp. Một lần nữa, tấm gương cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc với tinh thần yêu nước nồng nàn, tình thương dân vô hạn, ý chí kiên cường, đức tính chịu thương, chịu khó, tinh thần hiếu học từ cụ thân sinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục là ngọn lửa hun đúc tinh thần cách mạng tiến công, mang lại niềm tin và sự quyết tâm để mỗi cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và phát triển quê hương Đồng Tháp. Từng cấp ủy Đảng phải lấy tinh thần Cụ Phó bảng để thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên về tinh thần yêu nước từ đó quyết tâm thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, làm hết sức mình, kiên trì, chịu khó, trui rèn bản lĩnh vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đổi mới, sáng tạo trong công việc để mang lại lợi ích nhiều nhất cho đất nước. Phải luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, không được lấy phong cách “nhà quan” để đối xử với người dân mà phải luôn thương yêu, kính trọng và giúp đỡ nhân

dân. Phải luôn phát huy tinh thần tự học, học tập suốt đời để nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để sẵn sàng đảm nhiệm mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Thường xuyên rèn luyện đức tính tiết kiệm, lối sống giản dị, thanh bạch, không tham lam tư lợi, quyết giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Đây chính là cách để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đồng Tháp đền đáp công lao của Cụ Phó bảng và cũng là cách thiết thực đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

III. Kết luận

Nhân cách cao đẹp của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã ảnh hưởng sâu sắc và đã ươm mầm cho cậu bé Nguyễn Sinh Cung để dân tộc Việt Nam nói chung và nhân dân Đồng Tháp nói riêng thừa hưởng tài sản tinh thần vô giá đó là tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chính giá trị tinh thần ấy đã giúp mang lại cho dân tộc Việt Nam một đất nước hòa bình, độc lập, phát triển mạnh mẽ và có vị thế cao chưa từng thấy như ngày hôm nay. Càng tự hào về Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, các cấp đảng bộ, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể xã hội càng phải ra sức

tuyên truyền cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về tài sản tinh thần vô giá mà nhân dân Đồng Tháp đang thừa hưởng, đó là giá trị nhân cách của Cụ Phó bảng, đó là chứng tích lịch sử mà Cụ đã mang lại cho vùng đất này, đó là diễm phúc mà nhân dân Đồng Tháp hàng ngày được kề cận bên mộ Cụ để săn sóc, để thắp hương, để được đón hàng vạn lượt khách đến thăm nơi yên nghỉ của cụ thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những bài học về đạo đức cho thế hệ trẻ vẫn hiện hữu hàng ngày ở đây về lòng yêu nước, thương dân, về tinh thần hiếu học, đức tính kiên trì, chịu thương, chịu khó ... từ tấm gương của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc vô vàn kính yêu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đắc Hiền (2008), *Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*, Nxb. Đồng Tháp.
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (1990), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học về Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*
3. Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (2011), *Thông tin tư liệu – kỷ niệm 100 năm Bác Hồ đi tìm đường cứu nước (1911-2011)*, Nội san số X-tháng 9/2011.

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TẠI CẤP XÃ HIỆN NAY

✶ CN. LÊ THỊ NHẬT SANG

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt: Dịch vụ công trực tuyến là giải pháp quan trọng trong chuyển đổi số, giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch. Tuy nhiên, việc triển khai tại cấp xã còn gặp nhiều khó khăn như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, trình độ công nghệ thông tin của người dân và cán bộ còn hạn chế, cùng với những bất cập trong quy trình vận hành. Để cải thiện chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở cấp xã cần cải thiện hạ tầng, đẩy mạnh tuyên truyền, đào tạo cán bộ và nâng cao trách nhiệm thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả quản lý nhà nước.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, dịch vụ công trực tuyến đã và đang trở thành giải pháp

quan trọng góp phần cải thiện chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến không chỉ giúp giảm thiểu thủ tục hành chính rườm rà, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch, công khai trong hoạt động hành chính công.

Tuy nhiên, quá trình áp dụng và triển khai dịch vụ công trực tuyến tại cấp xã vẫn còn đang gặp nhiều khó khăn và hạn chế nhất định. Trong đó, việc hệ thống hạ tầng công nghệ chưa thực hiện đồng bộ, trình độ công nghệ thông tin của một bộ phận người dân và cán bộ, công chức còn hạn chế, cùng với đó là những bất cập trong quy trình vận hành đã khiến cho việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Vì vậy, việc tìm hiểu về quy trình dịch vụ công trực tuyến, phân tích những khó khăn tồn tại, từ đó đề xuất giải pháp khắc phục

là một nhiệm vụ quan trọng, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số tại cấp xã, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Qua đó, góp phần đẩy mạnh hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Nội dung

2.1. Quy trình dịch vụ công trực tuyến

Khoản 5, Điều 3, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định: “Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng”. Theo đó, dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp bao gồm 02 mức độ là: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Dịch vụ công trực tuyến một phần. Việc khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến tuân theo

một quy trình kỹ thuật được lập trình sẵn như sau:

Một là, Đối với bên khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến là các cá nhân và tổ chức.

Tiến hành truy cập vào Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/> hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Đồng Tháp theo địa chỉ: <https://dichvucong.dongthap.gov.vn/>; Đăng nhập tài khoản công dân, tổ chức bằng Sim ký số hoặc USB ký số hoặc thuê bao di động; Sau khi đăng nhập thành công, Cổng Dịch vụ công sẽ điều hướng về Cổng của Bộ/Ngành/Địa phương nơi mà cá nhân, tổ chức đăng ký thực hiện thủ tục để nộp hồ sơ và tiếp tục thực hiện 05 bước để khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến:

Bước 1: Đăng ký, đăng nhập vào dịch vụ công

Bước 2: Lựa chọn dịch vụ công: Nhập mã thủ tục hành chính hoặc tên thủ tục hành chính để tra cứu; Cơ quan; Lĩnh vực; Mức độ dịch vụ công; Cấp thủ tục; Chọn quy trình xử lý và cơ quan giải quyết

Bước 3: Nộp hồ sơ trực tuyến: Điền đầy đủ thông tin người nộp hồ sơ theo các trường thông tin yêu cầu. Đính kèm tệp tin vào các

thành phần hồ sơ tương ứng theo một trong hai cách:

Nhấn vào ô Chọn tệp tin sau đó chọn mục Scan file hoặc chọn tệp tin để thực hiện cung cấp các giấy tờ theo yêu cầu.

Điền trực tiếp thông tin vào Biểu mẫu e-form đã cung cấp tại phần biểu mẫu giấy tờ. Sau khi thực hiện xong, nhấn Đồng ý và Tiếp tục.

Thanh toán lệ phí cho cơ quan giải quyết qua các phương thức: Thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc thanh toán tại bộ phận một cửa

Kiểm tra thông tin nộp hồ sơ lần cuối, nhập mã xác nhận trên hệ thống và nhấn nộp hồ sơ.

Bước 4: Theo dõi kết quả: Cá nhân, tổ chức truy cập mục quản lý hồ sơ đã nộp để theo dõi tiến độ thực hiện của thủ tục hành chính.

Bước 5: Nhận kết quả: Cá Nhân, tổ chức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua các hình thức: Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công.

Hai là, Đối với công chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thực hiện 04 bước:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, huyện, xã kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Sau khi đảm bảo hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức một cửa cấp tỉnh, huyện, xã thao tác trên hệ thống xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ và hẹn thời gian trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

Bước 2: Chuyển hồ sơ: Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho các bộ phận chuyên môn giải quyết và thao tác trên hệ thống xác nhận đã chuyển hồ sơ.

Bước 3: Giải quyết hồ sơ: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức chuyên môn giải quyết hồ sơ theo quy định và trả kết quả giải quyết chậm nhất vào ngày hẹn trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

Bước 4: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả từ bộ phận chuyên môn và gửi kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức, đồng thời xác nhận trên hệ thống đã hoàn thành hồ sơ.

2.2. Những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở cấp xã hiện nay

Việc triển khai dịch vụ

công trực tuyến tại cấp xã đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi số, giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện chất lượng phục vụ người dân. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế cản trở quá trình thực hiện, cụ thể như sau:

Một là, Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ

Với quy trình kỹ thuật đòi hỏi tính chính xác, chặt chẽ, khoa học như trên việc cung cấp, sử dụng vụ công trực tuyến hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nhất là đối với việc triển khai sử dụng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở cấp xã. Nguyên nhân là do nhiều địa phương chủ yếu là các xã vẫn chưa có hệ thống máy tính, máy chủ và phần mềm quản lý đạt tiêu chuẩn, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến. Bên cạnh đó, hệ thống mạng, chất lượng đường truyền Internet đến các địa phương ở cấp xã còn thấp, đặc biệt, một số vùng lõm của các xã không có sóng điện thoại và mạng Internet, nhiều người dân không dùng điện thoại thông minh cũng là khó khăn trong việc triển khai dịch vụ công trực tuyến.

Hai là, Trình độ công nghệ thông tin của người dân còn nhiều hạn chế

Một bộ phận lớn người dân đặc biệt là người cao tuổi

và lao động phổ thông chưa quen với việc sử dụng các thiết bị điện tử và dịch vụ công trực tuyến, chưa sử dụng thành thạo tài khoản dịch vụ công để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến. Do đó, chủ yếu là công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện tiếp nhận thay trên hệ thống bằng tài khoản của công dân, bản thân người dân chưa tự thực hiện được tại nhà và gửi hồ sơ trên hệ thống trực tuyến. Một số khác vẫn chưa thực hiện cài đặt định danh điện tử mức độ 2 để có tài khoản thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Ba là, Cán bộ công chức chưa thành thạo trong vận hành hệ thống

Trình độ công nghệ thông tin của đa phần cán bộ, công chức trong quy trình dịch vụ hành chính công đã được nâng lên. Tuy nhiên, hầu hết các xã chưa có công chức có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin để quản lý, sử dụng và theo dõi các phần mềm dịch vụ công trực tuyến, từ đó cung cấp, khai thác có hiệu quả

Một bộ phận cán bộ, công chức ý thức, trách nhiệm chưa cao, còn lúng túng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin nên công tác hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên dịch vụ công còn hạn chế.

Bốn là, Quy trình vận hành còn nhiều bất cập

Việc cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến đến nay vẫn còn một số bất cập và hạn chế nhất định trong quá trình vận hành. Một trong số đó có thể kể đến là vẫn còn một một số dịch vụ công trực tuyến vẫn yêu cầu người dân phải đến trực tiếp nộp giấy tờ bổ sung, làm giảm hiệu quả của hệ thống như đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử (nhiều địa phương vẫn yêu cầu nộp bản gốc giấy tờ như giấy chứng sinh (đối với đăng ký khai sinh), giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân (đối với đăng ký kết hôn), hoặc giấy báo tử (đối với khai tử) tại UBND cấp xã để hoàn tất thủ tục), cấp căn cước công dân gắn chip (người dân vẫn phải đến trực tiếp cơ quan công an để lăn vân tay, chụp ảnh và xác thực danh tính); chứng thực giấy tờ, công chứng hợp đồng (một số tài liệu yêu cầu công chứng, chứng thực như hợp đồng mua bán đất, giấy ủy quyền... vẫn buộc người dân phải mang bản gốc đến UBND hoặc phòng công chứng để đối chiếu và xác nhận) hay việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất (khi người dân thực hiện các thủ tục như chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, người dân cần nộp bản gốc sổ đỏ, hợp đồng công chứng và các giấy tờ liên quan tại Văn phòng Đăng ký đất đai để hoàn tất thủ tục). Điều này

cho thấy mặc dù dịch vụ công trực tuyến đang dần được mở rộng, nhưng vẫn tồn tại các khâu yêu cầu làm việc trực tiếp, gây bất tiện cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến.

Ngoài ra, các yếu tố về lỗi kỹ thuật, sự cố hệ thống xảy ra thường xuyên dẫn đến đôi khi quá trình thao tác kỹ thuật trong quy trình thực hiện còn bị lỗi khiến người dân gặp khó khăn khi thao tác và phải thực hiện nhiều lần dẫn đến không muốn sử dụng dịch vụ công trực tuyến....

Năm là, Thói quen sử dụng dịch vụ hành chính truyền thống của người dân

Mặc dù nhiều cơ quan đã triển khai một số dịch vụ trực tuyến, nhưng nhiều người dân vẫn có tâm lý muốn gặp trực tiếp cán bộ để được hướng dẫn và xử lý hồ sơ, thay vì sử dụng nền tảng trực tuyến. Điều này cho thấy, việc ngay tức khắc có thể thay đổi thói quen tiếp xúc, giải quyết trực tiếp các công việc với các cơ quan nhà nước của người dân là nhiệm vụ khó khăn, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, hiệu quả để tác động nhằm thay đổi về tư duy và nhận thức của bộ phận người dân nói chung, cũng như cán bộ, công chức nói riêng khi tiến hành triển khai cung cấp,

sử dụng và giải quyết các yêu cầu của người dân trên nền tảng trực tuyến.

2.3. Giải pháp đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến tại các xã hiện nay

Từ những khó khăn, vướng mắc được cho là rào cản trong quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn các xã của tỉnh. Để nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ công trực tuyến, qua đó phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu, quyền lợi của cá nhân, tổ chức cũng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước cần thiết phải thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cấp hệ thống mạng internet và các trang thiết bị máy móc nhằm đảm bảo hoạt động ổn định cho dịch vụ công trực tuyến

Rà soát, đánh giá lại toàn bộ hệ thống máy tính, máy scan, máy phô tô, hệ thống mạng của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND), Ủy ban Mặt trận Tổ cấp xã cũng như Bộ phận một cửa phục vụ dịch vụ công trực tuyến; Đầu tư bằng công khai danh mục thủ tục hành chính và quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến bằng bảng điện tử tại Bộ phận một cửa cấp xã và tại các nhà văn hóa để thuận tiện cho nhân

dân theo dõi và tìm kiếm thủ tục hành chính mà người dân muốn thực hiện.

Hai là, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động

Cấp ủy Đảng, chính quyền các xã cần tăng cường truyền thông và quảng bá hiệu quả về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích mang lại từ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Trong đó cần đặc biệt chú trọng đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng thụ hưởng. Việc triển khai thực hiện công tác tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến phải được thực hiện đồng bộ theo một chương trình tuyên truyền về cải cách hành chính nói chung.

Ba là, tăng cường công tác phối hợp

Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận, các cấp, các ngành, đẩy mạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ, trao đổi nghiệm vụ, kinh nghiệm trong công tác chuyên môn hạn chế tình trạng hồ sơ bị hủy, trả ngược lại khiến tổ chức, cá nhân phải đi lại nhiều lần để bổ sung hồ sơ, giấy tờ, tài liệu. Tiếp tục duy trì có hiệu quả tổ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính đối với tổ chức, công dân. Đối với các bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của VNPT Đồng Tháp trong sử dụng các phần mềm

dịch vụ công cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với UBND cấp xã trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận một cửa xã, Công an xã, Tổ công nghệ số cộng đồng thôn trong việc cài đặt định danh điện tử mức độ 2 cho công dân.

Bốn là, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã, đặc biệt là cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp và thái độ tận tình trong phục vụ người dân, doanh nghiệp, tạo cảm giác thoải mái, thân thiện và tăng sự hài lòng của cá nhân, tổ chức khi đến giải quyết thủ tục hành chính trong quy trình dịch vụ hành chính công. Tổ chức đánh giá hàng tháng, quý và năm đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức. Cử cán bộ công chức xã đi đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin.

Năm là, nâng cao tinh thần, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động dịch vụ công trực tuyến.

Gắn trách nhiệm thực hiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến với công tác đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm, chỉ xét khen thưởng đối với công chức hoàn thành các hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trả kết quả đúng hạn và trước hạn.

Xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà (nếu có), đồng thời kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân làm tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức tiến hành tự kiểm tra công tác cải cách hành chính, kỷ luật kỷ cương hành chính của UBND cấp xã định kỳ hàng quý hoặc đột xuất đánh giá kịp thời hoạt động dịch vụ công trực tuyến để rút ra kinh nghiệm, bài học trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt hiệu quả cao nhất.

3. Kết luận

Tóm lại, dịch vụ công trực tuyến không chỉ là một công cụ hỗ trợ quản lý hành chính, mà còn là chìa khóa mở ra cánh cửa chính quyền số, đưa nền hành chính đến gần hơn với người dân, phục vụ người dân tốt hơn. Tại các địa phương cấp xã, nơi tiếp xúc trực tiếp và thường xuyên nhất với người dân và doanh nghiệp, việc triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến sẽ không chỉ đơn giản hóa thủ tục hành chính mà còn tạo ra một môi trường làm việc minh bạch, tiện lợi và hiện đại hơn. Mặc dù đến thời điểm hiện tại, việc triển khai cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế về hạ tầng, kỹ năng sử dụng công nghệ và thói quen truyền thống, nhưng với sự đầu tư đúng hướng và quyết tâm đổi mới, dịch vụ công trực tuyến sẽ trở thành nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số, giúp chính quyền hoạt động hiệu quả hơn và phục vụ người dân một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC: HÀNH TRÌNH TIẾP NỐI KHÁT VỌNG VIỆT NAM

✦ CN. NGUYỄN THỊ TRÚC LINH

Trung tâm Chính trị Châu Thành

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng lý luận xuyên suốt, định hướng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, từ khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc đến xây dựng một đất nước phát triển toàn diện. Trong 50 năm sau ngày thống nhất, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát huy giá trị truyền thống và tư duy đổi mới. Bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại cả cơ hội lẫn thách thức, đòi hỏi sự nỗ lực toàn diện trong việc đổi mới tư duy, thúc đẩy sáng tạo, và xây dựng chiến lược phát triển bền vững. Giá trị của di sản Hồ Chí Minh tiếp tục được phát huy thông qua thế hệ trẻ, những người mang khát vọng xây dựng một Việt Nam hùng cường. Hành trình này kết nối tinh thần dân tộc với xu thế thời đại, mở ra tương lai phát triển vượt bậc, sánh vai với các quốc gia phát triển trên thế giới.

1. Đặt vấn đề

Năm 2025 đánh dấu 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước – một mốc son chói lọi trong lịch sử cách mạng Việt Nam, minh chứng cho khát vọng độc lập, tự do và hạnh phúc của toàn dân tộc. Trong suốt hành trình ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là kim chỉ nam, định hướng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “*Nước ta là nước*

dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hành đều của dân”³⁶. Tư tưởng này không chỉ khẳng định mục tiêu mà còn nhấn mạnh vai trò trung tâm của nhân dân trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Nửa thế kỷ sau ngày thống nhất, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, khẳng định sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội

nhập quốc tế và những thách thức mới như biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống, việc tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh để phát huy giá trị truyền thống, đồng thời mở ra hướng đi mới cho sự phát triển bền vững là yêu cầu cấp bách.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, tổng kết 50 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc không chỉ nhằm đánh giá những thành tựu và hạn chế mà còn góp phần củng cố niềm tin, khơi dậy khát vọng cống hiến của

³⁶ Hồ Chí Minh (1946), Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, tr. 21.

thế hệ trẻ. Đặc biệt, khi Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển vào năm 2045, việc tiếp nối và hiện thực hóa các giá trị từ tư tưởng Hồ Chí Minh chính là chìa khóa để đất nước vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội, góp phần xây dựng một Việt Nam giàu mạnh, hùng cường, phồn vinh, văn minh và hạnh phúc.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc, phản ánh sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam, trở thành nền tảng tư tưởng vững chắc cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Tư tưởng ấy không chỉ định hướng đường lối chính trị, kinh tế, xã hội mà còn hun đúc tinh thần dân tộc, ý chí tự cường và khát vọng xây dựng đất nước độc lập, tự do, hạnh phúc.

Trước hết, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân là một nội dung cốt lõi, đặt nhân dân vào vị trí trung tâm của cách mạng. Người khẳng định:

*“Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”*³⁷. Quan điểm này nhấn mạnh nhân dân không chỉ là lực lượng quyết định thắng lợi cách mạng mà còn là chủ thể sáng tạo nên lịch sử. Cách mạng muốn thành công phải dựa vào dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bên cạnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã trở thành định hướng chiến lược cho con đường phát triển của Việt Nam. Người cho rằng: *“Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”*³⁸. Tư tưởng này thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, khẳng định rằng độc lập dân tộc phải đi đôi với xây dựng chủ nghĩa xã hội để đảm bảo một xã hội thực sự công bằng, dân chủ, văn minh trên cơ sở phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh luôn đề cao đạo đức cách mạng, xem đó là nền tảng để cán bộ, đảng viên hoàn thành

nhiệm vụ. Người nhấn mạnh: *“Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”*³⁹. Đạo đức cách mạng theo quan điểm của Hồ Chí Minh không chỉ là phẩm chất cá nhân mà còn là yêu cầu đối với tổ chức và hệ thống chính trị. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là những giá trị cốt lõi giúp cán bộ, đảng viên giữ vững bản lĩnh, tận tâm phục vụ nhân dân.

Một điểm nổi bật khác trong tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh thần lạc quan, không khuất phục trước nghịch cảnh. Trong tác phẩm *“Nhật ký trong tù”*, Người thể hiện ý chí kiên cường, không gục ngã trước gian lao, luôn hướng tới tương lai với niềm tin mãnh liệt:

“Gạo đem vào giã bao đau đớn,

Gạo giã xong rồi trắng tựa bông;

Sống ở trên đời người cũng vậy,

*Gian nan rèn luyện mới thành công”*⁴⁰

Tinh thần ấy không chỉ là kim chỉ nam cho thế hệ

³⁷ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 329.

³⁸ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 56.

³⁹ Hồ Chí Minh, Sửa đổi lối làm việc, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 45.

⁴⁰ Hồ Chí Minh, Nhật ký trong tù, NXB Văn học, 2008, tr. 72.

cách mạng lúc bấy giờ mà còn truyền cảm hứng mạnh mẽ cho thế hệ hôm nay trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Niềm tin vào tương lai tươi đẹp của đất nước là một điểm nhấn quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người luôn vững tin rằng dân tộc Việt Nam, với ý chí kiên cường và đoàn kết, sẽ vươn lên sánh vai với các cường quốc năm châu. Khát vọng độc lập, tự do mà Hồ Chí Minh đã đặt nền móng không chỉ là mục tiêu chiến đấu của thế hệ đi trước mà còn là trách nhiệm tiếp nối của thế hệ hôm nay. Trong bối cảnh mới, việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết mà còn là yêu cầu tất yếu để tiếp tục xây dựng đất nước vững mạnh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một nhân tố quan trọng giúp cách mạng Việt Nam tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, đồng thời giữ vững bản sắc dân tộc. Người khẳng định: “*Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới*”⁴¹. Quan điểm

này nhấn mạnh rằng sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của Việt Nam không tách rời khỏi xu thế chung của thời đại. Nhờ kết hợp linh hoạt giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh quốc tế, cách mạng Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ từ các phong trào cách mạng trên thế giới, đồng thời đóng góp vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ của nhân loại.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn đuốc soi đường, là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam, không chỉ định hướng về chính trị mà còn thấm sâu vào đời sống tinh thần của nhân dân. Hành trình tiếp nối tư tưởng và khát vọng của Hồ Chí Minh là trách nhiệm và sứ mệnh thiêng liêng của mỗi người Việt Nam đặc biệt là thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

2.2. Năm mươi năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975–2025)

Kể từ ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, Việt Nam đã trải qua 50 năm đầy thách thức và cơ hội. Trong suốt thời gian này, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu to

lớn, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thành tựu nổi bật trong xây dựng kinh tế, văn hóa – xã hội và quốc phòng

Sau năm 1975, Việt Nam đã tập trung khôi phục kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ độc lập chủ quyền. Công cuộc đổi mới năm 1986 đánh dấu bước ngoặt quan trọng, chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; GDP bình quân đầu người tăng từ 98 USD năm 1990 lên hơn 3.750 USD năm 2021⁴². Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ 58% năm 1993 xuống dưới 2,5% năm 2021⁴³.

Về văn hóa – xã hội, Việt Nam đạt nhiều tiến bộ trong giáo dục và y tế. Tỷ lệ biết chữ ở người trưởng thành đạt trên 95%, tuổi thọ trung bình tăng từ 64 tuổi năm 1985 lên 73,6 tuổi vào năm 2021⁴⁴. Các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam được UNESCO công nhận ngày càng nhiều, khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc và nâng cao vị thế quốc gia.

⁴¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 210.

⁴² Ngân hàng Thế giới (2021), Báo cáo Phát triển Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 22.

⁴³ Tổng cục Thống kê (2021), Niên giám Thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, tr. 36.

⁴⁴ Tổng cục Thống kê (2021), Niên giám Thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, tr. 82.

Về quốc phòng, Việt Nam xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, hiện đại và chính sách quốc phòng “bốn không” (không liên minh quân sự, không liên kết để chống nước khác, không cho nước ngoài đặt căn cứ, không sử dụng vũ lực) giúp giữ vững độc lập, chủ quyền.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát huy giá trị truyền thống và tư duy đổi mới

Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy sức mạnh của các giá trị truyền thống như tinh thần đoàn kết, ý chí tự cường và kết hợp với tư duy đổi mới để đưa đất nước phát triển. Công cuộc đổi mới toàn diện năm 1986 không chỉ cứu nền kinh tế khỏi khủng hoảng mà còn mở ra giai đoạn tăng trưởng bền vững.

Đảng cũng khéo léo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, mở rộng quan hệ quốc tế và hội nhập toàn cầu. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 190 quốc gia, tham gia nhiều tổ chức quốc tế quan trọng như WTO, ASEAN và hai lần đảm nhận vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Những thách thức và bài học kinh nghiệm trong 50 năm thống nhất đất nước

Bên cạnh những thành tựu, Việt Nam đối mặt với các thách thức như biến đổi khí hậu, già hóa dân số, bất bình đẳng vùng miền và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Những thách thức này đòi hỏi tư duy lãnh đạo sáng tạo, sự đồng lòng từ nhân dân và chính sách phát triển bền vững.

Từ thực tiễn phát triển, bài học về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc là cốt lõi. Đồng thời, tư duy đổi mới và sáng tạo cần tiếp tục được thúc đẩy để áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng một xã hội văn minh. Kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vẫn là kim chỉ nam để Việt Nam vượt qua mọi thử thách.

2.3. Hành trình tiếp nối khát vọng Việt Nam

Khát vọng độc lập, tự do và hạnh phúc là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh, không chỉ dẫn dắt cách mạng Việt Nam mà còn định hướng mục tiêu phát triển đất nước. Người nhấn mạnh: “*Nước độc lập mà*

dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”⁴⁵. Tư tưởng này đặt con người vào trung tâm của mọi chính sách, khẳng định rằng độc lập dân tộc chỉ có giá trị thực sự khi gắn liền với cuộc sống ấm no, tự do của nhân dân. Từ nền tảng ấy, khát vọng của Việt Nam hiện đại không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ chủ quyền, mà còn hướng tới xây dựng một quốc gia phát triển, hội nhập quốc tế với đời sống ngày càng tốt đẹp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam đang đứng trước những cả cơ hội lẫn thách thức chưa từng có. Những tiến bộ vượt bậc về khoa học công nghệ, chuyển đổi số và các hiệp định thương mại thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA),... mở ra không gian phát triển rộng lớn, giúp Việt Nam tăng cường hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư và thúc đẩy chuyển đổi kinh tế⁴⁶. Tuy nhiên, sự hội nhập sâu rộng cũng đặt ra áp lực cạnh tranh khốc liệt từ thị

⁴⁵ Hồ Chí Minh (1945), Tuyên ngôn Độc lập, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, tr. 1.

⁴⁶ Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), Chiến lược chuyển đổi số quốc gia 2021-2025, Nhà xuất bản Thông tin, Hà Nội, tr. 16.

trường quốc tế, đòi hỏi doanh nghiệp và lao động Việt Nam phải nâng cao năng lực để thích nghi và phát triển. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, và bất bình đẳng xã hội tiếp tục là những thách thức lớn, đe dọa sự bền vững của các thành tựu đạt được.

Để vượt qua những thách thức này và khai thác hiệu quả các cơ hội, Việt Nam cần đổi mới tư duy lãnh đạo, xây dựng chính sách phù hợp và đẩy mạnh đầu tư vào khoa học công nghệ. Chuyển đổi số không chỉ là một lựa chọn, mà đã trở thành yêu cầu sống còn để tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý và mở rộng cơ hội kinh tế. Đồng thời, các chính sách phát triển phải bảo đảm tính bền vững, đặt mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, như các cam kết tại COP26 là đưa mức phát thải ròng về “0” vào giữa thế kỷ (năm 2050); giảm phát thải metan toàn cầu vào năm 2030; tham gia Tuyên bố Glasgow của các nhà lãnh đạo về rừng và sử dụng đất; tham gia Tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch; tham gia Liên minh hành động thích ứng toàn cầu....⁴⁷ Sự kết hợp hài hòa giữa tư

duy đổi mới và ý chí kiên định sẽ giúp Việt Nam tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, và vững bước trên con đường phát triển.

Cùng với đó, vai trò của thế hệ trẻ trong chặng đường này là yếu tố không thể thiếu. Với tinh thần sáng tạo, tri thức hiện đại và khát vọng đổi mới, thế hệ trẻ chính là nhân tố kế thừa và phát triển di sản Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, để thế hệ trẻ thực sự trở thành lực lượng tiên phong, cần đẩy mạnh giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng truyền thống cách mạng và khơi dậy tinh thần trách nhiệm. Việc kết hợp giữa tri thức hiện đại với giá trị truyền thống sẽ giúp họ phát huy tối đa năng lực, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Hành trình tiếp nối khát vọng Việt Nam không chỉ là hành trình của những kế hoạch phát triển, mà còn là sự tiếp nối một lý tưởng lớn. Từ khát vọng độc lập, tự do và hạnh phúc của Hồ Chí Minh, Việt Nam đã, đang và sẽ vươn lên mạnh mẽ, trở thành một quốc gia phát triển, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu.

3. Kết luận

Hành trình 50 năm sau

ngày thống nhất đất nước là minh chứng rõ nét cho sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh, với trọng tâm là khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc, đã trở thành kim chỉ nam xuyên suốt, dẫn dắt đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ quốc phòng khẳng định tầm vóc của một Việt Nam đang không ngừng vươn lên.

Bối cảnh mới đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy, sáng tạo trong lãnh đạo, đồng thời khai thác tối đa các tiềm năng từ hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0. Từ những bài học kinh nghiệm lịch sử, việc phát huy giá trị truyền thống gắn với hiện đại hóa là nhiệm vụ sống còn, đảm bảo sự phát triển bền vững cho đất nước. Hành trình tiếp nối khát vọng Việt Nam là trách nhiệm chung của mọi thế hệ. Với trí tuệ, ý chí và tinh thần đoàn kết, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để đạt được những mục tiêu chiến lược, xây dựng một quốc gia giàu mạnh, hùng cường, phồn vinh, văn minh và hạnh phúc.

⁴⁷ Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Triển khai cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ COP26 về biến đổi khí hậu, số đăng ngày thứ Hai, 31/01/2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Triển khai cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ COP26 về biến đổi khí hậu, số đăng ngày thứ Hai, 31/01/2022.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), Chiến lược chuyển đổi số quốc gia 2021-2025, Nhà xuất bản Thông tin, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (1945), Tuyên ngôn Độc lập, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (1946), Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (1946), Bài viết “Cách mạng Việt Nam trong bối cảnh quốc tế”, Tạp chí Sự Thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (1951), Bài nói tại Hội nghị Cán bộ Trung ương, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (1952), Tác phẩm “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa cộng sản”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (1958), Tác phẩm “Đạo đức cách mạng”, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2008), *Nhật ký trong tù*, NXB Văn học, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2011), tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 3,4,5,6, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Ngân hàng Thế giới (2021), Báo cáo Phát triển Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Tổng cục Thống kê (2021), Niên giám Thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
14. Tổng cục Thống kê (2021), Niên giám Thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH CHO ĐẢNG VIÊN TRONG “KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC”

✪ ThS. LÊ THỊ THANH KIỀU

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt bài viết

Bài viết đề cập về thực trạng, nội dung và nhiệm vụ giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên của Đảng hiện nay. Với những chỉ đạo đúng đắn như phát huy vai trò của cấp ủy, việc nêu gương của đảng viên, vai trò của các cơ sở giáo dục và lan tỏa chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã xây dựng được đội ngũ đảng viên xứng tầm và đủ bản lĩnh chính trị, đủ năng lực đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đặt ra trước kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.

Từ khóa: Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đảng viên.

Nội dung

1. Đặt vấn đề

Sinh thời, Chủ tịch Hồ

Chí Minh luôn quan tâm giáo dục nền tảng tư tưởng – chủ nghĩa Mác – Lênin cho đội ngũ đảng viên. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Người khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”. Người yêu cầu “Mọi đảng viên đều phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác – Lênin củng cố lập trường giai cấp vô sản, cố gắng nắm vững những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam”⁴⁸. Người cho rằng: “Vì có nắm vững đường lối cách mạng mới thấy rõ phương hướng tiến lên của cách mạng, mới hiểu rõ mình phải làm gì và đi theo phương hướng nào để thực hiện mục đích của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay”⁴⁹.

Vì vậy, nắm vững chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp đảng viên hình thành thế giới quan, niềm tin cộng sản, nâng cao tinh thần trách nhiệm và sẵn sàng phấn đấu thực hiện mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

2. Nội dung

Sự nghiệp đổi mới hiện nay do Đảng lãnh đạo kiên định chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam đã đem lại những thành công cho công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về thực tiễn, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Về lý luận, sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng đi vào chiều sâu, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con

⁴⁸ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, trang 419.

⁴⁹ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, trang 115.

đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ. Đa số đảng viên vững vàng, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Tuy nhiên, lĩnh vực tư tưởng, lý luận nói chung và giáo dục lý luận nói riêng ở nước ta hiện nay đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Bên ngoài, các thế lực thù địch tăng cường chống phá Đảng và nền tảng tư tưởng với những thủ đoạn hết sức tinh vi, xảo quyệt. Bên trong, công tác giáo dục lý luận chính trị tồn tại nhiều hạn chế. Đảng ta chỉ ra rằng: “Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức”⁵⁰... Vì vậy, yêu cầu phải nghiên cứu, quán triệt sâu sắc hơn nữa chủ nghĩa Mác - Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên để “trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy” tiếp tục được Đảng ta chú trọng thực hiện với những chỉ đạo thiết thực

và toàn diện, bao gồm:

Thứ nhất, phát huy vai trò của cấp ủy từng cấp trong công tác quán triệt về tư tưởng để bản thân mỗi đảng viên nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Đảng ta khẳng định: “Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức trong toàn Đảng về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học tập, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”⁵¹. Trên cơ sở đó, qua sinh hoạt chi bộ; qua tổ chức Hội nghị quán triệt nghị quyết; qua kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ của đảng viên, ... cấp ủy lồng ghép giáo dục giúp đảng viên nắm vững những nguyên lý, nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời, gợi mở giúp đảng viên vận dụng đúng đắn, sáng tạo lý luận vào điều kiện công tác cụ thể.

Thực tế cho thấy, khi nắm được bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đảng viên hiểu và nắm chắc đường lối, quan điểm của Đảng. Từ đó, đảng viên không những làm tốt công tác của mình mà còn góp phần tuyên truyền, luận giải tốt những vấn đề do thực tiễn công tác và cuộc sống đặt ra; niềm tin, bản lĩnh chính trị và hiệu quả công tác sẽ cao hơn.

Thứ hai, mỗi đảng viên nâng cao nhận thức và ý thức, trách nhiệm tự học tập, tự nghiên cứu nội dung, giá trị và tầm vóc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nâng cao trình độ lý luận chính trị.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu đảng viên phải “Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin” và phải nâng cao trình độ lý luận chính trị. Người khẳng định: “Nâng cao trình độ lý luận và chính trị, cải tạo mình là một việc trường kỳ và gian khổ. Nhưng đó là một công tác chủ chốt trong việc xây dựng Đảng mà mỗi đảng viên phải cố gắng”⁵², bởi vì ra sức học tập lý luận chính trị cũng chính là

⁵⁰ <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2016/41759/Nghi-quyet-Hoi-nghi-lan-thu-tu-Ban-Chap-hanh-Trung-uong.aspx>

⁵¹ <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2016/41759/Nghi-quyet-Hoi-nghi-lan-thu-tu-Ban-Chap-hanh-Trung-uong.aspx>

⁵² Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, trang 280.

sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của mỗi đảng viên. Có thể thấy rằng đến nay, học tập lý luận chính trị, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn là vấn đề khó, không ít đảng viên vẫn còn tâm lý ngại học lý luận. Vì vậy, việc đảng viên học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách tự giác được xem là yếu tố quyết định đến hiệu quả công tác tư tưởng, chính trị của Đảng. Đây chính là cơ sở để xây dựng bản lĩnh, niềm tin chính trị của đảng viên đối với đường lối đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo. Đồng thời, trong giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta yêu cầu đảng viên phải gắn học tập lý luận với thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; phải vận dụng đúng đắn, sáng tạo lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

Thứ ba, Đảng ban hành các văn bản hướng dẫn và chỉ đạo các cơ sở giáo dục, đào tạo thường xuyên thực hiện đồng bộ các biện pháp đổi mới nội dung, hình thức,

phương pháp tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định: “Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.... Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động”⁵³.

Vì vậy, quan điểm xuyên suốt của Đảng là tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới⁵⁴ gắn với “kiến toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các trường chính trị”⁵⁵. Qua đó, các cơ sở giáo dục, nhất là các trường chính trị căn cứ vào đường lối, quan điểm của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên và tình hình thực tiễn địa phương để xác định rõ nội dung, hình thức

và phương pháp tiến hành tổ chức nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp với từng đối tượng người học và với đảng viên.

Các cơ sở giáo dục phải không ngừng nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh toàn diện về nội dung và hình thức.

Về nội dung: Đại hội XIII yêu cầu: “Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn”⁵⁶, như vậy, nội dung giảng dạy phải bảo đảm tính khoa học, tính Đảng, toàn diện, tính hệ thống và chuyên sâu gắn với tình hình thực tiễn đặt ra.

Về hình thức, phải kết hợp phong phú các biện pháp đổi mới hình thức giáo dục phù hợp với yêu cầu về công tác tư tưởng, lý luận của Đảng đáp ứng yêu cầu tư tưởng trong từng thời kỳ và nhiệm vụ cách mạng đặt ra. Ngoài ra, phải **“tập trung**

⁵³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, trang 33.

⁵⁴ Ban Bí thư (2018), Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư, về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

⁵⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, trang 236.

⁵⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập II, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, trang 235.

*xây dựng, củng cố, thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ giảng viên chính trị, báo cáo viên*⁵⁷, phải xây dựng chiến lược phát triển giảng viên vững về chính trị, giỏi về chuyên môn để không những đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng mà còn góp phần vào công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, bổ sung lý luận của Đảng.

Thứ tư, tận dụng sức mạnh của công nghệ và các phương tiện thông tin đại chúng, các lực lượng chuyên trách và sức mạnh nhân dân để tuyên truyền giáo dục cũng như bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, tạo nên một phong trào học tập sâu, rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đảng viên cũng như trong nhân dân.

Tận dụng sức mạnh không gian mạng giáo dục, lan tỏa các gương người tốt, việc tốt và đảng viên tốt trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Khen thưởng, động viên kịp thời đảng viên có thành tích trong học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Song song đó, kiên quyết xử lý nghiêm đảng viên có tư tưởng lệch lạc hoặc biểu hiện lười học lý luận chính trị. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối quan điểm của Đảng.

3. Kết luận

Kiên định đi lên chủ nghĩa xã hội luôn song hành với giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên và thời gian qua được Đảng ta thực hiện đồng bộ. Qua các giải pháp như phát huy vai trò của cấp ủy các cấp, qua vai trò nêu gương của đảng viên, qua nâng cao hiệu quả đào tạo của các cơ sở giáo dục lý luận chính trị và qua công tác tuyên truyền sâu rộng,... giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên của Đảng đem lại hiệu quả. Đảng có được đội ngũ đảng viên vững về lý luận, giỏi

về chuyên môn. Đội ngũ đảng viên của Đảng được đánh giá đủ năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và sẵn sàng đưa nước ta bước vào “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” với đích đến là xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu./

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư (2018), Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư, về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8,12, 15 Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

4. H t t p : / / w w w . tapchicongsan.org.vn.

⁵⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, trang 236.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

✪ THS. LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt:

Trong thời đại ngày nay, giảng dạy lý luận chính trị là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Hơn hết, đây còn là yếu tố quyết định đối với sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Khi lý luận chính trị trở thành kim chỉ nam cho hành động của mọi tổ chức, mọi cá nhân, nó sẽ thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, tạo ra môi trường ổn định để phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục lý luận chính trị, thường xuyên cập nhật nội dung, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà và đổi mới phương pháp giảng dạy. Trong bài viết này, tác giả sẽ tập trung làm rõ vài trò của việc giảng dạy lý luận chính trị, từ đó đề xuất các giải pháp để giảng viên lý luận chính trị nâng cao chất lượng giảng dạy, qua đó bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng.

Từ khóa: Giải pháp giảng dạy, lý luận chính trị, nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ, đấu tranh.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, nêu rõ: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng

của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”. Để thực hiện hiệu quả quan điểm này thì việc giảng dạy lý luận

chính trị là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Lý luận chính trị là kim chỉ nam cho hành động của Đảng, là cơ sở vững chắc để hoạch định chính sách, đường lối phát triển đất nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh

hiện nay, khi tình hình quốc tế và trong nước đang có nhiều biến động, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng càng trở nên cấp bách và quan trọng hơn bao giờ hết. Việc giảng dạy lý luận chính trị không chỉ là truyền đạt kiến thức lý thuyết mà còn phải giúp cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân hiểu rõ về đường lối, chủ trương của Đảng, từ đó bảo vệ và phát triển những giá trị cốt lõi của Đảng trong điều kiện mới.

Một trong những thách thức lớn đối với công tác giảng dạy lý luận chính trị là sự tác động mạnh mẽ của các quan điểm sai trái, thù địch. Những quan điểm này không chỉ tồn tại dưới dạng các luận điệu xuyên tạc, mà còn dưới hình thức tuyên truyền lén lút, sử dụng các phương tiện truyền thông, mạng xã hội để làm mất niềm tin của người dân vào Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Các thế lực thù địch, phản động, đang tìm mọi cách để xuyên tạc sự thật, bóp méo lịch sử, thậm chí dùng những luận điệu sai trái để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây chia rẽ trong Đảng. Điều này không chỉ đe dọa đến ổn định chính trị, mà còn làm tổn hại đến sự nghiệp

cách mạng của Đảng và dân tộc. Chính vì vậy, việc nâng cao hiệu quả giảng dạy lý luận chính trị để giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức rõ về những âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch, từ đó có đủ sức mạnh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, là nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

2. Nội dung

Vai trò của giảng dạy lý luận chính trị đối với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái

Giảng dạy lý luận chính trị là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Lý luận chính trị định hướng thế giới quan, phương pháp luận, giúp cho người học hiểu và vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Đây chính là công cụ giúp cán bộ, đảng viên nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, từ đó thực hiện đúng đắn các nhiệm vụ cách mạng, góp phần bảo vệ và phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa. Khi nắm vững lý luận, cán bộ, đảng

viên có thể nhận thức đúng về các vấn đề trong quá trình lãnh đạo, điều hành, giúp họ phát huy tối đa năng lực, trí tuệ trong công tác, từ đó đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Như V.I.Lênin từng nói: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng. Chỉ Đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong”. Chính vì thế, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục lý luận chính trị, không được xem nhẹ việc học lý luận chính trị, cũng giống như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: “Đảng phải chống cái thói xem nhẹ học tập lý luận”⁵⁸, “Đảng ta phải tự nâng cao mình lên nữa, mà muốn tự nâng cao mình thì phải tổ chức học tập lý luận trong toàn Đảng, trước hết là trong cán bộ cốt cán của Đảng”⁵⁹.

Hơn nữa, giảng dạy lý luận chính trị không chỉ là việc truyền đạt các kiến thức lý thuyết, mà còn nhằm trang bị cho người học khả năng phân tích, nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ

⁵⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tr.280

⁵⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2011, tr.91

XIII đã nêu: “Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại; đưa việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”⁶⁰. Trong bối cảnh hiện nay, khi các thế lực thù địch và các quan điểm sai trái đang ngày càng gia tăng và tìm cách xuyên tạc, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ, việc giảng dạy lý luận chính trị trở nên đặc biệt quan trọng. Giảng viên lý luận chính trị không chỉ cần truyền đạt các kiến thức lý luận căn bản mà còn phải giúp học viên nhận thức rõ những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, từ đó trang bị cho họ khả năng phản biện, đấu tranh lý luận một cách khoa học và hiệu quả. Việc này không chỉ giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực lý luận vững vàng mà còn giúp nâng cao nhận thức chính trị của quần chúng nhân dân, giữ vững sự đồng thuận xã hội, ổn định chính trị.

Giảng dạy lý luận chính trị còn có một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tạo nền tảng vững chắc để xây dựng

và phát triển đất nước. Một khi đội ngũ cán bộ, đảng viên có nền tảng lý luận vững chắc, họ sẽ không chỉ có thể bảo vệ, duy trì nền tảng tư tưởng của Đảng mà còn có thể nâng cao hiệu quả công tác, cải cách và phát triển đất nước. Trong quá trình hội nhập và phát triển, việc duy trì nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ lý tưởng xã hội chủ nghĩa là yếu tố quyết định đối với sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Khi lý luận chính trị trở thành kim chỉ nam cho hành động của mọi tổ chức, mọi cá nhân, nó sẽ thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, tạo ra môi trường ổn định để phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, việc bảo vệ, giữ vững và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ, giảng viên cần tập trung vào một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận

thức và hiểu biết sâu sắc về nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang hội nhập sâu rộng và chịu sự tác động của các luồng tư tưởng đa dạng trên thế giới, nền tảng tư tưởng của Đảng, cụ thể là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cần được khẳng định vai trò, giá trị và tính bền vững của mình. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, điều đầu tiên và quan trọng nhất đối với giảng viên là phải nâng cao nhận thức và hiểu biết sâu sắc về nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trước tiên, giảng viên cần nắm vững những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng. Đây là cơ sở khoa học giúp giảng viên lý giải được những vấn đề lớn lao của cách mạng Việt Nam, từ định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến chiến lược bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh việc tiếp cận các tài liệu chính thống, giảng viên còn cần nghiên cứu sâu rộng các nguồn tài liệu bổ sung, cập nhật kiến thức lý luận mới để bài giảng không chỉ chính xác

⁶⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, H.2021, tr.182 - 183

mà còn sinh động và thuyết phục. Điều này không chỉ giúp học viên dễ dàng tiếp thu mà còn tăng cường niềm tin của họ vào sự đúng đắn, khoa học của nền tảng tư tưởng mà Đảng đang kiên định.

Bên cạnh đó, giảng viên cần hiểu rõ vai trò, giá trị và tính khoa học của nền tảng tư tưởng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là nền tảng lý luận cho đường lối cách mạng Việt Nam mà còn là kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển bền vững của đất nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh, với giá trị nhân văn sâu sắc và tính thực tiễn cao, đã chỉ ra con đường đúng đắn để Việt Nam giải quyết các vấn đề dân tộc và thời đại. Việc nhận thức đầy đủ những giá trị này giúp giảng viên có đủ bản lĩnh và niềm tin để đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong sự nghiệp cách mạng.

Ngoài ra, giảng viên cũng cần truyền đạt những giá trị cốt lõi của nền tảng tư tưởng này đến học viên, giúp họ nhận thức rằng đây không chỉ là các nguyên lý mang tính lý thuyết mà còn là kim chỉ nam thực tiễn, có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng đạo đức, lối sống và lý

tưởng cách mạng. Việc lồng ghép các vấn đề thực tiễn vào bài giảng giúp học viên thấy rõ mối liên hệ giữa lý luận và thực tế, từ đó củng cố niềm tin vào Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Việc tích cực cập nhật kiến thức mới và bổ sung lý luận gắn với thực tiễn là yêu tố quan trọng giúp bài giảng của giảng viên trở nên sâu sắc, thuyết phục. Kiến thức lý luận chính trị không phải là một hệ tư tưởng bất biến, mà luôn cần được vận dụng linh hoạt vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn. Chính vì vậy, giảng viên cần không ngừng nghiên cứu các tài liệu mới, tìm hiểu những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra để bài giảng phản ánh được hơi thở của cuộc sống. Điều này không chỉ giúp bài giảng trở nên sinh động, thực tế mà còn giúp học viên hiểu rõ hơn về giá trị và sự phù hợp của nền tảng tư tưởng Đảng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Bên cạnh việc cập nhật kiến thức, giảng viên cần rèn luyện các kỹ năng sư phạm để nâng cao hiệu quả truyền đạt kiến thức và giá trị tư tưởng của Đảng. Một bài giảng hay không chỉ nằm ở nội dung

phong phú mà còn phụ thuộc vào cách thức truyền đạt, khả năng tạo cảm hứng và sự tương tác với người học. Giảng viên cần vận dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp linh hoạt giữa thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống và ứng dụng công nghệ thông tin. Những phương pháp này không chỉ tăng cường sự tham gia của học viên mà còn giúp họ hiểu sâu, nhớ lâu và có khả năng áp dụng lý luận vào thực tiễn.

Giảng viên cũng cần thường xuyên tự đánh giá, học hỏi từ đồng nghiệp và tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thiện bản thân. Trong môi trường giảng dạy lý luận chính trị, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là người định hướng tư tưởng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng cho học viên. Do đó, việc rèn luyện kỹ năng thuyết phục, lập luận sắc bén và xử lý tình huống linh hoạt là rất quan trọng, đặc biệt khi đối diện với các quan điểm sai trái, thù địch hoặc những câu hỏi khó từ học viên.

Thứ ba, tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho người học

Giảng viên cần truyền đạt những giá trị cốt lõi của

nền tảng tư tưởng qua các bài giảng để hình thành ý thức, niềm tin và lý tưởng cách mạng cho người học. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh chứa đựng những giá trị nhân văn sâu sắc, thể hiện khát vọng về một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Việc giảng dạy lý luận chính trị không nên chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức mà cần giúp người học thấm nhuần các giá trị cốt lõi này, qua đó khơi dậy niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Giảng viên cần làm rõ ý nghĩa thực tiễn của các giá trị này, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang hội nhập và đối mặt với nhiều thách thức về kinh tế, văn hóa và an ninh. Qua đó, học viên không chỉ hiểu lý luận mà còn có động lực để hành động theo lý tưởng cách mạng, sống và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Bên cạnh việc truyền đạt giá trị, giảng viên cần phát huy vai trò định hướng tư tưởng, giúp người học nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Hiện nay, các thế lực thù địch luôn tìm cách xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, gây hoang mang và làm suy giảm niềm tin của thế hệ trẻ. Giảng viên cần trang bị cho người học khả năng tư duy phê phán,

biết phân tích và đánh giá các thông tin đa chiều, từ đó nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Ngoài ra, giảng viên cần hướng dẫn người học cách lập luận, phản bác các quan điểm sai trái một cách thuyết phục, trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn sinh động. Điều này không chỉ giúp người học củng cố niềm tin vào nền tảng tư tưởng mà còn góp phần xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng.

Thứ tư, chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Giảng viên phải có khả năng nhận diện và phản bác các luận điệu xuyên tạc, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên không gian mạng và trong thực tế. Hiện nay, các thế lực thù địch sử dụng nhiều hình thức tinh vi để chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, như xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng hoặc tuyên truyền các giá trị phi chính thống nhằm làm lung lay niềm tin của nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Giảng viên lý luận chính trị cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, khả năng phân tích sắc bén và kỹ năng lập luận chặt chẽ để phản bác các quan điểm sai trái này một cách khoa học, thuyết phục. Bên cạnh đó, việc sử dụng hiệu quả các nền tảng mạng

xã hội để lan tỏa những thông tin tích cực, định hướng tư tưởng đúng đắn cũng là cách giúp giảng viên đấu tranh hiệu quả trên mặt trận tư tưởng.

Song song với việc phản bác các luận điệu xuyên tạc, giảng viên cần kết hợp giảng dạy lý luận với giáo dục về các vấn đề thời sự, tình hình kinh tế - xã hội để gắn lý luận với thực tiễn. Việc này không chỉ giúp bài giảng trở nên sinh động, gần gũi mà còn giúp học viên nhận thức rõ mối liên hệ giữa lý luận và đời sống thực tế. Khi các vấn đề thời sự được đưa vào bài giảng, như tác động của các chính sách kinh tế, thách thức từ hội nhập quốc tế hay các nguy cơ an ninh phi truyền thống, người học sẽ thấy rõ vai trò của nền tảng tư tưởng trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn. Qua đó, họ không chỉ nắm vững lý luận mà còn hiểu rõ giá trị của nền tảng tư tưởng trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, gắn giảng dạy lý luận chính trị với thực tiễn địa phương, đất nước

Việc tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và tham gia các đề án, chương trình cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng vào thực tiễn là nhiệm vụ không thể thiếu đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị. Thông qua

ngiên cứu khoa học, giảng viên không chỉ nâng cao năng lực chuyên môn mà còn góp phần bổ sung các luận cứ thực tiễn, giúp các chính sách của Đảng được triển khai sát với yêu cầu của địa phương và đất nước. Bên cạnh đó, giảng viên cần tham gia các chương trình, đề án có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục hoặc xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Đây là cách để giảng viên tiếp cận trực tiếp với những vấn đề thực tiễn, từ đó làm rõ sự phù hợp và hiệu quả của các quan điểm, chính sách của Đảng khi được vận dụng vào đời sống. Những kết quả từ hoạt động nghiên cứu và tham gia thực tiễn này sẽ là cơ sở giúp bài giảng trở nên sinh động, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và tạo sức thuyết phục cao đối với người học.

Ngoài ra, giảng viên cần xây dựng nội dung bài giảng mang tính ứng dụng cao, giúp học viên không chỉ hiểu rõ lý luận mà còn biết cách áp dụng vào thực tiễn công việc tại cơ quan, đơn vị. Một bài giảng lý luận chính trị không chỉ cần làm rõ các nguyên tắc, quan điểm của Đảng mà còn phải gắn liền với nhiệm vụ cụ thể của người học, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức hoặc đảng viên trẻ. Giảng viên cần đưa ra các tình huống thực tế

hoặc ví dụ điển hình từ thực tiễn địa phương, đất nước để minh họa các nội dung lý luận, từ đó hướng dẫn học viên cách vận dụng lý luận vào giải quyết những vấn đề cụ thể tại nơi làm việc. Cách tiếp cận này không chỉ giúp học viên hiểu sâu hơn về lý luận mà còn nâng cao khả năng áp dụng thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và khẳng định giá trị của nền tảng tư tưởng Đảng trong đời sống.

Thứ sáu, rèn luyện đạo đức, lối sống mẫu mực của người giảng viên lý luận chính trị

Giảng viên lý luận chính trị cần làm gương trong mọi hành động, từ lời nói đến việc làm, thái độ ứng xử. Trong giảng dạy, việc truyền đạt kiến thức lý luận không chỉ đòi hỏi sự chính xác, khách quan mà còn cần được thể hiện bằng tinh thần trách nhiệm và sự tận tụy với nghề. Học viên sẽ không chỉ lắng nghe nội dung bài giảng mà còn quan sát, cảm nhận thái độ, phong cách làm việc của người thầy. Một giảng viên mẫu mực, luôn nhất quán giữa lời nói và hành động, thể hiện được phẩm chất đạo đức cao đẹp sẽ tạo ra sự tin tưởng, đồng cảm và ngưỡng mộ từ người học. Từ đó, những giá trị tư tưởng được truyền đạt trong

bài giảng sẽ dễ dàng lan tỏa và được tiếp nhận một cách tự nhiên, sâu sắc hơn. Thái độ tích cực của giảng viên còn góp phần tạo dựng một môi trường học tập lý tưởng, nơi lý luận chính trị không phải là những kiến thức khô cứng mà là những giá trị sống động.

Ngoài làm gương, giảng viên cần không ngừng rèn luyện để xây dựng hình ảnh người thầy lý tưởng: vững vàng về chính trị, trong sáng về đạo đức và giàu tri thức. Sự vững vàng về chính trị thể hiện ở lòng trung thành tuyệt đối với nền tảng tư tưởng của Đảng, khả năng nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái một cách thuyết phục. Trong sáng về đạo đức là phẩm chất không thể thiếu của một người thầy, đặc biệt là người giảng dạy lý luận chính trị, bởi họ không chỉ dạy tri thức mà còn dạy nhân cách và lý tưởng cách mạng cho học viên. Cùng với đó, giảng viên cần luôn trau dồi tri thức, cập nhật kiến thức mới, đồng thời nâng cao kỹ năng sư phạm để bài giảng không chỉ sâu sắc mà còn dễ hiểu, dễ áp dụng. Một giảng viên hội tụ đầy đủ các phẩm chất này sẽ trở thành hình mẫu đáng tin cậy, là nguồn cảm hứng và động lực để học viên phấn đấu rèn luyện và cống hiến.

Các nội dung trên không

chỉ góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà còn thúc đẩy quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

3. Kết luận

Có thể nhận thấy rằng giảng dạy lý luận chính trị không chỉ là một nhiệm vụ chuyên môn mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Để bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, giảng viên lý luận chính trị cần thực hiện một cách toàn diện các giải pháp như nâng cao nhận thức về a chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và các đường lối, chính sách của Đảng, đồng thời không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ để tăng cường hiệu quả truyền đạt. Việc phát huy vai trò giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức và lối sống cho học viên đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng niềm tin, nhận thức đúng đắn về lý tưởng của Đảng, từ đó hình thành nên thế hệ học viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, biết nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Giảng viên cần làm gương sáng về đạo đức, chính trị và tri thức để từ đó tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng

đồng học viên. Tóm lại, để góp phần đấu tranh hiệu quả với các luận điệu xuyên tạc, giảng viên cần không ngừng nghiên cứu khoa học, phát triển nội dung giảng dạy gắn liền với thực tiễn, đồng thời tích cực rèn luyện bản thân để truyền tải lý luận chính trị một cách sinh động và dễ tiếp cận. Những giải pháp này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, và tăng cường sức mạnh đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch trong xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
2. Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.
3. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 8, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia.

4. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia.
5. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch”.
6. V.I.Lênin (2005) Toàn tập, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia.
7. <http://truongchinhtrikontum.org.vn/nang-cao-chat-luong-giang-day-ly-luan-chinh-tri-gop-phan-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang>
8. <https://btgtu.binhthuan.dcs.vn/Tintuc/post/205572/nang-cao-chat-luong-cong-tac-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-la-mot-trong-nhung-giai-phap-quan-trong-gop-phan-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-hien-nay>
9. <http://quanlynhanuoc.vn/2024/03/21/nang-cao-chat-luong-giang-day-cac-mon-ly-luan-chinh-tri-gop-phan-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/>

“HẠNH PHÚC”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

✪ THS. LÊ THỊ THANH KIỆU

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt: “Hạnh phúc” không chỉ là giá trị cốt lõi trong hệ giá trị của gia đình Việt Nam mà còn là mục tiêu đến của công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, xây dựng gia đình với giá trị “hạnh phúc” luôn là chủ trương xuyên suốt của Đảng ta và được thể hiện ở tiêu chuẩn, các nhiệm vụ, giải pháp để giá trị này được hiện thực hóa. Đó là nền tảng để đạt được mục tiêu “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Từ khóa: Hạnh phúc, Đảng, gia đình Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về gia đình và tầm quan trọng của gia đình đối với sự phát triển của quốc gia, dân tộc, trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, Đảng ta đặc biệt quan tâm xây dựng gia đình với vai trò là tế bào của xã hội. Hiện nay, Đảng ta chú trọng xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam phù hợp với điều kiện thực tiễn,

trong đó “hạnh phúc” được xem là giá trị cốt lõi nhất bởi vì mỗi gia đình hạnh phúc là môi trường để mỗi người được hạnh phúc và là nền tảng để xã hội đạt mục tiêu “hạnh phúc”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giá trị “hạnh phúc” của gia đình

Khi nghiên cứu về gia đình, Mác và Ăng ghen đề cao vị trí của gia đình trong mối quan hệ với hạnh phúc của con người và quốc gia, dân tộc. Mác viết: “Hàng ngày tái

tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi nảy nở - đó là quan hệ gia chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình” Trên cơ sở đó, các ông khẳng định gia đình là tế bào, là cơ sở phát triển của một xã hội. Ăng ghen viết: “Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, do hai loại sản xuất quyết định: và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”. Ngoài ra, Mác - Ăng ghen khẳng định gia đình còn có vai trò là tổ ấm, quyết định đến hạnh phúc của con người và là cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh vị trí “gia đình là hạt nhân của xã hội” và Người cũng đưa ra quan niệm mới về gia đình. Theo đó, Người khẳng định, gia

đình được hiểu ở phạm vi hẹp đến phạm vi rộng, hẹp nhất là gia đình truyền thống - gia đình riêng, hoặc những người lao động trong cùng nhà máy, trong cùng một cơ quan, cùng một hợp tác xã thì đều phải đoàn kết, thương yêu nhau như anh em trong một gia đình. Phạm vi rộng hơn nữa thì đồng bào cả nước đều là anh em trong một gia đình chung hoặc cộng đồng nhân loại. Từ quan niệm này, Người khẳng định rằng: “Bác tuy không có gia đình riêng, nhưng Bác có một đại gia đình rất lớn, đó là giai cấp công nhân toàn thế giới, là nhân dân Việt Nam” và chủ nghĩa xã hội hướng đến mục tiêu cơ bản là “gia đình chung đã có hạnh phúc thì gia đình riêng cũng có hạnh phúc”.

Theo Hồ Chí Minh giữa gia đình chung với gia đình riêng, giữa gia đình và xã hội có mối quan hệ biện chứng. Vì vậy, muốn xây dựng xã hội tốt thì phải xây dựng hạt nhân của xã hội cho tốt. Xây dựng hạt nhân của xã hội tốt thì sẽ có xã hội tốt và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công. Hay nói cách khác, “gia đình riêng hạnh phúc” thì “gia đình chung hạnh phúc” và ngược lại.

2.2. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng giá trị “hạnh phúc” trong gia đình Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng gia đình với giá trị cốt lõi “hạnh phúc” là chủ trương xuyên suốt của Đảng

Quan điểm gia đình là tế bào của xã hội, nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta kế thừa và vận dụng sáng tạo để xây dựng giá trị “hạnh phúc” của gia đình Việt Nam. Trong đó, từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới và nhất là tại Đại hội VIII (1996), Đảng chủ trương “Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Quan điểm này được các kỳ Đại hội tiếp theo của Đảng tiếp tục phát triển.

Ngày 21/02/2005, Ban Bí thư Trung ương ban hành Chỉ thị số 49-CT/TW “Về xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, đây là Chỉ thị đầu tiên của Đảng về xây dựng gia đình Việt Nam. Chỉ thị nhấn mạnh tầm quan trọng của gia đình đối với xây dựng

con người Việt Nam, đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và đề ra 6 nhiệm vụ, 6 giải pháp trong thực hiện chính sách gia đình. Đây là cơ sở tạo chuyển biến mới về nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy các cấp đối với công tác lãnh đạo xây dựng gia đình trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Quan điểm về xây dựng gia đình “hạnh phúc” được Đảng phát triển tại Đại hội XI với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh ghi rõ: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách”. Gia đình tạo ra con người để xây dựng xã hội vì vậy, gia đình không chỉ giữ vai trò nền tảng, tế bào của xã hội mà còn là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống, hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa với mục tiêu hướng đến là “hạnh phúc”.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, ngày 02/5/2012, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” với mục tiêu

chung là xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Đến Đại hội XIII (năm 2021) giá trị hạnh phúc trong xây dựng gia đình Việt Nam được Đảng xác định: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới” và “thực hiện các chuẩn mực văn hóa gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh”. Ngày 24/6/2021, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới”. Chỉ thị ghi rõ: “Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước”.

Thứ hai, giá trị “hạnh phúc” trong xây dựng gia đình Việt Nam

Đảng ta khẳng định giá trị “hạnh phúc” của gia đình

Việt Nam, đó là: được xây dựng trên cơ sở gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ. Gia đình hạnh phúc là mọi thành viên trong gia đình phải được bảo đảm các nhu cầu thiết yếu về vật chất và tinh thần; được hưởng bầu không khí cởi mở, yêu thương, cùng chia sẻ, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển. Mọi thành viên trong gia đình đều có quyền lợi và trách nhiệm với nhau, với gia đình và với xã hội; được bình đẳng, tôn trọng; có điều kiện học tập vươn lên; các thành viên trong gia đình cùng đồng cam cộng khổ, tự giác cùng nhau xây dựng tổ ấm gia đình.

Thứ ba, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng giá trị “hạnh phúc” của gia đình Việt Nam. Để phát huy vai trò của gia đình trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay và xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh Đảng ta khẳng định thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về xây dựng gia đình và đề cao giá trị hạnh phúc của gia đình thông qua thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền. Trong đó, chú trọng tuyên truyền về chính sách dân số của Đảng và Nhà nước; về phòng, chống bạo lực gia đình; về trách nhiệm của từng thành viên trong gia đình; về chủ trương

xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh trong thời kỳ mới theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng và Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Bí thư.

Hai là, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiếp tục hoàn thiện các chuẩn mực về xây dựng gia đình trong tình hình mới, chú trọng chuẩn mực về hạnh phúc. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện pháp luật và chính sách về gia đình. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, cán bộ phụ trách công tác dân số, gia đình đối với các phương diện trong xây dựng gia đình Việt Nam.

Ba là, đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho gia đình Việt Nam. Kinh tế ổn định, phát triển chính là điều kiện tiên quyết để gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Đồng thời, gia đình ấm no cũng chính là cơ sở để thành viên trong từng gia đình và gia đình đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Là cơ sở để thành viên trong gia đình phát triển toàn diện và phấn đấu vì mục tiêu hạnh phúc của con người.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng giá trị “hạnh phúc” trong mối quan hệ với các giá trị khác của gia đình và trong xây dựng, hoàn thiện các giá trị, các chuẩn mực của văn hóa và con người Việt Nam hiện nay.

3. Kết luận

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về gia đình, Đảng ta chú trọng giá trị cốt lõi “hạnh phúc” của gia đình Việt Nam. Đây là chủ trương xuyên suốt trong đường lối xây dựng gia đình Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Theo trình tự mối quan hệ biện chứng *người hạnh phúc sẽ dẫn đến nhà nhà hạnh phúc, quốc gia hạnh phúc và ngược lại* thì gia đình “hạnh phúc” sẽ là nền tảng để Đảng cùng nhân dân ta đưa đất nước đi đến chủ nghĩa xã hội với mục tiêu cốt lõi “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc”./

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác và Ph.Ăng ghen (1995), Toàn tập, Tập 3, Tập 21, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 65, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 8,12,13,14, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/chi-thi-so-06-cttw-ngay-2462021-cua-ban-bi-thu-ve-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-cong-tac-xay-dung-gia-7537>
6. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC KHÔNG PHÂN BIỆT VÀ ỨNG DỤNG TRONG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐỒNG THÁP

✦ ThS. NGUYỄN THỊ ÁNH XUÂN
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Tóm tắt

Bài viết tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục không phân biệt – một quan điểm thể hiện tinh thần dân chủ và lòng nhân ái sâu sắc trong giáo dục. Tư tưởng này nhấn mạnh rằng mọi người dân đều có quyền được học tập và phát triển mà không phân biệt tuổi tác, giới tính, thành phần dân tộc hay địa vị xã hội. Dựa trên tư tưởng này, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai nhiều chính sách và chương trình giáo dục nhằm đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng cho mọi người, góp phần nâng cao dân trí và xây dựng xã hội công bằng.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục không chỉ là công cụ truyền tải kiến thức mà còn là phương tiện để thúc đẩy bình đẳng và xây dựng xã hội tiến bộ. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục mọi người, không phân biệt, đã trở thành nền tảng quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay. Đối với tỉnh Đồng Tháp, một địa phương nông thôn thuộc Đồng bằng sông Cửu Long với dân số đa dạng về thành phần dân tộc, tư tưởng giáo dục không phân biệt của Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa quan trọng. Với điều kiện kinh tế còn nhiều hạn chế, việc đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng cho mọi người là một thách thức lớn

nhưng cũng là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực tại Tỉnh.

2. Nội dung

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng giáo dục phải dành cho mọi người dân, bất kể giới tính, dân tộc, địa vị xã hội hay hoàn cảnh kinh tế. Người tin tưởng rằng mỗi cá nhân đều có tiềm năng đóng góp cho sự phát triển của đất nước và xã hội, vì vậy giáo dục không chỉ dành cho một tầng lớp nhất định mà phải dành cho tất cả mọi người. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến những nhóm đối tượng thiệt thòi như phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người nghèo và người dân

vùng sâu, vùng xa, với mong muốn đưa giáo dục đến gần họ hơn, tạo cơ hội công bằng để họ phát triển và đóng góp cho đất nước. Tư tưởng này bao gồm các nguyên tắc cơ bản sau:

Một là, bình đẳng trong cơ hội giáo dục

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng trong giáo dục không chỉ đơn thuần là tạo cơ hội học tập cho mọi người mà còn nhấn mạnh sự bình đẳng thật sự trong việc tiếp cận giáo dục, giúp mọi cá nhân phát triển toàn diện, không phân biệt giới tính, độ tuổi, địa vị xã hội, hay dân tộc.

Hồ Chí Minh luôn cho rằng *giáo dục là quyền của*

mọi người dân. Đối với Người, giáo dục không phải chỉ để phát triển trí thức mà còn để xây dựng nhân cách, giúp người học trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Người khẳng định rằng việc xóa mù chữ, phổ cập giáo dục là trách nhiệm của chính quyền và xã hội, nhằm đảm bảo mọi người, đặc biệt là các nhóm yếu thế, đều có quyền học tập và phát triển. Bình đẳng trong cơ hội giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh phát triển trên ba trụ cột cơ bản:

Thứ nhất, quyền học tập cho tất cả mọi người. Mọi công dân đều có quyền học tập, bất kể địa vị, dân tộc hay giới tính.

Thứ hai, xóa bỏ các rào cản trong giáo dục. Tạo điều kiện tốt nhất để mọi người có thể tiếp cận giáo dục. Điều này bao gồm việc cung cấp tài chính, cơ sở vật chất và đảm bảo rằng các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số đều được tiếp cận giáo dục công bằng.

Thứ ba, giáo dục dành cho các nhóm yếu thế. Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt đến các nhóm yếu thế trong xã hội như phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số. Người kêu gọi xóa bỏ các định kiến, tư tưởng trọng nam khinh nữ trong giáo dục và thúc đẩy các chính sách hỗ trợ để họ có cơ hội phát triển.

Bình đẳng trong cơ hội giáo dục là nền tảng để tạo nên một xã hội công bằng và tiến bộ. Khi mọi người đều có cơ hội được học tập và phát triển, xã hội sẽ có nguồn nhân lực phong phú và đa dạng, phục vụ cho các lĩnh vực khác nhau. Tư tưởng này của Hồ Chí Minh không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng con người mà còn giúp giảm bớt sự chênh lệch giàu nghèo, nâng cao dân trí và đảm bảo sự hòa nhập của các cộng đồng yếu thế trong xã hội.

Trong bối cảnh hiện đại, bình đẳng trong giáo dục giúp mọi cá nhân phát huy tiềm năng và khả năng của mình, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, các chính sách giáo dục dành cho người nghèo và người dân tộc thiểu số giúp giảm thiểu tình trạng bỏ học, tạo cơ hội cho họ cải thiện cuộc sống và thoát khỏi vòng luẩn quẩn của đói nghèo.

Hai là, chú trọng đến các nhóm yếu thế trong giáo dục

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục không chỉ dừng lại ở khái niệm truyền đạt tri thức mà còn đặt trọng tâm vào việc bảo đảm quyền học tập công bằng cho tất cả mọi người, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng mỗi người dân đều có quyền được

giáo dục, bất kể hoàn cảnh hay vị trí xã hội. Người tin rằng chỉ khi những người yếu thế như người nghèo, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được giáo dục, họ mới có thể phát triển và góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Một số điểm nổi bật trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục cho các nhóm yếu thế bao gồm:

Thứ nhất, quyền bình đẳng trong giáo dục cho mọi người. Hồ Chí Minh cho rằng giáo dục là quyền của tất cả mọi người, không phân biệt giới tính, dân tộc, độ tuổi hay hoàn cảnh kinh tế. Điều này giúp người yếu thế không bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển của xã hội.

Thứ hai, xóa bỏ rào cản để đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục. Hồ Chí Minh hiểu rằng những người yếu thế thường gặp nhiều rào cản trong giáo dục. Người đề xuất các biện pháp thiết thực như hỗ trợ tài chính, cung cấp tài liệu học tập và đầu tư vào cơ sở vật chất tại các vùng sâu, vùng xa để giúp các nhóm yếu thế dễ dàng tiếp cận với giáo dục.

Thứ ba, tôn trọng và gìn giữ bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc kết hợp giáo dục với bản sắc văn hóa

riêng của từng dân tộc thiểu số. Người khuyến khích việc phát triển các chương trình giáo dục song ngữ, giúp học sinh dân tộc vừa học kiến thức vừa giữ gìn bản sắc văn hóa của mình.

Ba là, xóa mù chữ và nâng cao dân trí

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, xóa mù chữ và nâng cao dân trí đóng vai trò nền tảng để xây dựng một xã hội tiến bộ, dân chủ và phát triển. Ông cho rằng không có tri thức thì người dân sẽ khó thoát khỏi nghèo đói và lạc hậu. Vì vậy, Hồ Chí Minh coi xóa mù chữ là nhiệm vụ hàng đầu, cấp thiết đối với công cuộc xây dựng đất nước, đặc biệt là sau khi giành được độc lập. Một số quan điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về xóa mù chữ và nâng cao dân trí bao gồm:

Thứ nhất, xóa mù chữ là nhiệm vụ cấp bách. Hồ Chí Minh khẳng định rằng việc xóa mù chữ không chỉ mang tính cá nhân mà còn là nhiệm vụ của cả cộng đồng và nhà nước. Chỉ khi người dân có tri thức thì đất nước mới có thể phát triển bền vững.

Thứ hai, học để làm người, học để phụng sự đất nước. Đối với Hồ Chí Minh, học tập không chỉ là để có kiến thức mà còn là để xây dựng nhân cách, trở thành

công dân có ích cho xã hội. Xóa mù chữ và nâng cao dân trí giúp người dân nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Thứ ba, nâng cao dân trí để phát triển xã hội. Hồ Chí Minh tin tưởng rằng giáo dục không chỉ là công cụ để nâng cao hiểu biết mà còn là phương tiện để đạt được công bằng xã hội. Khi người dân có tri thức, họ sẽ có khả năng bảo vệ quyền lợi và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Xóa mù chữ và nâng cao dân trí giúp giảm tỷ lệ nghèo đói, tạo cơ hội cho người dân phát triển bản thân và tăng cường năng lực lao động của quốc gia. Khi người dân được xóa mù chữ, họ không chỉ có thể đọc, viết mà còn có khả năng tiếp thu tri thức mới, áp dụng vào cuộc sống và công việc hàng ngày. Điều này giúp cải thiện chất lượng lao động và năng suất kinh tế, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt, nâng cao dân trí giúp xây dựng một xã hội tiến bộ, nơi mọi người dân đều có cơ hội học tập và phát triển. Các chương trình giáo dục xóa mù chữ và nâng cao dân trí còn là phương tiện để giảm bất bình đẳng xã hội, mở rộng cơ hội cho các nhóm yếu

thế như phụ nữ, người dân tộc thiểu số, và người dân ở vùng sâu, vùng xa.

Tư tưởng giáo dục mọi người, không phân biệt của Hồ Chí Minh vẫn là nền tảng vững chắc trong chính sách giáo dục Việt Nam hiện nay, thúc đẩy sự công bằng, dân chủ và tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp trong xã hội.

Tỉnh Đồng Tháp, nằm ở Đồng bằng sông Cửu Long, là một khu vực nông thôn với dân số đa dạng về thành phần dân tộc, bao gồm người Kinh và các dân tộc thiểu số Hoa, Khmer, Mường; đa dạng địa hình có vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Với điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, Đồng Tháp đã nỗ lực ứng dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục không phân biệt, nhằm bảo đảm mọi người dân đều có quyền và cơ hội tiếp cận giáo dục. Tư tưởng này đã được Tỉnh vận dụng phát triển giáo dục để cải thiện chất lượng giáo dục và tạo điều kiện phát triển đồng đều cho các đối tượng, cụ thể như:

Thứ nhất, chính sách phổ cập giáo dục và nâng cao trình độ dân trí

Tại Đồng Tháp, chính sách phổ cập giáo dục và nâng cao trình độ dân trí được thúc đẩy thông qua nhiều chương trình và đề án quan trọng. Các

kế hoạch phát triển giáo dục của tỉnh hướng đến mở rộng tiếp cận giáo dục cho mọi lứa tuổi, đặc biệt là những khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa, nhằm đảm bảo rằng mọi người dân đều có cơ hội học tập và nâng cao kiến thức.

Một trong những chính sách chính là phổ cập giáo dục mầm non và trung học cơ sở, với việc áp dụng các phương pháp học tập tiên tiến, như STEM, STEAM, để phát triển khả năng tự học và khuyến khích học tập suốt đời. Tỉnh cũng đẩy mạnh các chương trình giáo dục thường xuyên dành cho người lớn tuổi, giúp họ học nghề và cải thiện trình độ học vấn nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và sinh kế.

Đồng Tháp cũng chú trọng phát triển hệ sinh thái giáo dục với sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, cải thiện hạ tầng trường lớp và đầu tư trang thiết bị học tập. Đồng thời, tỉnh đặt mục tiêu nâng cao năng lực đội ngũ quản lý và giáo viên để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và quản lý chất lượng giáo dục.

Thứ hai, phát triển các chương trình giáo dục người lớn và giáo dục thường xuyên

Đồng Tháp đang tích cực phát triển các chương trình giáo dục người lớn và tại tỉnh Đồng Tháp, phát triển các

hoạt động ngoại khóa và giáo dục văn hóa đang được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương. Một số điểm nổi bật trong chính sách và chương trình bao gồm:

Một là, hoạt động ngoại khóa. Các trường học tại Đồng Tháp thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tham quan di tích lịch sử, văn hóa địa phương. Những hoạt động này không chỉ giúp học sinh hiểu biết hơn về văn hóa và lịch sử quê hương mà còn phát triển kỹ năng mềm và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.

Hai là, giáo dục văn hóa. Tỉnh cũng đẩy mạnh việc giáo dục về di sản văn hóa thông qua các chương trình tại trường học, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động liên quan đến văn hóa truyền thống như biểu diễn nghệ thuật, tổ chức lễ hội dân gian, và tham gia vào các câu lạc bộ văn hóa. Việc này không chỉ giữ gìn bản sắc văn hóa mà còn tạo cơ hội cho học sinh phát triển năng lực cá nhân.

Ba là, hợp tác với các đơn vị. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở ban ngành khác như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để triển khai các chương trình văn hóa, thể dục thể thao trong

trường học. Điều này giúp lồng ghép các hoạt động giáo dục với phong trào thể dục thể thao, từ đó tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện.

Bốn là, tăng cường cơ sở hạ tầng. Để hỗ trợ cho các hoạt động ngoại khóa và giáo dục văn hóa, tỉnh đã có những kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng trường học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động này.

Đồng Tháp đang nỗ lực xây dựng một môi trường giáo dục phong phú, khuyến khích sự sáng tạo và khám phá của học sinh, đồng thời gắn kết với di sản văn hóa và lịch sử của Tỉnh.

Thứ ba, hỗ trợ học sinh nghèo và học sinh khuyết tật

Đồng Tháp triển khai nhiều chương trình hỗ trợ học sinh nghèo và học sinh khuyết tật nhằm đảm bảo các em được tiếp cận giáo dục một cách bình đẳng và thuận lợi. Tỉnh phối hợp cùng các tổ chức xã hội và các nhà hảo tâm để thực hiện những hoạt động cụ thể như: cấp học bổng, cung cấp sách vở, đồ dùng học tập và xây dựng các trường học chuyên biệt có cơ sở vật chất phù hợp cho học sinh khuyết tật. Đồng thời, Đồng Tháp cũng chú trọng đào tạo giáo viên để nâng cao kỹ năng và phương pháp dạy học phù hợp cho các đối tượng này, giúp

các em học sinh khuyết tật có cơ hội hòa nhập tốt hơn.

Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ tài chính cho học sinh nghèo cũng được triển khai đều đặn thông qua các chương trình trợ cấp học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa. Các em còn được tham gia vào các hoạt động ngoại khóa, giao lưu nhằm nâng cao kỹ năng sống và khuyến khích tinh thần học tập.

Thứ tư, phát triển các hoạt động ngoại khóa và giáo dục văn hóa

Đồng Tháp tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, chương trình văn hóa, nghệ thuật nhằm giúp học sinh hiểu rõ hơn về văn hóa truyền thống, lịch sử của dân tộc, từ đó xây dựng tinh thần đoàn kết và yêu quê hương như: chương trình giao lưu văn hóa, ngày hội học sinh, các hoạt động tình nguyện cộng đồng cũng được thực hiện nhằm giúp học sinh hiểu về tầm quan trọng của cộng đồng, trách nhiệm xã hội và tinh thần nhân ái.

Ngoài ra, tỉnh cũng đã triển khai chương trình “Người Đồng Tháp học tập suốt đời” để khuyến khích người dân, đặc biệt là thanh niên, người lao động và người cao tuổi, tiếp tục học tập và nâng cao hiểu biết của mình thông qua các khóa học ngắn

hạn, hội thảo và lớp tập huấn.

Thứ năm, đào tạo nghề và phát triển giáo dục hướng nghiệp

Tại tỉnh Đồng Tháp, việc đào tạo nghề và phát triển giáo dục hướng nghiệp đang được chú trọng nhằm nâng cao trình độ lao động và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch, như: Kế hoạch số 207/KH-UBND giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch 226/KH-UBND năm 2022, tập trung vào việc phát triển chương trình đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp cho học sinh và tạo cơ hội việc làm cho người lao động.

Một trong những điểm nổi bật là Tỉnh đã xây dựng nhiều chương trình đào tạo đa dạng, bao gồm cả các nghề phi nông nghiệp và nghề cho lao động nông thôn. Cụ thể, tỉnh đã phê duyệt 104 chương trình, trong đó có 36 chương trình dành cho nghề phi nông nghiệp và 39 giáo trình tương ứng.

Đồng Tháp cũng tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục nghề nghiệp, bao gồm việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và triển khai dạy học trực tuyến trong thời gian dịch COVID-19. Tỷ lệ học viên ra trường có việc làm đạt cao, với khoảng 91% đối với các chương trình trung

cấp và cao đẳng, cho thấy hiệu quả của các chương trình đào tạo nghề tại địa phương.

3. Kết luận

Giáo dục không phân biệt theo tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Khi mọi người đều có quyền tiếp cận giáo dục, xã hội sẽ được hưởng lợi từ việc phát triển nguồn nhân lực đa dạng, phong phú và bền vững. Giáo dục không phân biệt giúp giảm thiểu các rào cản xã hội, tạo điều kiện cho sự hòa nhập và gắn kết giữa các cộng đồng khác nhau. Đối với các đối tượng như phụ nữ và người dân tộc thiểu số, giáo dục giúp họ nhận thức sâu sắc về quyền lợi và trách nhiệm của mình, từ đó nâng cao vai trò trong gia đình và cộng đồng. Đối với trẻ em và người nghèo, giáo dục là con đường để thoát khỏi đói nghèo và cải thiện cuộc sống. Tư tưởng này còn thể hiện lòng tin vào năng lực và giá trị của mọi người, khuyến khích mỗi cá nhân phát huy tiềm năng của mình.

Ứng dụng tư tưởng giáo dục không phân biệt của Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục tại Đồng Tháp đã giúp xây dựng một môi trường giáo dục bình đẳng, nơi mọi người đều có quyền được học tập và phát triển không phân

biệt hoàn cảnh hay thành phần dân tộc. Nhờ vào những nỗ lực này, Đồng Tháp không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương, tạo dựng một cộng đồng văn minh, tiến bộ và giàu nhân ái.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021). Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng trong giáo dục và ứng dụng tại Việt Nam. NXB Chính trị Quốc gia.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021). Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục không phân biệt và ứng dụng trong giáo dục Việt Nam. NXB Chính trị Quốc gia
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đồng Tháp: Tình hình và giải pháp. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). Chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại Đồng Tháp. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam.
5. Đỗ Văn Quân (2019). Ứng dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục phổ cập và bình đẳng ở Việt Nam. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (1995). Tuyển tập Hồ Chí Minh (Tập 7). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (1995). Tuyển tập Hồ Chí Minh (Tập 5). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Lê Văn Thành (2019). Ứng dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục không phân biệt và chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam. NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Lê Văn Thành (2022). Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục bình đẳng và chiến lược phát triển giáo dục không phân biệt tại Việt Nam. Hội thảo khoa học quốc gia về giáo dục, Đồng Nai.
10. Lê Thị Kim Liên (2020). Bình đẳng trong giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh và các giải pháp cho người yếu thế. Hội thảo khoa học quốc gia về giáo dục Việt Nam, TP. Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Mai Lan (2020). Giáo dục bình đẳng theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Thực tiễn và những bài học. Tạp chí Giáo dục Việt Nam, 7(82), 34-41.
12. Nguyễn Thị Minh (2020). Bình đẳng trong giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn tại Việt Nam. Tạp chí Giáo dục Việt Nam, 6(84), 50-57.
13. Nguyễn Văn Minh (2019). Chính sách giáo dục cho người dân tộc thiểu số theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tạp chí Giáo dục Việt Nam, 3(68), 42-49.
14. Phạm Văn Hoàng (2019). Ứng dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển giáo dục không phân biệt ở Đồng Tháp. Hội thảo khoa học quốc gia về giáo dục vùng Đồng bằng sông Cửu Long, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.
15. Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp (2024). Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đồng Tháp." Dthu.edu.vn. Truy cập ngày 29 tháng 10 năm 2024.
16. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp (2022). Báo cáo tình hình thực hiện giáo dục tại Đồng Tháp năm 2022. UBND tỉnh Đồng Tháp.
17. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp (2022). Báo cáo về giáo dục cho các nhóm yếu thế tại Đồng Tháp. UBND tỉnh Đồng Tháp.
18. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp. (2022,

- 2023). Báo cáo về công tác xóa mù chữ và nâng cao dân trí tại Đồng Tháp
19. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp (2023). Kế hoạch giáo dục văn hóa và thể thao trong trường học giai đoạn 2023-2025. Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp.
20. Tạp chí Tuyên giáo (2022). Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong tình hình mới
21. Tạp chí Tuyên giáo (2022). Phát triển văn hóa, thể dục thể thao và giáo dục cộng đồng tại Đồng Tháp: Thực trạng và giải pháp
22. Tạp chí Tuyên giáo (2023). Đồng Tháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
23. Tạp chí Tuyên giáo (2022). Đồng Tháp triển khai các chương trình nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh yếu thế.
24. Tạp chí Quản lý nhà nước (2023). Nâng cao hiệu quả hoạt động các trung tâm văn hóa – học tập cộng đồng ở tỉnh Đồng Tháp
25. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2024). Tăng cường phát triển hệ sinh thái giáo dục và giáo dục thường xuyên tại địa phương. Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp.
26. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2022). Chương trình phát triển các hoạt động ngoại khóa và giáo dục văn hóa trong các trường học tại tỉnh Đồng Tháp. Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp.
27. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2022). Chương trình hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật trong giáo dục tại tỉnh Đồng Tháp. Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp.
28. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2021). Kế hoạch 207/KH-UBND về đào tạo nghề nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025.
29. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2022). Kế hoạch 226/KH-UBND phát triển Giáo dục nghề nghiệp lao động Đồng Tháp.
30. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2022). Kế hoạch 267/KH-UBND 2022 về xây dựng Đề án phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thư viện Pháp luật
31. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2022). Kế hoạch 273/KH-UBND 2022 về xây dựng đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập và thường xuyên đến năm 2030. Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp
32. Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc (2023). Kế hoạch phát triển giáo dục và văn hóa giai đoạn 2023-2030 tại Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Cổng thông tin điện tử thành phố Sa Đéc.

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

✪ ThS. NGUYỄN THỊ ÁNH XUÂN
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên đang trở thành một trong những nhiệm vụ cấp thiết của hệ thống giáo dục trong bối cảnh xã hội hiện đại. Sự phát triển không ngừng của công nghệ và sự thay đổi nhanh chóng của xã hội đã đặt ra những thách thức mới trong việc định hình nhân cách, tư tưởng và giá trị sống của thế hệ trẻ. Bài viết này sẽ phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, lối sống và đề xuất các giải pháp tăng cường giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên nhằm giúp họ trở thành những công dân có trách nhiệm và sống tích cực trong xã hội.

Nội dung

Giáo dục đạo đức và lối sống là một phần quan trọng giúp học sinh, sinh viên phát triển toàn diện, đặc biệt khi họ đang chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố xã hội hiện đại như công nghệ, truyền thông, và sự đa dạng văn hóa. Việc tăng cường giáo dục đạo đức và

lối sống không chỉ giúp hình thành nhân cách tốt mà còn trang bị cho thế hệ trẻ những kỹ năng cần thiết để sống có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. Đây không chỉ là nền tảng cho một cá nhân có ý thức, có lòng nhân ái, và trung thực mà còn là yếu tố cần thiết để xây dựng một xã hội bền vững. Bên cạnh đó, các giá trị đạo đức như tôn trọng, trách nhiệm, yêu thương được nuôi dưỡng ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường giúp các em có thể phát triển hài hòa về nhân cách và lối sống.

Hệ thống giáo dục từ cấp tiểu học đến đại học đã có những chương trình, hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống được xây dựng và triển khai. Nhiều trường đã tổ chức các buổi sinh hoạt, hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, tinh thần tương thân tương ái, ý thức tôn trọng kỷ luật và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Một là, chương trình

giảng dạy chính thức: Hầu hết các trường học từ tiểu học đến trung học đều đã đưa giáo dục đạo đức vào chương trình học chính thức dưới dạng môn học như Đạo đức, Giáo dục công dân, hoặc lồng ghép vào các môn học khác như Lịch sử, Văn học. Các bài học nhấn mạnh đến các giá trị như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tính trung thực, kỷ luật, và trách nhiệm với gia đình, xã hội.

Hai là, các hoạt động ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống: Bên cạnh chương trình chính khóa, các trường học cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh. Các hoạt động như tham gia đội, đoàn, câu lạc bộ, các hoạt động từ thiện và tình nguyện giúp học sinh phát triển nhân cách và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.

Ba là, công tác giáo dục qua mô hình điểm: Một số trường học đã áp dụng thành công các mô hình giáo dục đạo

đức sáng tạo như "Trường học thân thiện, học sinh tích cực" và các chương trình phát triển kỹ năng sống, giúp học sinh ý thức hơn về trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

Tuy nhiên, việc giáo dục đạo đức, lối sống trong nhà trường vẫn còn mang tính hình thức và chưa thực sự tạo được ảnh hưởng sâu rộng. Nhiều học sinh, sinh viên thiếu ý thức về trách nhiệm xã hội, thiếu kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống và dễ bị ảnh hưởng bởi các giá trị tiêu cực từ môi trường bên ngoài.

Thứ nhất, tính hình thức trong giáo dục đạo đức: Dù giáo dục đạo đức được triển khai trên phạm vi rộng, song ở nhiều nơi, việc thực hiện còn mang tính hình thức, thiếu sự sâu sắc và hiệu quả. Nhiều giờ học đạo đức chỉ dừng lại ở việc truyền đạt lý thuyết mà chưa gắn với thực tiễn, khiến học sinh khó tiếp thu và áp dụng trong cuộc sống.

Thứ hai, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội: Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho con cái hoặc phó mặc hoàn toàn cho nhà trường. Sự thiếu phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội khiến cho việc giáo dục đạo đức, lối sống chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Thứ ba, tác động từ môi trường xã hội: Bên ngoài nhà trường, học sinh chịu tác động mạnh mẽ từ môi trường xã hội, bao gồm sự bùng nổ của internet và mạng xã hội. Những tác động này đôi khi trái ngược với những giá trị mà nhà trường muốn truyền tải, làm cho học sinh dễ bị lôi cuốn vào những xu hướng sống tiêu cực, lệch chuẩn.

Thứ tư, giáo viên thiếu kinh nghiệm và kỹ năng: Một số giáo viên chưa được đào tạo chuyên sâu về giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, dẫn đến việc thiếu tự tin khi giảng dạy các nội dung này. Điều này làm hạn chế sự sáng tạo và tính thực tiễn trong quá trình giảng dạy.

Do đó, tình trạng vi phạm đạo đức trong học sinh gia tăng các vấn đề đạo đức và lối sống tiêu cực, thiếu kỹ năng sống và giải quyết vấn đề. Theo số liệu từ giai đoạn 2022-2024, các vấn đề tiêu cực về đạo đức và lối sống trong học sinh, sinh viên Việt Nam đang có xu hướng gia tăng. Dưới đây là một số điểm đáng chú ý:

1) Bạo lực học đường. Trong những năm gần đây, bạo lực học đường vẫn là một vấn đề nhức nhối. Chỉ riêng năm học 2022-2023, theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, số vụ bạo lực học đường được ghi

nhận đã vượt quá 1.500 vụ, liên quan đến hơn 4.500 học sinh. Con số này phản ánh sự xuống cấp về đạo đức và thiếu kỹ năng kiểm soát cảm xúc trong một bộ phận không nhỏ học sinh.

2) Sử dụng chất kích thích và vi phạm pháp luật. Một báo cáo từ Bộ Công an cho thấy, trong năm 2023, số vụ vi phạm pháp luật liên quan đến học sinh, sinh viên (như sử dụng ma túy, trộm cắp, bạo lực) tiếp tục gia tăng. Cụ thể, gần 2.300 học sinh, sinh viên đã bị xử lý vì các hành vi vi phạm pháp luật.

3) Tình trạng gian lận trong học tập. Sự phát triển của công nghệ làm gia tăng tình trạng gian lận thi cử. Theo thống kê từ kỳ thi THPT quốc gia năm 2023, có hơn 200 trường hợp vi phạm liên quan đến gian lận bằng các thiết bị công nghệ cao

4) Sự ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội. Khảo sát năm 2022 cho thấy hơn 80% học sinh, sinh viên dành thời gian sử dụng mạng xã hội hàng ngày. Điều này đã dẫn đến sự xuất hiện của nhiều hành vi tiêu cực như sống ảo, thiếu tôn trọng người lớn, hay tham gia vào các trào lưu phản cảm

5) 90% sinh viên thiếu kỹ năng mềm và kỹ năng sống. Theo khảo sát của

CareerBuilder, hơn 90% sinh viên mới tốt nghiệp thiếu các kỹ năng mềm cơ bản như: giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, và giải quyết vấn đề. Điều này ảnh hưởng lớn đến khả năng tìm kiếm việc làm và thích ứng với môi trường công việc. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc hòa nhập vào văn hóa doanh nghiệp và phát triển sự nghiệp lâu dài

6) Thiếu kỹ năng giải quyết vấn đề trong học sinh THPT. Một báo cáo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022 cho thấy, nhiều học sinh THPT thiếu các kỹ năng giải quyết vấn đề và tự quản lý trong học tập. Phần lớn học sinh vẫn quen với phương pháp học thụ động, ít có cơ hội để rèn luyện khả năng tư duy phản biện, giải quyết tình huống thực tế và thiếu các kỹ năng thiết yếu trong cuộc sống, đặc biệt là trong môi trường xã hội thay đổi nhanh chóng hiện nay

7) Thiếu kỹ năng sống dẫn đến gia tăng hành vi tiêu cực. Theo Trung tâm Nghiên cứu Thanh niên, việc thiếu kỹ năng sống như kỹ năng tự bảo vệ, quản lý cảm xúc và làm chủ bản thân là một trong những nguyên nhân dẫn đến gia tăng các hành vi tiêu cực như bạo lực học đường, vi phạm quy tắc trong

trường học, và tham gia vào các hoạt động nguy hại trên mạng xã hội.

Tóm lại, những số liệu trên cho thấy sự cần thiết của việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức, kỹ năng, lối sống lành mạnh trong nhà trường nhằm giảm thiểu các hành vi tiêu cực trong học sinh, sinh viên. Những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên chủ yếu là:

Một là, ảnh hưởng của gia đình. Gia đình là nền tảng quan trọng trong việc hình thành nhân cách và định hướng giá trị sống cho học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, với nhịp sống hiện đại, nhiều gia đình không dành đủ thời gian và sự quan tâm cần thiết cho con cái.

Hai là, tác động của công nghệ và mạng xã hội. Sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội đã mở ra nhiều cơ hội học tập, nhưng cũng mang đến nhiều rủi ro như lối sống thực dụng, thiếu kiểm soát, lệch lạc về chuẩn mực đạo đức.

Ba là, vai trò của nhà trường. Nhà trường là nơi không chỉ cung cấp kiến thức mà còn là môi trường quan trọng để giáo dục đạo đức và lối sống. Tuy nhiên, việc này chưa được quan tâm đúng mức và cần có những phương

pháp tiếp cận mới để phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay.

Giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên là nền tảng trong việc xây dựng con người có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, những ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường mạng, sự thay đổi nhanh chóng của xã hội và sự cạnh tranh gay gắt trong học tập và công việc đã tạo nên nhiều thách thức trong việc duy trì và phát triển các giá trị đạo đức. Từ đó, đặt ra yêu cầu cấp thiết về các biện pháp để giáo dục đạo đức, lối sống một cách hiệu quả và thực tế. Một số giải pháp cơ bản kết hợp để thực hiện như:

1) Tăng cường vai trò của gia đình trong giáo dục đạo đức, lối sống

Gia đình là nền tảng đầu tiên và quan trọng nhất trong việc giáo dục đạo đức. Bố mẹ cần đóng vai trò như những hình mẫu về đạo đức và lối sống. Cần tổ chức các buổi thảo luận, hội thảo cho phụ huynh về vai trò của giáo dục đạo đức trong gia đình, đồng thời hướng dẫn cha mẹ cách thức giao tiếp và dạy bảo con em về các giá trị đạo đức.

2) Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống trong trường học

Tăng cường các môn

học về đạo đức, lối sống trong chương trình giảng dạy, giúp học sinh, sinh viên hiểu sâu hơn về các giá trị truyền thống và hiện đại. Sử dụng các phương pháp giáo dục tương tác, thực tế như đóng vai, diễn đàn, câu chuyện đạo đức, giúp học sinh, sinh viên có trải nghiệm và hiểu sâu hơn về lối sống, cách cư xử đúng mực. Đưa ra các hoạt động ngoại khóa và câu lạc bộ về giá trị sống, tạo cơ hội để học sinh, sinh viên có thể trao đổi, học hỏi và hình thành lối sống lành mạnh.

3) Phát huy vai trò của truyền thông trong giáo dục đạo đức, lối sống

Truyền thông có thể là công cụ hữu ích trong việc lan tỏa các giá trị đạo đức. Cần có sự hợp tác giữa nhà trường và các phương tiện truyền thông để xây dựng các chương trình giáo dục bổ ích, nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên. Tận dụng các nền tảng mạng xã hội để tổ chức các buổi chia sẻ, bài viết, video về các chủ đề đạo đức, giúp học sinh, sinh viên dễ dàng tiếp cận.

4) Đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên

Giáo viên là người trực tiếp truyền tải kiến thức và giá trị sống đến học sinh, sinh viên. Việc đào tạo, nâng cao kỹ năng giáo dục đạo đức

cho giáo viên là cần thiết. Cần tổ chức các khóa tập huấn thường xuyên cho giáo viên về phương pháp giáo dục đạo đức, đồng thời trang bị kỹ năng xử lý tình huống đạo đức.

5) Xây dựng môi trường học tập lành mạnh

Tạo một môi trường học tập tích cực và lành mạnh là cách giúp học sinh, sinh viên tự phát triển các giá trị đạo đức. Xây dựng văn hóa học đường thân thiện, công bằng, không có bạo lực học đường và tôn trọng lẫn nhau giữa học sinh và giáo viên.

6) Thúc đẩy vai trò của các tổ chức Đoàn, Hội trong giáo dục đạo đức, lối sống

Đoàn Thanh niên và các tổ chức xã hội có thể tạo nhiều hoạt động ý nghĩa giúp học sinh, sinh viên hiểu và thực hành đạo đức trong cuộc sống. Các chương trình tình nguyện, hoạt động xã hội không chỉ giúp phát triển kỹ năng mà còn thúc đẩy ý thức trách nhiệm cộng đồng.

Kết luận

Việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên là nhiệm vụ không của riêng gia đình, nhà trường hay xã hội, mà là sự kết hợp của cả ba yếu tố này. Những giải pháp được đưa ra trên đây cần được thực hiện đồng bộ để

tạo nên một môi trường lành mạnh giúp các em hình thành nhân cách tốt đẹp. Đây cũng là tiền đề quan trọng để xây dựng một xã hội phát triển bền vững và nhân văn.

Giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên trong bối cảnh xã hội hiện đại là một nhiệm vụ đầy thách thức nhưng cũng rất quan trọng. Để đạt được kết quả tốt, cần có sự nỗ lực từ nhiều phía, bao gồm gia đình, nhà trường và xã hội. Việc áp dụng các phương pháp giáo dục linh hoạt, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và tăng cường các hoạt động ngoại khóa sẽ giúp học sinh, sinh viên rèn luyện, phát triển nhân cách toàn diện, trở thành những công dân có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Chương trình giáo dục đạo đức và lối sống trong nhà trường phổ thông. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). Báo cáo về tình hình bạo lực học đường năm học 2022-2023. Truy cập từ trang web Bộ Giáo dục và Đào tạo: <https://moet.gov.vn>
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- (2022). **Báo cáo về thực trạng kỹ năng sống của học sinh THPT tại Việt Nam. Truy cập từ Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam:** <https://moet.gov.vn>
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). Hướng dẫn giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). Thống kê vi phạm quy chế thi trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2023. Truy cập từ: <https://moet.gov.vn>
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Báo cáo về tình hình bạo lực học đường và vi phạm quy chế thi cử trong các năm học 2022-2023, 2023-2024.
7. Bộ Công an. (2023). Báo cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến học sinh, sinh viên năm 2023. Cục An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. Truy cập từ: <https://mps.gov.vn>
8. Bộ Công an - Báo cáo về tình hình vi phạm pháp luật của học sinh, sinh viên năm 2023.
9. CareerBuilder Việt Nam. (2022). **Khảo sát thực trạng thiếu kỹ năng mềm ở sinh viên mới tốt nghiệp tại Việt Nam.** CareerBuilder Việt Nam. Truy cập từ: <https://careerbuilder.vn>
10. Hoàng Tuấn. (2021). Giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Tạp chí Giáo dục và Xã hội.
11. Lê Thị Bích. (2019). Giáo dục đạo đức và lối sống cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
12. Khảo sát từ Viện Nghiên cứu Giáo dục năm 2022 - Nghiên cứu về ảnh hưởng của mạng xã hội đối với hành vi đạo đức và lối sống của học sinh, sinh viên Việt Nam.
13. Nguyễn Văn An. (2020). Vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh. Tạp chí Giáo dục, số 105.
14. Nguyễn Văn An, Trần Thị Bình. (2022). Vai trò của gia đình trong giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông. Tạp chí Khoa học Giáo dục.
15. Phạm Thị Chi. (2020). Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức học sinh trung học phổ thông. NXB Giáo dục.
16. Trần Văn Dũng. (2019). Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
17. Trần Văn Cường. (2022). Ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống của thanh thiếu niên Việt Nam. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 87.
18. Trung tâm Nghiên cứu Thanh niên. (2020). Báo cáo nghiên cứu về lối sống thực dụng và lệch chuẩn ở thanh niên Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
19. Trung tâm Nghiên cứu Thanh niên. (2023). **Báo cáo về ảnh hưởng của thiếu kỹ năng sống đến hành vi tiêu cực trong học sinh, sinh viên.** Hà Nội: Nhà xuất bản Thanh niên
20. Viện Nghiên cứu Giáo dục. (2022). Khảo sát về ảnh hưởng của mạng xã hội đến hành vi đạo đức và lối sống của học sinh, sinh viên Việt Nam. Nghiên cứu công bố bởi Viện Nghiên cứu Giáo dục, Hà Nội.

MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

✦ ThS. TRẦN THUỶ HÀ PHƯƠNG

UBND xã Mỹ An Hưng B, H.Lấp Vò

Tóm tắt

Bài viết đánh giá tổng quan việc sử dụng NLD cao tuổi ở Việt Nam, đồng thời chỉ ra những bất cập của pháp luật về người lao động (NLD) cao tuổi và một số vấn đề liên quan. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích dành cho NLD cao tuổi dựa trên viễn cảnh chất lượng cuộc sống hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới và đã chính thức bước vào giai đoạn này từ năm 2011, với hơn 10 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 11% dân số.

Trong đó, số người từ 80 tuổi trở lên đạt 2 triệu. Dự báo đến năm 2030, tỷ lệ người cao tuổi sẽ chiếm 18% dân số và đến năm 2050 sẽ tăng lên 26%. Là một quốc gia đang phát triển với mức thu nhập bình quân đầu người còn hạn chế, Việt Nam cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và triển khai các chiến lược, chính sách phù hợp để thích ứng với quá trình già hóa dân số. Đặc biệt, cần xây dựng các giải pháp và chính sách an sinh xã hội dành riêng cho NLD cao tuổi⁶¹.

Theo đánh giá của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), các nội dung về lao động tại Bộ luật Lao động hiện hành của Việt Nam là những quy định tiến bộ so với các quốc gia trong khu vực. Những quy định điều chỉnh việc sử dụng lao động là người cao tuổi đã được các doanh nghiệp,

tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh⁶². Tuy nhiên, một số quy định của Bộ luật Lao động 2019 (BLLĐ 2019) cần được xem xét, sửa đổi trong thời gian tới nhằm đảm bảo tốt nhất quyền lợi của NLD cao tuổi.

2. Bất cập trong quy định pháp luật về người lao động cao tuổi

Thứ nhất, về khái niệm “người lao động cao tuổi”

Ở Việt Nam, hiện nay các quy định về “người cao tuổi”, “tuổi nghỉ hưu”, “người lao động cao tuổi” chưa thống nhất trong các văn bản pháp luật. Theo quy định tại Điều 2, Luật Người cao tuổi 2009, người cao tuổi là công dân Việt Nam từ 60 tuổi trở lên. Mặt khác, quy định tại Điều 148 BLLĐ 2019, NLD cao tuổi là người tiếp tục lao

⁶¹ Trần Đức Thắng (2020), “Người lao động cao tuổi - Góc nhìn từ khía cạnh pháp lý”, Tạp chí Công thương, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nguoi-lao-dong-cao-tuoi-goc-nhin-tu-khia-can-phap-ly-68409.htm>, truy cập ngày 28/8/2024.

⁶² Nguyễn Trọng Quý, Trần Đức Thắng (2020), “Người lao động cao tuổi ở Việt Nam - Tiếp cận từ những bất cập, hạn chế”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, <https://danchuphapluat.vn/nguoi-lao-dong-cao-tuoi-o-viet-nam-tiep-can-tu-nhung-bat-cap-han-che>, truy cập ngày 10/01/2025.

động, làm việc sau độ tuổi nghỉ hưu.

Về tuổi nghỉ hưu, tại Điều 169 BLLĐ 2019 và Nghị định 135/2020/NĐ-CP quy định rõ tuổi nghỉ hưu của NLD trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của NLD trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ. Tại Điều 5 của Nghị định 135/2020/NĐ-CP cũng nêu rõ, trong trường hợp NLD bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định về tuổi nghỉ hưu tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Theo khoản 4, Điều 169 BLLĐ 2019, NLD có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn

nhưng không quá 05 tuổi so với quy định về tuổi nghỉ hưu tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Như vậy, một câu hỏi được đặt ra là nhóm NLD nghỉ hưu trước tuổi hoặc nhóm NLD được kéo dài thời gian làm việc hay nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì có được xem là NLD cao tuổi hay không?

Thứ hai, về hợp đồng lao động đối với người cao tuổi

Pháp luật hiện nay quy định chưa rõ ràng về nội dung và hình thức hợp đồng lao động đối với NLD cao tuổi. Đây là một thiếu sót mà BLLĐ 2019 cần xem xét. Về nội dung hợp đồng, trên thực tế, không phải lúc nào NLD cao tuổi cũng được giao phụ trách những công việc cụ thể. Mặt khác, trong quá trình làm việc, NLD cao tuổi còn có thể bị điều chuyển địa điểm, vị trí công việc hoặc phải làm nhiều công việc khác nhau. Điều này dẫn đến sự không minh bạch về chế độ làm việc đặc thù đối với NLD cao tuổi như tính chất công việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, chế độ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

Thứ ba, về chế độ công việc dành cho NLD cao tuổi.

Tại khoản 2 Điều 148

BLLĐ 2019 quy định NLD cao tuổi có quyền thỏa thuận với người sử dụng lao động về việc rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian. Trên thực tế, NLD cao tuổi vẫn phải chịu sự quản lý, sắp xếp công việc từ bộ phận khác. Quy định trên cũng không thể hiện rõ ràng thời giờ làm việc được rút ngắn tối thiểu và tối đa là bao nhiêu. Điều này dẫn việc không ít NLD cao tuổi vẫn phải làm việc như NLD bình thường. Như vậy, với những quy định như hiện nay, pháp luật chưa có sự bảo vệ chặt chẽ về chế độ công việc dành cho NLD cao tuổi.

Nhìn chung, người cao tuổi ở nước ta vẫn đang góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước, họ vẫn được trọng dụng ở thị trường lao động, nhất là những vị trí có yêu cầu cao về số năm kinh nghiệm. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NLD cao tuổi, pháp luật lao động cần điều chỉnh những bất cập, chồng chéo và thiếu đồng bộ từ các quy định nêu trên.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Sau hơn bốn năm thi hành, BLLĐ 2019 đã đi vào đời sống và tạo ra những thay đổi mạnh mẽ không chỉ

về mặt pháp luật mà còn góp phần ổn định trật tự xã hội, tái cấu trúc thị trường lao động Việt Nam sau đại dịch Covid-19. Song, tỉ lệ NLD cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế ở nước ta ngày càng cao, do đó, để đảm bảo hơn nữa quyền lợi của NLD cao tuổi, tác giả có một vài kiến nghị sau đây:

Thứ nhất, pháp luật cần quy định rõ khái niệm “người lao động cao tuổi” bằng những tiêu chí cụ thể. Bởi đây là một đối tượng đặc biệt trong quan hệ lao động, họ là những người đang tiếp tục làm việc, cống hiến sức lao động của mình ở nhiều khía cạnh khác nhau. Cũng cần tách biệt khái niệm “người lao động cao tuổi” và độ tuổi nghỉ hưu bởi đối tượng và mục đích điều chỉnh của hai khái niệm này là khác nhau. Theo đó, tuổi nghỉ hưu được sử dụng để xác định các chế độ hưu trí, còn nội hàm “người lao động cao tuổi” nhằm nhận dạng được đối tượng lao động để xác định các chế độ làm việc phù hợp. Chỉ khi làm rõ khái niệm này, pháp luật mới có đủ cơ sở để xây dựng các quy định có liên quan khác nhằm bảo vệ tối ưu quyền lợi của NLD cao tuổi.

Thứ hai, sửa đổi một số quy định về nội dung và

hình thức của hợp đồng lao động. Thực chất, hợp đồng lao động đối với NLD cao tuổi vẫn bao gồm những nội dung tương tự với hợp đồng lao động thông thường. Bởi trong quan hệ lao động này cũng bao gồm sự cung ứng một công việc, có sự trả công dưới dạng tiền lương, có sự ràng buộc về mặt pháp lý. Tuy nhiên, với đối tượng là người cao tuổi, pháp luật cần có những quy định chặt chẽ hơn, nhằm đảm bảo quyền lợi cho NLD cao tuổi và hạn chế rủi ro, tranh chấp phát sinh ở mức thấp nhất.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định về chế độ làm việc dành cho NLD cao tuổi. Pháp luật cho phép được sử dụng NLD cao tuổi nhưng nhìn một cách tổng quan, họ vẫn là những người có sức khỏe không còn đảm bảo tốt nhất như NLD trẻ. Do đó, bên cạnh việc tạo cơ hội việc làm, pháp luật cần bổ sung những quy định hướng dẫn cụ thể về chế độ làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho NLD cao tuổi.

Ngoài ra, hoàn thiện pháp luật về NLD cao tuổi không chỉ dừng lại ở việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, mà còn phải xem xét đến các chế độ về an sinh xã hội tối ưu nhất cho NLD cao tuổi. Nhà

nước nên quan tâm đặc biệt, mở rộng cơ hội cho NLD cao tuổi thông qua các phương tiện dễ dàng kết nối. Đồng thời, cũng cần có chế độ giám sát, kiểm soát chặt chẽ đối với người sử dụng lao động khi có NLD cao tuổi tại doanh nghiệp mình.

4. Kết luận

Nhìn chung, NLD cao tuổi với kinh nghiệm được tích lũy trong quá trình lao động, họ đã mang lại những đóng góp to lớn cho đời sống xã hội về mọi mặt. Với những giá trị kể trên, có thể xem đây là một chủ thể đặc biệt trong quan hệ lao động cần được pháp luật quan tâm và bảo vệ cao nhất. Không thể phủ nhận những điểm mới hiệu quả mà BLLĐ 2019 mang lại, dần đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động hợp pháp, mở ra nhiều tiềm năng cũng như cơ hội mới cho các bên trong quan hệ lao động. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường tính minh bạch, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước, hệ thống pháp luật cần lưu tâm hơn nữa trước những bất cập nêu trên. Việc hoàn thiện pháp luật về NLD cao tuổi không chỉ có ý nghĩa trên phương diện lý luận mà còn góp phần đảm bảo tương tích, phù hợp với pháp luật quốc tế trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản quy phạm pháp luật:

1. Quốc hội (2019), *Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14*, Hà Nội;
2. Quốc hội (2009), *Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12*, Hà Nội;
3. Chính phủ (2020), *Nghị định số 135/2020/NĐ-CP*, Hà Nội.

B. Tài liệu điện tử

4. Nguyễn Trọng Quý, Trần Đức Thắng (2020), “Người lao động cao tuổi ở Việt Nam - Tiếp cận từ những bất cập, hạn chế”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, <https://danchuphapluat.vn/nguoi-lao-dong-cao-tuoi-o-viet-nam-tiep-can-tu-nhung-bat-cap-han-che>, truy cập ngày 10/01/2025;
5. Trần Đức Thắng (2020), “Người lao động cao tuổi - Góc nhìn từ khía cạnh pháp lý”, *Tạp chí Công thương*, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nguoi-lao-dong-cao-tuoi-goc-nhin-tu-khia-can-phap-ly-68409.htm>, truy cập ngày 28/8/2024.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÔNG QUA MÔ HÌNH “12345” TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG AN HÒA, THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

✦ CN. NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Tóm tắt

Mô hình “12345” được thực hiện tại phường An Hòa, thành phố Sa Đéc từ tháng 4/2024, với mục tiêu hướng đến việc hoàn thiện tính chất và chất lượng của hoạt động triển khai thủ tục hành chính (TTHC) và cán bộ, viên chức trên địa bàn phường. Bước đầu, mô hình đã cho thấy được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động cải cách TTHC, mang đến những sự chuyển biến tích cực cả về chất và lượng trong hoạt động hành chính của phường An Hòa, hướng đến góp phần mang đến nhiều sự thuận tiện và gia tăng mức độ hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính công trong thời gian vừa qua.

1. Đặt vấn đề

Trong thời gian qua, hoạt động cải cách TTHC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, được các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nói chung và thành phố Sa Đéc nói riêng quan tâm và chú trọng thực hiện, với nhiều cách thức và mô hình mang lại hiệu quả trong công tác cải cách TTHC. Trong số các mô hình mới nhằm phục vụ người dân trong việc tham gia hoạt động hành chính công trong thời gian qua tại thành phố Sa Đéc, có thể đề cập đến Mô hình “12345” do phường An

Hòa xây dựng và triển khai từ tháng 04/2024, bước đầu đã gặt hái được những kết quả khả quan trong công tác cải cách TTHC đến sự kịp thời, minh bạch và tiết kiệm. Trong bài viết này, tác giả cung cấp các thông tin liên quan đến Mô hình “12345” đang được triển khai trên địa bàn phường An Hòa, thành phố Sa Đéc và cùng với đó đưa ra một số đề xuất góp phần nâng cao chất lượng của mô hình này trong quá trình áp dụng thực tiễn.

2. Nội dung

Thực hiện Quyết định

số 1390/QĐ-UBND-HC ngày 11/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình cải cách hành chính với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ nhân dân giai đoạn 2021 - 2026; Kế hoạch số 389/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đồng Tháp năm 2024. Từ đó, Thành phố Sa Đéc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của UBND thành phố Sa Đéc giai đoạn 2021 – 2030; UBND phường An Hòa

ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024. Tính đến năm 2024, thực hiện theo nội dung tại Công văn số 153/UBND-HC ngày 16/02/2024 của UBND Thành phố Sa Đéc về việc đăng ký sáng kiến, giải pháp mới trong công tác cải cách hành chính năm 2024, UBND phường An Hòa đã tiến hành đăng ký 03 mô hình, trong đó có Mô hình “12345” với mục đích hướng đến nhằm nâng cao các chỉ số đánh giá trong công tác cải cách hành chính và sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp tại địa phương, thực hiện trên phạm vi địa bàn phường An Hòa, thành phố Sa Đéc.

Mô hình “12345” là mô hình cải cách hành chính mới trong năm 2024, hướng đến việc phục vụ người dân và doanh nghiệp một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm được thời gian và công sức đi lại, từ đó xây dựng chính quyền thật sự thân thiện. Mô hình “12345” được giải thích là: 1 quy trình giải quyết TTHC; Nhanh gấp 2 lần; 30 phút thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC; Mô hình được triển khai vào **sáng thứ Tư (4)** hàng tuần (lưu động, trực tiếp, luân phiên thực hiện tại 04 khóm trên địa bàn phường bao gồm: tuần 1 khóm Tân Bình, tuần 2 khóm Tân An,

tuần 3 khóm Tân Hòa, tuần 4 khóm Tân Thuận) lãnh đạo và công chức chuyên môn sẽ nhận và trả kết quả tại chỗ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các TTHC; Với tiêu chí 5 tại chỗ: hướng dẫn tại chỗ, tiếp nhận tại chỗ, giải quyết tại chỗ, trả kết quả tại chỗ, đánh giá tại chỗ.

Ngoài ra, mô hình kể trên sẽ được tiến hành trung khung thời gian giải quyết TTHC từ 08 giờ đến 11 giờ. Lịch thực hiện TTHC sẽ được niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường và tại Trụ sở các khóm; đồng thời thông báo rộng rãi trên Trang thông tin điện tử, Fanpage, Zalo và sóng phát thanh địa phương để người dân được tiếp cận với nội dung của mô hình. Trong thời gian ban đầu triển khai, mô hình này sẽ tiếp nhận và trả kết quả cho các thủ tục bao gồm: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được); Cấp Bản sao trích lục hộ tịch (cấp xã); Đăng ký kết

hôn trong nước; Xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp theo Điều 3 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó, còn hướng dẫn thực hiện: tạo và kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID, đăng ký chứng thư số, nộp và tra cứu hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, tiếp nhận một số các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Về quy chế hoạt động làm việc của Mô hình “12345”, UBND phường An Hòa tiến hành thành lập Ban điều hành mô hình bao gồm trưởng ban, phó ban và các thành viên, có sự phân công trách nhiệm và nhiệm vụ công tác minh bạch. Ban điều hành mô hình sẽ tiến hành họp định kỳ 01 lần/tháng vào ngày thứ 6 của tuần cuối tháng, để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban điều hành, đồng thời, đánh giá kết quả hoạt động và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong triển khai các hoạt động của mô hình hoặc họp đột xuất theo triệu tập của Trưởng ban.

Trên cơ sở báo cáo kết

quả triển khai thực hiện các mô hình cải cách hành chính 09 tháng đầu năm 2024. Mô hình “12345” qua đó góp phần hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đến giao dịch các TTHC, cũng như giảm tải áp lực tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả phường. Từ khi chính thức triển khai hoạt động (Tháng 5/2024) đến thời điểm tổng hợp báo cáo (Tháng 9/2024), Mô hình “12345” đã tiếp nhận và trả kết quả tại chỗ cho 41 hồ sơ (trong đó có 32 hồ sơ Chứng thực, 03 hồ sơ Bảo trợ xã hội, 05 hồ sơ Hộ tịch, 01 hồ sơ Đăng ký thường trú); ngoài ra, công chức chuyên môn còn hướng dẫn người dân cách nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu TTHC, 15 lượt tư vấn một số vấn đề pháp lý và 03 lượt cài đặt tài khoản VNeID cho người dân.

Mặc dù Mô hình “12345” đã mang lại những kết quả tích cực ban đầu trong cải cách TTHC tại phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, nhưng trong quá trình triển khai thực tế, vẫn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, về nguồn nhân lực

Mô hình “12345” đòi hỏi sự tham gia của đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn cao, thái độ tận tâm và khả năng xử

lý công việc nhanh chóng. Tuy nhiên, với đặc thù của chính quyền địa phương, số lượng cán bộ có thể tham gia vào mô hình vẫn còn hạn chế, dẫn đến tình trạng quá tải công việc trong một số khung giờ cao điểm, từ đó kết quả xử lý nhiều hồ sơ lại phải nhờ người dân trở lại phường thay vì đến trực tiếp tại địa bàn khóm để nhận kết quả. Ngoài ra, việc phải di chuyển đến các khóm để triển khai mô hình có thể gây áp lực về thời gian và sức lực đối với đội ngũ cán bộ thực hiện.

Thứ hai, về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ

Việc triển khai mô hình tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn phường đòi hỏi hạ tầng công nghệ thông tin tốt để đảm bảo việc xử lý hồ sơ nhanh chóng và chính xác. Tuy nhiên, một số địa điểm có thể chưa đáp ứng được yêu cầu về trang thiết bị như máy tính, máy in, kết nối internet ổn định, dẫn đến việc giải quyết hồ sơ chưa thực sự trơn tru.

Thứ ba, về nhận thức và thói quen của người dân

Một bộ phận người dân vẫn có thói quen đến trực tiếp UBND phường để giải quyết TTHC thay vì tiếp cận các dịch vụ lưu động theo Mô hình “12345”. Điều này đòi

hỏi công tác tuyên truyền phải được đẩy mạnh hơn nữa để người dân hiểu rõ về lợi ích và cách thức hoạt động của mô hình, từ đó thay đổi thói quen và hưởng ứng tích cực hơn.

Thứ tư, về phạm vi mở rộng mô hình

Hiện tại, mô hình mới chỉ triển khai trên địa bàn phường An Hòa với phạm vi thực hiện giới hạn ở các thủ tục cơ bản và khóm, phường nhất định. Việc mở rộng mô hình để áp dụng cho nhiều loại thủ tục hơn hoặc nhân rộng ra các khóm khác trong thành phố sẽ gặp khó khăn về nguồn lực, kinh phí cũng như yêu cầu điều chỉnh quy trình phù hợp với đặc thù từng địa phương.

Thứ năm, cơ chế giám sát và đánh giá chưa thật sự hiệu quả

Hiện tại, việc đánh giá hiệu quả của mô hình chủ yếu dựa trên số lượng hồ sơ đã giải quyết và mức độ hài lòng của người dân. Tuy nhiên, cần có các chỉ số đánh giá chi tiết hơn để đo lường hiệu quả thực tế, chẳng hạn như thời gian trung bình giải quyết mỗi hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ phải xử lý lại, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình triển khai...

Trên cơ sở các kết quả ban đầu đã thu được trong

thời gian ngắn triển khai Mô hình “12345”, có thể nhận thấy hoạt động TTHC trên địa bàn phường An Hòa đã có những bước chuyển mới tích cực, tạo hiệu ứng lan tỏa cho hoạt động cải cách TTHC tại địa phương. Trên cơ sở khách quan và chủ quan nhìn nhận được từ nội dung và kết quả thực hiện Mô hình “12345”, tác giả đưa ra một số đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả triển khai trên thực tế như sau:

Một là, tiếp tục định hướng hoạt động cải cách TTHC lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Mục tiêu chính là cải thiện sự phục vụ và nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp với các dịch vụ công tại địa phương. Điều này có thể đạt được thông qua việc tiếp thu ý kiến phản hồi từ người dân và điều chỉnh dịch vụ cho phù hợp, lấy các chủ thể này làm trung tâm để xây dựng quy trình, tiếp nhận phản ánh. Từ đó, địa phương có thể có thêm nhiều cơ sở để hoàn thiện và phát triển hoạt động cải cách TTHC.

Hai là, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện phân công giải quyết TTHC. Nếu như nhận định vai trò trung tâm của cải cách TTHC nói chung và

cách làm của Mô hình “12345” nói riêng là người dân, doanh nghiệp. Thì chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chính là nguồn năng lượng quan trọng, có tác động trực tiếp để vận hành các hoạt động hành chính xoay quanh chủ thể trung tâm. Nếu chất lượng về chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ không được nâng cao, thái độ ứng xử không phù hợp sẽ rất dễ dẫn đến sự trì trệ của mô hình, sự hưởng ứng không cao từ người dân và doanh nghiệp. Vì vậy, Ban điều hành mô hình cần chủ động tham mưu cấp lãnh đạo, cần thiết xây dựng các chương trình tập huấn nghiệp vụ, học tập cách làm, quy trình hay trong và ngoài địa phương, để nâng cao chất lượng đội ngũ. Thực tiễn phát triển các buổi vận động, tuyên truyền về Mô hình “12345” để cán bộ xử lý hồ sơ hành chính có thể trực tiếp trao đổi với người dân, doanh nghiệp để nâng cao khả năng giao tiếp và nắm vững nghiệp vụ của mô hình, cải thiện và rút kinh nghiệm được cho quy trình làm việc.

Ba là, tăng thời gian xử lý, giải quyết hồ sơ hành chính thành cả buổi chiều của ngày thứ 4 hàng tuần, từ 14 giờ - 16 giờ, hướng đến tăng số ngày thực hiện trong tuần. Trên cơ

sở đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản, nghiệp vụ vững vàng, thái độ tích cực, việc gia tăng số giờ và số ngày của mô hình sẽ góp phần tăng cường sự linh hoạt và tiện lợi của mô hình, để người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận trực tiếp với TTHC mà không phải tốn nhiều thời gian và công sức di chuyển, giúp Mô hình “12345” hoạt động hiệu quả, hiệu lực, hiệu năng.

Bốn là, kết hợp linh hoạt, nghiêm túc, thường xuyên các hoạt động đánh giá, giám sát và báo cáo thực hiện Mô hình “12345”. Hoạt động đánh giá mô hình cần được thực hiện bằng nhiều hình thức trực tuyến, trực tiếp để tiếp thu tối đa các ý kiến đánh giá từ người dân, doanh nghiệp trong quá trình vận hành mô hình. Định kỳ hằng tháng công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, cũng như nội dung giám sát, báo cáo kết quả thực hiện mô hình một cách rộng rãi. Việc kết hợp linh hoạt, nghiêm túc và thường xuyên các hoạt động trên sẽ giúp cải cách TTHC đạt được các mục tiêu như giảm thiểu phiền hà, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, và tăng sự hài lòng của người dân.

3. Kết luận

Mô hình “12345” ra đời trên cơ sở đề xuất của UBND

phường An Hòa, thành phố Sa Đéc đã phần nào góp phần tích cực vào quá trình phục vụ người dân trong lĩnh vực hành chính công, cũng như công tác cải cách TTHC tại địa phương. Mô hình trên thể hiện cách làm nhất quán, nghiêm túc, chủ động của địa phương theo tinh thần chỉ đạo của các cấp lãnh đạo trong việc thực hiện cải cách TTHC trong tình hình hiện nay. Bên cạnh đó, mô hình cũng cần phải tiếp tục duy trì và phát triển nhân rộng về quy mô, sự ảnh hưởng đến

các chủ thể, để mô hình ngày một thể hiện được vai trò của mình, tránh hình thức, theo đợt phát động.

Danh mục tài liệu tham khảo

Kế hoạch số 368/KH-UBND của UBND phường An Hòa ngày 29/03/2024 về thực hiện mô hình cải cách hành chính trên địa bàn phường An Hòa, thành phố Sa Đéc.

Quyết định số 113/QĐ-UBND của UBND phường An Hòa ngày 05/04/2024 về

việc thành lập Ban điều hành Mô hình “12345”.

Quyết định số 116/QĐ-UBND của UBND phường An Hòa ngày 08/04/2024 ban hành Quy chế hoạt động của Ban điều hành Mô hình “12345”.

Công văn số 1143/UBND-VP của UBND phường An Hòa ngày 04/09/2024 về việc báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến, mô hình, cách làm hay trong công tác cải cách hành chính 09 tháng đầu năm 2024.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO CỦA CHI ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

★ CHI ĐOÀN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Tóm tắt

Chi đoàn là tế bào cơ bản trong sự tồn tại và phát triển của tổ chức đoàn thanh niên, là nền tảng đoàn kết, tập hợp, giáo dục và rèn luyện thanh niên, là người đại diện bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của đoàn viên thanh niên. Thời gian qua, bên cạnh những thuận lợi, ưu điểm thì hoạt động phong trào của Chi đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Do đó cần quan tâm một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phong trào của Chi đoàn Trường.

Đặt vấn đề.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm ra việc để chuẩn bị cái tương lai đó”⁶³. Như vậy, tiềm năng của thanh niên là vô cùng to lớn và việc chăm lo, bồi dưỡng, phát huy nhằm tạo ra thế hệ cách mạng cho đời sau đáp ứng yêu cầu mới là vấn đề có ý nghĩa chiến lược.

Để thực hiện điều đó, tổ chức đoàn phải tạo môi trường để đoàn viên, thanh niên rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành. Việc tôi luyện, thử thách đoàn viên, thanh niên được thực hiện thông qua nhiều hoạt động khác nhau, trong đó, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ, các chương trình đồng hành, hỗ trợ thanh niên là một trong những hoạt động và biện pháp trung tâm nhằm giáo dục, rèn luyện để đoàn viên, thanh niên phấn đấu và trưởng thành về mọi mặt.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của đoàn viên, Đảng ủy,

Ban Giám hiệu Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp rất quan tâm đến công tác đoàn và phong trào thanh niên, xem đây là lực lượng quan trọng, có nhiều tiềm năng cần được giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng nhằm đào tạo đội ngũ kế cận trong tương lai, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Nội dung

Hiện nay, Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp gồm có 06 đoàn viên, trong đó 06/06 đoàn viên là đảng viên đang tham gia sinh hoạt Đoàn. Nhìn chung, các đoàn viên đều có trình

⁶³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tập 5, tr.216

độ chuyên môn từ đại học trở lên, được đào tạo chính quy, năng lực làm việc tốt và phẩm chất, đạo đức, chính trị vững vàng. Phát huy truyền thống của Chi đoàn Trường, thực hiện Chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Đoàn khối các cơ quan tỉnh Đồng Tháp, Chi đoàn đã tổ chức, triển khai 03 phong trào hành động cách mạng, đó là: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” và 03 chương trình đồng hành với thanh niên: “Đồng hành với thanh niên trong học tập”, “Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp”, “Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần” phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và đạt nhiều kết quả tích cực.

Thứ nhất, đối với phong trào hành động cách mạng

Phong trào “Thanh niên tình nguyện” được Chi đoàn triển khai và thực hiện thông qua các hoạt động cụ thể như: tổ chức các hoạt động về nguồn, các hoạt động thăm tặng quà. Tham gia ủng hộ các loại quỹ “vì người nghèo”, “tiếp sức đến trường”, “đền ơn đáp nghĩa”, tham gia quyên góp cùng cả

nước chung tay trong phòng, chống thiên tai, cử đoàn viên tham gia các phong trào an sinh xã hội do Đoàn cấp trên và Đảng uỷ, Công đoàn Trường tổ chức. Tổ chức các hoạt động Xuân tình nguyện, Tháng thanh niên, Mùa hè xanh hàng năm... Những hoạt động trên đều được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, thể hiện tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm của đoàn viên đối với cộng đồng. Qua đó, giúp đoàn viên được rèn luyện, trải nghiệm, học tập được các kỹ năng xã hội, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng.

Phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” cũng được Chi đoàn đẩy mạnh quan tâm và tổ chức thực hiện thông qua các hoạt động như: tham gia viết bài trên các website; bài tham luận hội thảo khoa học, tọa đàm; Thông tin lý luận và thực tiễn của nhà trường. Tham gia trực trực tuyến tại cơ quan nhân các dịp lễ Tết. Tích cực nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào trong công tác, đặc biệt là sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 1. Đồng thời, đoàn viên phần lớn là giảng viên, thông

qua hoạt động giảng dạy đã góp phần tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ hai, đối với chương trình đồng hành với thanh niên

Chương trình “Đồng hành với thanh niên trong học tập” được Chi đoàn thực hiện khá hiệu quả. Chi đoàn luôn tạo điều kiện tốt nhất để đoàn viên được học tập nâng cao trình độ về mọi mặt. Hiện Chi đoàn có 06/06 đồng chí trình độ thạc sĩ, 01 đồng chí đang tham gia nghiên cứu sinh, 04/06 đồng chí có trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Chi đoàn Trường tiếp tục phát huy vai trò của mình trong việc hướng dẫn, giúp đỡ cho đoàn viên nghiên cứu, trao đổi về kiến thức lý luận chính trị, các vấn đề mang tính chất thời sự, chuyên môn, học tập và những vấn đề liên quan đến hoạt động của chi đoàn.

Chương trình “Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần” cũng được Chi đoàn tổ chức triển khai. Đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động thể thao do tổ chức Đoàn các cấp, do nhà trường, các đoàn

thể phát động và tổ chức. Đoàn viên còn tham gia câu lạc bộ bóng đá nam, bóng chuyền hơi nữ, tập yoga, tham gia các hoạt động thi hát karaoke, giao lưu thể thao với chi đoàn bạn..

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng hoạt động phong trào cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Các buổi họp, sinh hoạt đôi lúc chưa được thực hiện thường xuyên. Các hoạt động phong trào chưa thật sự sôi nổi, nội dung và hình thức hoạt động theo lối mòn, ít có sự sáng tạo và chưa mang lại hiệu quả như mong muốn cũng như chưa khơi dậy và phát huy hết tiềm năng của từng đoàn viên. Một số đoàn viên vẫn chưa thể hiện hết trách nhiệm, lòng nhiệt huyết của mình khi tham gia các hoạt động phong trào nên dẫn đến hiệu quả chưa cao. Việc duy trì hoạt động của một vài Mô hình, Câu lạc bộ vẫn chưa được thực hiện thường xuyên. Bên cạnh đó, lực lượng đoàn viên luôn bị phân tán do phải đi công tác thường xuyên nên việc tham gia các hoạt động tập trung rất khó triển khai.

Từ thực trạng trên, để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động phong trào của Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, trong thời gian

tới cần thực hiện một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường đối với hoạt động của Chi đoàn. Đảng ủy Trường cần thường xuyên quan tâm chỉ đạo, định hướng nội dung các hoạt động phong trào của Chi đoàn. Thường xuyên tạo điều kiện và đánh giá chất lượng hoạt động phong trào để kịp thời động viên, khuyến khích những thành tích tốt, khắc phục những hạn chế, yếu kém còn tồn tại trong hoạt động phong trào.

Đảng ủy cần thường xuyên làm việc với Bí thư, Phó Bí thư Chi đoàn, lắng nghe ý kiến của chi đoàn và đoàn viên. Định kỳ gặp gỡ, đối thoại với đoàn viên để kịp thời nắm bắt những tâm tư, tình cảm của đoàn viên và hoạt động của Chi đoàn. Bên cạnh đó, Ban Giám hiệu Trường cũng cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí... để Chi đoàn tiến hành các hoạt động phong trào một cách hiệu quả và thiết thực.

Thứ hai, phát huy vai trò tích cực, chủ động của Bí thư, Phó Bí thư Chi đoàn. Trong đó, chủ động nắm bắt tình hình hoạt động chung của Chi đoàn, xây dựng kế hoạch hoạt động và phân công thực hiện nhiệm vụ

cụ thể cho đoàn viên. Chủ động, tích cực trong tham mưu với Đảng ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong Nhà trường về các hoạt động phong trào có liên quan.

Bên cạnh đó, thường xuyên đổi mới mạnh mẽ nội dung phương thức hoạt động của Đoàn phù hợp với nhiệm vụ của Nhà trường, gắn với hoạt động chuyên môn và nhiệm vụ được giao của từng đoàn viên. Đồng thời, Bí thư, Phó Bí thư Chi đoàn cần nắm bắt những ưu thế, đặc điểm của từng đoàn viên để phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường của đoàn viên.

Đồng thời, thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm sau mỗi phong trào, có tuyên dương và kiến nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các đoàn viên gương mẫu, thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động phong trào.

Thứ ba, đoàn viên Chi đoàn phải ý thức được nhiệm vụ chính trị của bản thân và phải thể hiện tinh tiên phong, xung kích, nòng cốt trong việc tham gia các hoạt động phong trào. Phải nêu cao tinh thần tự nguyện, tự giác, xem việc tham gia hoạt động phong trào

vừa là nhiệm vụ, vừa là trách nhiệm, vừa là môi trường để bồi dưỡng ý chí, nghị lực và trí tuệ của tuổi trẻ để bản thân được rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành.

Đồng thời, đoàn viên cũng phải tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức, các kỹ năng mềm nhằm đáp ứng tốt yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.

Kết luận

Có thể thấy, trong những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu luôn quan tâm và tạo

điều kiện cho Chi đoàn trong mọi hoạt động, nhất là trong tổ chức và thực hiện các phong trào thanh niên. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì chất lượng hoạt động phong trào trong thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Vì vậy, việc nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động phong trào là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng, vừa thúc đẩy Chi đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ, vừa xứng đáng là lực lượng nòng cốt chính trị, là trung tâm tập hợp, đoàn kết, chăm lo, rèn

luyện và bồi dưỡng cho đoàn viên được trưởng thành hơn nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011;
2. Chi đoàn cơ sở Trường Chính trị, Báo cáo số 21/BC-ĐTN ngày 21/11/2024 về công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2024.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ THS. NGUYỄN HOÀI VINH

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động, chăm lo lợi ích đoàn viên, đại diện, bảo vệ người lao động là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong mọi hoạt động của công đoàn. Do đó yêu cầu đổi mới nội dung, hình thức để nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở là nhiệm vụ hàng đầu, tập trung vào những nhiệm vụ trọng yếu, cơ bản của tổ chức công đoàn.

Đặt vấn đề

Công đoàn có vị trí đặc biệt trong hệ thống chính trị, có nhiều đặc điểm khác biệt với các tổ chức chính trị - xã hội khác. Công đoàn Việt Nam ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và người lao động. Công đoàn có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong hệ thống chính trị - xã hội và trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, đời sống của đất nước.

Xây dựng Công đoàn cơ

sở vững mạnh là một trong những ưu tiên hàng đầu của các cơ quan, đơn vị nó sẽ góp phần thúc đẩy và nâng cao năng suất hiệu quả công việc cho đơn vị. Công đoàn có vững mạnh mới có thể thực hiện được chức năng, nhiệm vụ cơ bản của mình là đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Bởi lẽ, Công đoàn cơ sở là nơi trực tiếp vận động công đoàn viên thực hiện chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các Nghị quyết của Công đoàn. Công đoàn cơ sở vững mạnh thì tổ chức công đoàn mới phát triển mạnh mẽ.

Nội dung

Công đoàn cơ sở Trường Chính trị là tổ chức Công đoàn trực thuộc Công đoàn Viên chức tỉnh Đồng Tháp với 41 Công đoàn viên (16 nữ và 25 nam). Thời gian qua, hoạt động của Công đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có những nội dung nổi bật sau:

Thứ nhất, về công tác tuyên truyền giáo dục

Công tác này luôn được Ban chấp hành Công đoàn cơ sở quan tâm thực hiện. Tuyên truyền, vận động công đoàn viên tham gia học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XIII của Đảng; tiếp tục tuyên truyền và cụ thể hóa Nghị quyết, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội X Công đoàn tỉnh Đồng Tháp và Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam. Tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” cho công đoàn viên thông qua hình thức buổi tọa đàm, kể chuyện về Bác lòng ghép trong các cuộc họp lệ tháng của đơn vị với các chủ đề đã góp phần nâng cao nhận thức về phong cách, đạo đức, lối sống, thái độ phục vụ nhân dân, tôn trọng công dân phải “*gần dân, học dân và hiếu dân*”.

Được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của Ban Giám hiệu và sự chỉ đạo trực tiếp của Công đoàn cấp trên. Ban Chấp hành

Công đoàn phối hợp với Chi đoàn thanh niên, tổ chức cho cán bộ, giảng viên, người lao động tham gia học tập, sinh hoạt, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuyên truyền học tập kỷ niệm các ngày lễ lớn, các ngày truyền thống trong năm, tham gia các phong trào thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ, các cuộc Hội thi do Công đoàn Viên chức Tỉnh, Cụm thi đua các trường chính trị khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, Cụm Công đoàn khối Đảng tổ chức.

Từ đó, mỗi công đoàn viên có ý thức, trách nhiệm tự giác chấp hành và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, nâng cao trình độ chuyên môn, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao, an tâm, tập trung cho công tác. Thường xuyên giáo dục nâng cao tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc.

Thứ hai, công tác chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi cho viên chức, người lao động

Công đoàn chủ động phối hợp với Ban giám hiệu Trường tổ chức tốt Hội nghị

viên chức, người lao động hàng năm. Thông qua Hội nghị, tập thể viên chức, người lao động có điều kiện tham gia đóng góp ý kiến vào chương trình kế hoạch công tác, vào sự phát triển của đơn vị.

Tham gia xây dựng, tổ chức và giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền lợi của cán bộ, đoàn viên Công đoàn như đề nghị nâng lương trước hạn, thực hiện tốt việc đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo Bộ luật Lao động và các văn bản pháp luật hiện hành: 100% đoàn viên công đoàn và người lao động được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn đầy đủ theo đúng Luật Bảo hiểm xã hội, được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu thực tế... đảm bảo sự công bằng cho công đoàn viên.

Ban chấp hành Công đoàn còn quan tâm, tặng quà Tết cho viên chức, người lao động⁶⁴. Phối hợp với Chi đoàn tổ chức các phong trào họp mặt đầu năm nhân dịp Tết Nguyên đán, tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; ngày quốc tế thiếu nhi 01/6

và Tết Trung thu, Công đoàn kết hợp với Chi đoàn thanh niên cơ quan tổ chức vui chơi, tặng quà cho các cháu thiếu nhi trong đơn vị, tặng quà cho các cháu con của viên chức, người lao động có thành tích xuất sắc trong học tập tạo sự phấn khích cho các cháu học tập tốt càng tốt hơn⁶⁵.

Thứ ba, công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động

Công tác kiểm tra, giám sát luôn được Ban Chấp hành Công đoàn quan tâm. Hàng năm, phối hợp cùng với chính quyền thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất liên quan đến việc thực hiện chế độ chính sách có liên quan trực tiếp đến cán bộ, viên chức, người lao động như: việc chấp hành Điều lệ Công đoàn, kiểm tra tài chính công đoàn, việc triển khai thực hiện nghị quyết... Qua kiểm tra, giám sát cho thấy, về cơ bản các tổ công đoàn thực hiện tốt Điều lệ công đoàn, các văn bản hướng dẫn của công đoàn cấp trên được thực hiện nghiêm túc; về tài chính, thực hiện đúng quy định trong việc thu, chi, lập dự toán và

⁶⁴ Phối hợp với chính quyền triển khai tổ chức Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024: Tặng 45 suất quà Tết gồm nhu yếu phẩm thiết yếu (đường, dầu ăn, bột nêm) và tiền mặt 500.000 đồng/suất.

⁶⁵ Kết quả hỗ trợ 35 phần quà gồm bánh, lồng đèn và tiền mặt. Tổng trị giá: 7 triệu đồng

quyết toán theo quy định, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

Ngoài ra, cùng với hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Công đoàn phát huy vai trò giám sát của người lao động đối với tình hình hoạt động của đơn vị.

Thứ tư, công tác xây dựng Công đoàn vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng

Hoạt động của Ban Chấp hành Công đoàn thực hiện đúng quy chế làm việc. Có phân công nhiệm vụ từng đồng chí ủy viên Ban Chấp hành nhằm phát huy sức mạnh tập thể, đoàn kết, nhiệt tình, gương mẫu trong các hoạt động, bám sát nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, văn bản hướng dẫn chỉ đạo của công đoàn cấp trên, nghiêm túc chấp hành sự lãnh đạo của Đảng ủy. Ngoài ra, Ban Chấp hành Công đoàn có xây dựng quy chế phối hợp với Thủ trưởng cơ quan nhằm tạo điều kiện công đoàn tham gia thực hiện tốt vai trò, chức năng của mình tại đơn vị; giải quyết kịp thời những vướng mắc của đoàn viên. Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên; tham gia đầy đủ các lớp

tập huấn do Công đoàn viên chức Tỉnh tổ chức.

Ban Chấp hành Công đoàn được Đảng ủy duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ theo quy định⁶⁶, đồng thời thường xuyên quan tâm chỉ đạo trong các cuộc họp Đảng ủy, qua đó đánh giá kết quả đạt được của hoạt động Công đoàn và định hướng hoạt động trong thời gian tới. Nội dung và phương pháp tổ chức sinh hoạt Công đoàn được cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, duy trì sinh hoạt định kỳ theo quy định; chế độ thông tin báo cáo thực hiện đầy đủ, đúng yêu cầu.

Công tác phát triển đoàn viên luôn được Công đoàn quan tâm tổ chức tiếp nhận, kết nạp đoàn viên theo đúng quy định. Thực hiện tốt việc cập nhật thông tin phần mềm và đổi thẻ đoàn viên công đoàn. Công tác bồi dưỡng và phát triển đảng viên luôn được quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ đoàn viên ưu tú đề giới thiệu cho Đảng⁶⁷.

Bên cạnh những mặt đạt được, hoạt động của Công đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp thời gian qua cũng còn tồn tại một số hạn chế sau:

Một là, vai trò thực hiện chức năng đại diện bảo vệ người lao động, tham gia quản lý và giám sát việc thực hiện các chính sách pháp luật có lúc, có nơi chưa thể hiện rõ.

Hai là, công tác tuyên truyền giáo dục các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công đoàn viên còn hạn chế, chất lượng chưa cao, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận công đoàn viên chưa cao. Việc nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của công đoàn viên chưa kịp thời.

Ba là, tổ chức sinh hoạt công đoàn theo định kỳ chưa duy trì thường xuyên, chế độ báo cáo chưa đúng quy định, nội dung sinh hoạt ít đổi mới, thường lồng ghép với kỳ họp chuyên môn định kỳ hàng tháng với đơn vị để triển khai hoạt động Công đoàn. Một số hoạt động công đoàn còn đơn điệu, chưa thật sự cụ thể, thiết thực, chưa mang lại hiệu quả cao, còn mang tính hình thức.

Bốn là, Trong hoạt động Công đoàn đôi lúc cũng còn gặp nhiều khó khăn nhất là trong thực hiện nhiệm vụ công tác thanh tra nhân dân, công tác kiểm tra, giám sát.

⁶⁶ BCH Công đoàn tham gia sinh hoạt định kỳ với Đảng ủy Trường 2 lần/năm (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm).

⁶⁷ Giới thiệu cho Đảng ủy 04 Công đoàn viên ưu tú để xem xét, bồi dưỡng và kết nạp vào Đảng, trong đó, đã kết nạp Đảng 04 Công đoàn viên ưu tú.

Nhằm phát huy các mặt tích cực, khắc phục những bất cập, hạn chế và nâng cao chất lượng hoạt động, thời gian tới Công đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần quan tâm, thực hiện các giải pháp sau:

Một là, đưa nhiệm vụ công tác tuyên truyền, giáo dục trong đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước lên hàng đầu nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức và hành động của từng cán bộ, công chức, người lao động góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị hàng năm.

Ban chấp hành công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho công đoàn viên cụ thể là thực hiện hiệu quả việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Phổ biến, học tập các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, các Chỉ thị Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của tỉnh mới được ban hành, thông tin, tình hình chính trị tại địa phương đến từng công đoàn viên.

Đa dạng hóa các hình thức, biện pháp trong sinh hoạt và tuyên truyền đường

lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến tổ chức công đoàn, đoàn viên, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan.

Hai là, Đảng bộ cơ sở quan tâm hơn nữa công tác bồi dưỡng, bố trí cán bộ, đảng viên có năng lực, phẩm chất, có uy tín và có kinh nghiệm hoạt động trong phong trào cán bộ, công chức, người lao động và hoạt động công đoàn để đảm đương nhiệm vụ chủ chốt của Công đoàn cơ sở và thường xuyên quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ để tạo nguồn lâu dài cho phong trào. Đảng ủy, Ban giám hiệu tiếp tục tạo điều kiện, giao nhiệm vụ và phát huy nội lực của tổ chức công đoàn, quan tâm bồi dưỡng lý luận của Đảng và ý thức phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng cho cán bộ, đoàn viên.

Ba là, trong quá trình xây dựng Công đoàn vững mạnh phải kết hợp hài hòa giữa hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, đáp ứng yêu cầu nguyện vọng đoàn viên và công nhân viên chức, lao động với xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, xây dựng Đảng vững mạnh, xây dựng cơ quan đơn vị văn hoá. Thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn

viên, đồng thời tích cực thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Bốn là, căn cứ vào tình hình thực tế, hàng tháng, quý của đơn vị, Ban chấp hành công đoàn có thể xây dựng nội dung chương trình sinh hoạt phù hợp. Cần nắm bắt tâm tư nguyện vọng, tìm hiểu hoàn cảnh của cán bộ, công chức, nhắc nhở đoàn viên thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm trong công tác, cải tiến lề lối làm việc, xây dựng nếp sống văn minh nơi công sở, chấp hành nghiêm túc nội quy kỷ luật của đơn vị, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Năm là, đẩy mạnh các hoạt động xã hội của Công đoàn, phát huy vai trò nòng cốt của công đoàn viên trong phong trào đền ơn, đáp nghĩa; các hoạt động tương thân, tương ái trong đoàn viên và người lao động, tham gia góp quỹ “Vì người nghèo”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Mái ấm Công đoàn”, hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu giao.

Ban chấp hành Công đoàn tích cực tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của các hoạt động từ thiện, xã hội, chung sức cùng cộng đồng. Quán triệt đến công đoàn viên luôn ý thức sâu sắc và xem

đây là việc làm thiết thực, ý nghĩa và đồng lòng đồng sức thực hiện trên tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, hướng về cộng đồng, phát huy truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách..., bằng những hành động thiết thực để tham gia, hưởng ứng. Từ đó, làm cho công tác xã hội, từ thiện do Công đoàn cơ sở tổ chức phát động được các đoàn viên công đoàn tích cực hưởng ứng.

Sáu là, Công đoàn cần chú trọng phối hợp với chính quyền tổ chức tốt hội nghị viên chức, người lao động hàng năm, phát huy dân chủ trong mọi hoạt động của cơ quan, xây dựng các tiêu chí thi đua và vận động cán bộ, công chức đăng ký các danh hiệu thi đua của cá nhân.

Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với phát động các phong trào thi đua yêu nước. Chủ động phối hợp với các thủ trưởng đơn vị tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát; tăng cường giám sát, phản biện xã hội về việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và những vấn đề có liên quan trực tiếp đến công đoàn viên. Thường xuyên nắm bắt tình hình, đời sống, việc thực hiện chế độ chính sách đối với công đoàn viên, kịp thời phát hiện, phản ánh, giải quyết hoặc phối hợp giải quyết những vấn

đề bức xúc, khiếu nại của công đoàn viên.

Kết luận

Nâng cao chất lượng hoạt động Công đoàn cơ sở là một nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài. Cùng với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích, hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, Công đoàn cơ sở Trường Chính trị ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong việc tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa Trường Đảng. Qua đó, nhận thức của viên chức, người lao động trong đơn vị được nâng lên rõ rệt và có sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện nâng cao đạo đức cách mạng; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các tệ nạn xã hội và luôn tạo được sự đoàn kết nhất trí trong toàn đơn vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Luật công đoàn năm 2012.
3. Điều lệ Công đoàn Việt

Nam năm 2020.

4. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh., Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, môn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
5. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, Báo cáo Tổng kết năm 2022.
6. Công đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, Dự thảo văn kiện Đại hội Công đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, nhiệm kỳ 2023 - 2027.
7. Báo Tuyên Quang, Vai trò của tổ chức công đoàn trong công tác phát triển Đảng, <https://baotuyenquang.com.vn/chinh-tri/xay-dung-dang-nha-nuoc/vai-tro-to-chuc-cong-doan-trong-cong-tac-phat-trien-dang-166602.html>, [truy cập ngày 05/02/2023].
8. Lao động Công đoàn, Một số đặc thù về tổ chức và hoạt động của công đoàn trong hệ thống chính trị và yêu cầu đặt ra với vấn đề cán bộ công đoàn, <https://laodongcongdoan.vn/bai-1-dac-thu-ve-to-chuc-hoat-dong-cua-cong-doan-trong-he-thong-chinh-tri-viet-nam-88909.html>, [truy cập ngày 05/02/2023].

GIỮ VỮNG VÀ NÂNG CHẤT CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ HƯỚNG TỚI ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO – BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ XÃ TÂN KIỀU, HUYỆN THÁP MƯỜI, ĐỒNG THÁP

✪ GTH.S NGUYỄN QUỐC BÌNH

Phó Trưởng Khoa Nhà nước và pháp Luật

I. Giới thiệu khái quát xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Xã Tân Kiều thuộc huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, nằm ở phía Bắc huyện, cách trung tâm huyện khoảng 07 km. Địa giới hành chính của xã bao gồm 04 ấp (ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4) và có tổng diện tích tự nhiên là 4.388,32 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 3.570,69 ha. Dân số toàn xã là 9.616 người với 2.537 hộ gia đình.

Tân Kiều có hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản hoàn thiện, bao gồm 01 hợp tác xã, 02 tổ hợp tác, 09 trạm bơm điện phục vụ 97,40% diện tích sản xuất và 08 trạm cấp nước sạch. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, hệ thống chính trị hoạt động ổn định, hiệu quả.

II. Xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Năm 2018, xã Tân Kiều được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nhờ sự quyết tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương và sự đồng thuận của nhân dân. Một số thành tựu nổi bật gồm:

Cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi: Hệ thống đường giao thông nông thôn được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân.

Về Kinh tế - sản xuất: Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển mô hình kinh tế hợp tác, thúc đẩy liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Về văn hóa - xã hội: Tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Về môi trường và cảnh

quan: Phong trào bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp được triển khai hiệu quả.

Tóm lại, sau nhiều năm phấn đấu, đến năm 2018, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đạt 19/19 tiêu chí của chương trình nông thôn mới, tạo bước đệm quan trọng để tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao.

III. Bài học kinh nghiệm.

Thứ nhất, xây dựng nông thôn mới nâng cao phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát năng động sáng tạo của cấp ủy, chính quyền và sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp. Đây chính là bài học rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Thứ hai, thực hiện tốt

công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của phong trào xây dựng nông thôn mới nâng cao. Vì vậy, công tác thông tin tuyên truyền được triển khai rộng khắp trên các phương tiện thông tin đại chúng và luôn bám sát sự chỉ đạo của cấp ủy để định hướng, xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp.

Thứ ba, phải bám sát định hướng xây dựng nông thôn mới nâng cao của Nhà nước; Vận dụng linh hoạt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các cán bộ, công chức; Triển khai, thực hiện đồng bộ các tiêu chí, có lộ trình phù hợp với đặc điểm, điều kiện của xã và từng ấp; Khắc phục tư tưởng nóng vội, cách làm thiếu dân chủ hoặc trông chờ, ỷ lại; Chú trọng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Thứ tư, kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung các kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của từng ấp và nguyện vọng của người dân. Thực hiện phân cấp cho các ấp trong thực hiện, nhất là cộng đồng dân cư và quy định rõ

trách nhiệm của từng cán bộ công chức; tập trung cho các công trình do cộng đồng dân cư thống nhất quản lý, tổ chức thực hiện; tận dụng, nâng cấp các công trình hiện có phù hợp tiêu chí nông thôn mới nâng cao; tranh thủ nguồn lực và sự ủng hộ, giúp đỡ của các ngành các cấp, sự đóng góp của mạnh thường quân trong và ngoài địa phương.

Thứ năm, xác định người dân là chủ thể - người trực tiếp làm, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện và được hưởng lợi. Phải lấy ý kiến người dân một cách nghiêm túc, từ khâu xây dựng đề án, góp ý quy hoạch đến việc xác định công trình, hạng mục đầu tư; tạo sự đồng thuận, tham gia đóng góp trí tuệ, kinh nghiệm, công sức, vật chất của người dân. Việc huy động sự đóng góp phải do chính nhân dân bàn bạc dân chủ, tự nguyện đóng góp và tổ chức thực hiện, tránh sự bàn bạc thiếu dân chủ dẫn đến việc huy động vượt quá sức đóng góp của nhân dân.

Thứ sáu, linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện các tiêu chí, đảm bảo khi triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tránh rập khuôn, máy móc.

IV. Giải pháp xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười đã áp dụng nhằm duy trì các tiêu chí đã đạt và đạt nông

thôn mới nâng cao 2024.

Chiều ngày 14/02/2025, UBND huyện Tháp Mười long trọng tổ chức Lễ công bố quyết định công nhận xã Tân Kiều đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024. Đây không chỉ là một dấu mốc quan trọng mà còn là minh chứng cho sự nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân xã Tân Kiều trong hành trình phát triển nông thôn. Dù không nằm trong lộ trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao vào năm 2024, nhưng với quyết tâm mạnh mẽ cùng sự đồng lòng của toàn thể nhân dân, Tân Kiều đã xuất sắc hoàn thành các tiêu chí trước thời hạn một năm. Thành quả này không chỉ giúp địa phương nâng cao vị thế mà còn mang lại những thay đổi tích cực trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Đến nay, diện mạo nông thôn Tân Kiều ngày càng khởi sắc với hệ thống hạ tầng được đầu tư đồng bộ và đời sống người dân không ngừng được cải thiện. Toàn bộ các tuyến đường trên địa bàn xã đều được chỉnh trang theo tiêu chí sáng - xanh - sạch - đẹp, góp phần nâng cao chất lượng giao thông nông thôn. Hệ thống giáo dục cũng có bước tiến vững chắc khi 100% trường học đạt chuẩn,

đảm bảo môi trường học tập tốt nhất cho thế hệ trẻ. Về an sinh xã hội, tỷ lệ hộ dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,03%, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn đối với sức khỏe cộng đồng. Công tác đào tạo nghề cũng được chú trọng, với hơn 75% lao động đã qua đào tạo, trong đó gần 54% có bằng cấp, chứng chỉ, mở ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập. Đặc biệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống chỉ còn 1,14%, giảm 2,37% so với trước đó, thể hiện sự hiệu quả của các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 72 triệu đồng/năm, tăng hơn 30 triệu đồng so với năm 2018, đánh dấu một bước tiến lớn trong việc nâng cao đời sống người dân.

Để giữ vững những thành tựu đã đạt được và hướng tới sự phát triển bền vững, xã Tân Kiều tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trọng tâm. Trước hết, địa phương tiếp tục nâng cao nhận thức và vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới nâng cao. Công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách được đẩy mạnh nhằm tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó, xã chú trọng củng cố bộ máy quản

lý, nâng cao hiệu quả điều hành bằng cách kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý Nông thôn mới (NTM) các cấp, đồng thời phân công trách nhiệm rõ ràng nhằm đảm bảo hiệu quả trong triển khai các tiêu chí. Trên lĩnh vực kinh tế, xã Tân Kiều tập trung phát triển nông thôn theo hướng bền vững, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp để nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, địa phương đẩy mạnh mô hình liên kết sản xuất, hợp tác xã, tạo vùng nguyên liệu ổn định, phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, từ đó tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Cùng với phát triển kinh tế, việc cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn cũng được quan tâm, bao gồm nâng cấp hệ thống giao thông, điện, nước sạch cũng như xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh. Môi trường sống là yếu tố then chốt trong quá trình phát triển bền vững, do đó, xã triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường, xử lý rác thải hiệu quả, đồng thời xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp. Song song với đó, xã Tân Kiều cũng tập trung giữ vững an

ninh trật tự và phát triển văn hóa - xã hội thông qua việc nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, an sinh xã hội, đồng thời đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Để đảm bảo nguồn lực cho sự phát triển, xã huy động đa dạng các nguồn vốn bằng cách kết hợp hiệu quả ngân sách nhà nước với sự đóng góp của nhân dân, đồng thời tranh thủ các chương trình hỗ trợ và thu hút đầu tư.

Đặc biệt rong nỗ lực bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống, xã Tân Kiều không ngừng tiên phong triển khai nhiều mô hình mới, góp phần xây dựng diện mạo nông thôn xanh - sạch - đẹp và nâng cao đời sống người dân. Cụ thể:

- Mô hình “Thu gom rác thải nông nghiệp” và “Thu gom rác thải sinh hoạt”. được thực hiện hiệu quả nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa UBND xã Tân Kiều với Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Đầu tư Cấp nước Trung Tiến. Những mô hình này không chỉ giúp xử lý rác thải đúng quy trình, giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà còn nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức bảo vệ môi trường, hướng tới một xã hội xanh - sạch - đẹp và phát triển bền vững.

- Mô hình “Làng quê đáng sống”. Với sự tài trợ từ Trung ương Đoàn và Tỉnh đoàn, cùng sự quan tâm, tạo điều kiện của Huyện ủy, UBND huyện, UBND xã đã phối hợp với Ban phát triển ấp 1 triển khai mô hình “Làng quê đáng sống” tại cụm dân cư ấp 1 với sự tham gia của 237 hộ dân. Mô hình này hướng tới xây dựng khu dân cư kiểu mẫu với môi trường trong lành, hạ tầng đồng bộ, đời sống người dân được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần.

- Mô hình “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Tân Kiều đã tích cực thực hiện mô hình “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, bao gồm các tiêu chí: Không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và mắc tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không vi phạm chính sách dân số, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; đồng thời đảm bảo sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ. Mô hình này đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình hạnh phúc và cộng đồng phát triển bền vững.

Nhờ việc triển khai đồng bộ các giải pháp cùng với những mô hình thiết thực, xã Tân Kiều không chỉ giữ vững danh hiệu nông

thôn mới mà còn vượt tiến độ một năm trong việc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, từng bước xây dựng một vùng quê đáng sống, bền vững và phát triển.

V. Kết luận

Việc xã Tân Kiều đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 là một thành tựu đáng tự hào, thể hiện sự đồng lòng và quyết tâm của chính quyền địa phương cũng như toàn thể nhân dân. Thành quả này không chỉ phản ánh sự phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội mà còn khẳng định chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, đây không phải là đích đến cuối cùng mà là nền tảng để xã tiếp tục phát triển bền vững hơn trong tương lai. Để giữ vững và nâng cao hơn nữa những tiêu chí đã đạt được, chính quyền và nhân dân xã Tân Kiều cần tiếp tục duy trì các mô hình kinh tế hiệu quả, phát triển hạ tầng đồng bộ, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng giáo dục và y tế. Thành công của xã Tân Kiều là minh chứng cho tinh thần đoàn kết và sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới. Với nền tảng vững chắc này, xã Tân Kiều sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, hướng tới mục tiêu nông thôn kiểu

mẫu, góp phần vào sự phát triển chung của huyện Tháp Mười và cả của tỉnh Đồng Tháp trong tương lai gần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tháp Mười; Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Tháp Mười đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;
2. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Kiều; Nghị quyết số 11-NQ/ĐU ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Kiều về xây dựng xã Tân Kiều đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2020 – 2025 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã về việc xây dựng xã Tân Kiều đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đến năm 2025.
3. Quốc hội; Nghị quyết số: 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

4. Thủ tướng Chính Phủ; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;
5. Thủ tướng Chính Phủ; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;
6. Thủ tướng Chính Phủ; Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022;
7. UBND tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025.
8. UBND tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025;
9. UBND tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025.
10. UBND huyện Tháp Mười; Kế hoạch số 3872/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới huyện Tháp Mười giai đoạn 2021-2025;
11. UBND huyện Tháp Mười; Kế hoạch số 5565/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười về Kế hoạch truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền

vững huyện Tháp Mười đến năm 2025.

12. UBND huyện Tháp Mười; Kế hoạch số 5565/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười về Kế hoạch truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia

xây dựng nông thôn mới gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững huyện Tháp Mười đến năm 2025.

13. UBND xã Tân Kiều; Kế hoạch số:114/KH-UBND ngày 28/02/2024 của UBND xã Tân Kiều về việc thực hiện xây dựng

nông thôn mới nâng cao năm 2024.

14. UBND xã Tân Kiều; Báo cáo số: 458 /BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Tân Kiều về Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười năm 2024.

1 Ngày 21/01/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức Hội thảo khoa học cấp cơ sở với chủ đề “Giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống gia đình trong xây dựng hình ảnh con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo”. Hội thảo đã thu hút gần 50 tác giả, nhà khoa học tham dự với hơn 30 bài tham luận xoay quanh những vấn đề về giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống gia đình cũng như những tác động của thời đại hiện nay đối với gia đình và công tác xây dựng con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo.

2 Sáng ngày 15/01/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có buổi tiếp Đoàn công tác Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận do đồng chí Trần Thị Minh Hoài, Phó Hiệu trưởng làm Trưởng đoàn đến nghiên cứu thực tế, trao đổi kinh nghiệm trong xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 1. Trong không khí gần gũi, thân tình, các thành viên Đoàn công tác Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận và Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trao đổi thuận lợi, khó khăn, giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên; chuẩn bị tốt hồ sơ xây dựng trường chính trị chuẩn theo quy định.

3 Chiều ngày 03/02/2025, trong không khí phấn khởi, tràn đầy niềm tin mừng Đảng - mừng Xuân Ất Tỵ - mừng đất nước đổi mới, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức họp mặt đầu năm Xuân Ất Tỵ 2025. Đây là dịp để nhà trường cùng nhìn lại những kết quả đã đạt được trong năm 2024 và kỳ vọng năm 2025 với nhiều thắng lợi mới. Tham dự có: TS Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường; các Phó Hiệu trưởng Trường cùng toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động nhà trường.

4 Chiều ngày 10/02/2025, Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học tổ chức Đại hội đảng viên Chi bộ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2025 - 2027, nhằm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2025, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ mới; bầu Bí thư và Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027. Đây là chi bộ được Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp lựa chọn tổ chức đại hội điểm để rút kinh nghiệm tổ chức đại hội các chi bộ trực thuộc trong Đảng bộ, tiến tới Đại hội Đảng bộ Đại hội cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đại hội đã hoàn thành nội dung, chương trình theo quy định. Đại hội đã bỏ phiếu tín nhiệm bầu Chi ủy nhiệm kỳ 2025 - 2027 gồm 03 đồng chí. Kết quả, đồng chí Bùi Văn De tái đắc cử Bí thư Chi bộ Chi bộ, đồng chí Nguyễn Thị Ánh Xuân, được Đại hội tín nhiệm bầu làm Phó Bí thư Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhiệm kỳ 2025 - 2027 với tỷ lệ đạt 100%.

5 Sáng ngày 14/02/2025, Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu tổ chức Đại hội đảng viên Chi bộ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2025 - 2027, nhằm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2025, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ mới; bầu Bí thư và Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027. Đại hội đã tiến hành bầu Chi ủy nhiệm kỳ 2025 - 2027 gồm 03 đồng chí. Đồng chí Võ Thị Mỹ Vân tái đắc cử Bí thư Chi bộ; đồng chí Võ Văn Quân được Đại hội tín nhiệm bầu Phó Bí thư Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu, nhiệm kỳ 2025 - 2027.

6 Sáng ngày 13/02/2025, Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng tổ chức Đại hội đảng viên Chi bộ lần thứ XIV,

nhiệm kỳ 2025 - 2027, nhằm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2025, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ mới; bầu Bí thư và Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027. Đại hội đã bầu Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027. Đồng chí Nguyễn Quốc Trung - Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng được tín nhiệm bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Phan Thị Minh Hiền, được Đại hội tín nhiệm bầu làm Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027.

7 Chiều ngày 13/02/2025, Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở và Nhà nước Pháp luật tổ chức Đại hội đảng viên Chi bộ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2025 - 2027, nhằm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2025, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ mới; bầu Bí thư và Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027. Đại hội đã tiến hành bầu Chi ủy nhiệm kỳ 2025 - 2027 gồm 03 đồng chí. Đồng chí Lê Minh Hiếu tái đắc cử Bí thư Chi bộ; đồng chí Nguyễn Quốc Bình, tái đắc cử Phó Bí thư Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở và Nhà nước Pháp luật, nhiệm kỳ 2025 - 2027.

8 Chiều ngày 27/02/2025, tại Trung tâm Chính trị huyện Lai Vung, Trường Chính trị Tỉnh phối hợp với Huyện ủy Lai Vung tổ chức Lễ Bế giảng lớp Trung cấp Lý luận chính trị, hệ không tập trung, khóa 181 (C81 - HLV). Lớp Trung cấp Lý luận chính trị khóa 181 (C181 - HLV), được khai giảng vào ngày 10/10/2023, với sự phối hợp nhịp nhàng, cách quản lý lớp phù hợp, hiệu quả; sự chủ động, vượt khó của các đồng chí học viên, lớp học đã hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo theo Quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Kết thúc khóa học, có 65 học viên được cấp bằng tốt nghiệp. Trong đó, loại Khá có

17 học viên, chiếm tỷ lệ 25.38%; loại Trung bình có 48 học viên, chiếm tỷ lệ 71.64%, có 07 học viên được Hiệu trưởng tặng giấy khen tích cực trong rèn luyện và các hoạt động phong trào

9 Chiều ngày 28/02/2025, tại Hội trường Huyện ủy Thanh Bình, Trường Chính trị Tỉnh phối hợp với Huyện ủy Thanh Bình tổ chức Lễ Bế giảng lớp Trung cấp Lý luận chính trị, hệ không tập trung, khóa 182 (C182 - HTB). Kết thúc khóa học, có 42 học viên được cấp bằng tốt nghiệp. Trong đó, loại Khá có 15 học viên, chiếm tỷ lệ 21.43%; loại Trung bình có 27 học viên, chiếm tỷ lệ 38.57%; có 05 học viên được Hiệu trưởng tặng giấy khen tích cực trong rèn luyện và các hoạt động phong trào.

10 Chiều ngày 04/3/2025, tại Trung tâm Chính trị huyện Cao Lãnh, Trường Chính trị Tỉnh phối hợp với Huyện ủy Cao Lãnh tổ chức Lễ Bế giảng lớp Trung cấp Lý luận chính trị, hệ không tập trung, khóa 183 (C183 - HCL). Kết thúc khóa học, có 70 học viên được cấp bằng tốt nghiệp. Trong đó, loại Khá có 31 học viên, chiếm tỷ lệ 44.29%; loại Trung bình có 39 học viên, chiếm tỷ lệ 55.71%; có 07 học viên được Hiệu trưởng tặng giấy khen tích cực trong rèn luyện và các hoạt động phong trào

11 Chiều ngày 06/3/2025, tại Trung tâm Huấn luyện và Bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh, Trường Chính trị Tỉnh phối hợp với Công an tỉnh Đồng Tháp tổ chức Lễ Bế giảng lớp Trung cấp Lý luận chính trị, hệ tập trung, khóa 63 (K63 - CAT). Đây là lớp học dành cho cán bộ, chiến sĩ công tác tại các phòng nghiệp vụ thuộc Công an Tỉnh; công an cấp huyện và cấp xã trên địa bàn Tỉnh. Kết thúc khóa học, có 50 học viên được cấp bằng tốt nghiệp. Trong đó, loại Giỏi có 01 học viên, chiếm tỷ lệ 2.00%; loại

Khá có 34 học viên, chiếm tỷ lệ 68.00%; loại Trung bình có 15 học viên, chiếm tỷ lệ 30%; có 01 học viên được Hiệu trưởng khen thưởng xuất sắc trong học tập và rèn luyện; 04 học viên được Hiệu trưởng tặng giấy khen tích cực trong rèn luyện và các hoạt động phong trào. Đồng thời, Hiệu trưởng cũng tặng giấy khen cho 02 đồng chí chủ nhiệm đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chủ nhiệm lớp.

12

Chiều ngày 07/3/2025, Công đoàn cơ sở Trường Chính trị tổ chức hội thi nấu ăn với chủ đề **“Bữa ăn gia đình – gắn kết yêu thương”** nhằm thiết thực chào mừng kỷ niệm 115 năm ngày Quốc tế phụ nữ và 1985 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng. **Hội thi diễn ra trong không khí vui tươi, sôi nổi. Kết quả Tổ Công đoàn Khoa Xây dựng Đảng đạt giải Nhất; Tổ Công đoàn Phòng QLĐT&NCKH đạt giải Nhì; Tổ Công đoàn Khoa LLCS-NNPL đạt giải Ba và Tổ Công đoàn Phòng TC,HC,TT,TL đạt giải Khuyến khích.**



Đại hội Đảng viên Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu, nhiệm kỳ 2025 - 2027



Đại hội Đảng viên Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng, nhiệm kỳ 2025 - 2027



Hội nghị học tập chuyên đề năm 2025 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển”



Đại hội Đảng viên Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở - Nhà nước pháp luật, nhiệm kỳ 2025 - 2027.

SÁCH KHÔNG BÁN